

LỊCH SỬ

LỚP
7

THƯ VIỆN

TRƯỜNG CẤP II - III PHƯỜNG THẠCH

PHỔ THÔNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG - 1976

Nhan đến 145
Chức 120

2/02/77
550

285
230
235

LỊCH SỬ VIỆT NAM

(THÈ KỶ XI — XVIII)

LỚP BẢY PHỒ THÔNG

thuongmaitruongxua.vn

THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG
1976

CHƯƠNG THỨ NHẤT
CỦNG CỐ NỀN ĐỘC LẬP DÂN TỘC
VÀ XÂY DỰNG QUỐC GIA
PHONG KIẾN THỐNG NHẤT
(thế kỷ XI — XV)

BÀI 1

NHÀ LÝ Củng CỐ NỀN ĐỘC LẬP
VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

1. Xây dựng chính
quyền phong kiến
tập trung

Sau khi Lê Long
Đĩnh chết, năm 1010 Lý
Công Uẩn, người chỉ huy
quân đội ở trong triều, đã
được tôn lên làm vua.

Nhà Lý thành lập. Cùng năm đó, Lý Công Uẩn dời
đô từ Hoa lư về thành Đại la là nơi
« trung tâm bờ cõi đất nước », « chỗ hội họp của bốn
phương »⁽¹⁾. Nhà Lý đặt tên kinh đô mới là thành Thăng
long (có nghĩa là rồng bay lên) và cho xây dựng ở đây nhiều
lâu đài cung điện và thành lũy bảo vệ. Từ đó Thăng long

(1) Trích Chiêu dời đô của Lý Thái Tổ.



Hình 1 — Nước Đại Việt thời Lý — Trần

với hình ảnh rồng bay lên, với những công trình văn hóa xinh đẹp như : chùa Một cột, tháp Báo thiên...trở thành thủ đô, trái tim của Tổ quốc ta.

Nhà Lý đổi tên nước là *Đại Việt* và ra sức xây dựng chính quyền vững mạnh để bảo vệ nền độc lập và thống nhất của đất nước. Nhà Lý chia nước ra làm 24 lộ. Dưới là các phủ, huyện, hương, giáp ⁽¹⁾. Bộ máy chính quyền được xây dựng có quy củ từ trên xuống dưới. Mọi quyền hành trong nước đều tập trung về triều đình. Đứng đầu triều đình là nhà vua rồi đến các quan văn võ các cấp ⁽²⁾. Những chức vụ quan trọng trong triều, do anh em, bà con của vua nắm giữ, về sau nhà Lý mới mở khoa thi để chọn quan lại.

Thời Lý, luật pháp bắt đầu được quy định rõ ràng và ghi chép thành sách. Bộ *Hình thư* thời Lý là bộ luật đầu tiên của nước ta. Hình phạt mặc dù còn mang tính chất thô sơ, khắc nghiệt, nhưng đã có tác dụng hạn chế sự tùy tiện của quan lại địa phương, góp phần củng cố chính quyền phong kiến tập trung.

2. Tổ chức quân đội vững mạnh

Cùng với việc củng cố chính quyền phong kiến, nhà Lý lo tổ chức quân đội vững mạnh để bảo vệ chính quyền và phòng chống ngoại xâm.

Quân đội thời Lý gồm có lính bộ, lính thủy, lính ngựa, lính voi. Quân lính tổ chức thành đội ngũ chặt chẽ

(1) Làng xã.

(2) Có chín phẩm cấp tât cả.

và được luyện tập thường xuyên. Ngoài các loại vũ khí đã có từ trước như giáo mác, cung nỏ, khiên..., quân lính còn được trang bị thêm máy bắn đá.

Quân đội thời Lý chia làm nhiều loại. Quân bảo vệ kinh thành gọi là « cấm quân ». Đây là đội quân tinh nhuệ được tuyển lựa cẩn thận và huấn luyện chu đáo. Quân các lộ có nhiệm vụ canh phòng và bảo vệ các địa phương. Những đội quân này hàng năm được thay phiên nhau về làm ruộng. Tất cả con trai đến 18 tuổi đều phải ghi tên vào sổ quân. Thời bình thì ở nhà làm ruộng, khi có chiến tranh thì ra lính đánh giặc. Với lời tổ chức như vậy, nhà Lý có một lực lượng quân đội hùng hậu, vừa đảm bảo yêu cầu quốc phòng, vừa đảm bảo sản xuất.

3. Đoàn kết các dân tộc để giữ gìn độc lập

Miền núi nước ta vốn là nơi cư trú của nhiều dân tộc ít người.

Do điều kiện địa lý, miền núi, đặc biệt là miền núi phía bắc và đông bắc nước ta, có một vị trí trọng yếu trong việc bảo vệ đất nước. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, đồng bào các dân tộc ít người luôn đồng tâm hiệp lực với người Kinh đấu tranh chống kẻ thù chung.

Nhà Lý đề ra nhiều biện pháp tích cực góp phần củng cố khối đoàn kết dân tộc. Tù trưởng của các dân tộc ít người vốn có thể lực và uy tín lớn đối với dân tộc họ. Vì thế nhà Lý vẫn giao cho các tù trưởng cai quản các châu miền núi. Các vua nhà Lý còn ban quan tước hay gả công chúa cho các tù trưởng miền núi. Nhiều tù trưởng vì thế đã trở thành phò mã hay quan lại cao cấp của triều

đình. Bằng cách tranh thủ các tù trưởng miền núi, nhà Lý đã thắt chặt thêm sự đoàn kết giữa các dân tộc. Nền độc lập thống nhất của đất nước vì thế được giữ gìn và củng cố.

4. Xây dựng và phát triển kinh tế

Song song với việc củng cố chính quyền và tổ chức lực lượng quân đội để bảo vệ đất nước,

nhà Lý cũng chăm lo phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân.

Sản xuất nông nghiệp thời Lý phát triển mạnh mẽ. Nhà nước rất coi trọng nghề nông và đề ra nhiều biện pháp đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Thời bình, quân lính được thay phiên nhau về làm ruộng. Những người nông dân lâu nay phiêu bạt các nơi, đều được khuyến khích trở về làng nhận ruộng làm ăn. Những năm mất mùa đói kém, nhân dân được miễn hoặc giảm tô thuế. Luật pháp thời Lý nghiêm cấm việc giết trâu bò và trừng phạt nặng tội ăn cắp trâu bò, để bảo vệ sức kéo trong sản xuất. Nhiều công trình thủy lợi được xây dựng với qui mô to lớn. Nhiều đoạn đê quan trọng được đắp dọc theo các sông ngòi lớn, như đê Cơ xá ở vùng Thăng long. Một số kênh, ngòi tưới ruộng được đào và khơi sâu thêm. Việc khẩn hoang cũng được đẩy mạnh để tăng diện tích canh tác.

Cùng với sự phát triển của sản xuất nông nghiệp, các nghề thủ công cổ truyền của nhân dân ta như nghề ương tơ dệt lụa, nghề làm đồ gốm, nghề rèn đồ sắt, đúc đồ đồng... lúc này cũng rất phát đạt. Nghề dệt đã dệt được

nhiều thứ vải lụa cho đến những loại gấm, đoạn có hoa và màu sắc đẹp. Nghề làm đồ gốm đã sản xuất được nhiều loại mặt hàng, từ đồ dùng trong nhà như bát, đĩa, vò, ấm, liễn, thạp... cho đến gạch ngói các loại có tráng men và trang trí vừa đẹp, vừa trang nhã. Men có nhiều loại: men ngọc, men rạn, men da lươn, v.v...

Nghề khai mỏ đồng, mỏ sắt và kỹ thuật rèn đúc cũng có những bước tiến mới. Nghề khắc bản in (bản gỗ) cũng đã xuất hiện.

Việc buôn bán, trao đổi giữa các vùng trong nước phát triển mạnh mẽ. Đường giao thông được mở mang thêm, chợ búa mọc lên ở nhiều nơi. Khu vực dành cho dân ở trong thành Thăng long đã chia ra thành những phố phường chuyên buôn bán hoặc sản xuất một số mặt hàng và có nhiều chợ buôn bán tập nập.

Việc buôn bán với nước ngoài cũng khá phát đạt. Ở biên giới Việt Trung có những chợ lớn. Nhân dân và lái buôn hai nước thường đem hàng hóa đến đó trao đổi. Thuyền buôn các nước khác như Xiêm la, Gia-va... thường ra vào buôn bán ở Vân đồn trong vịnh Bái tử long nổi tiếng của nước ta.

5. Xã hội nước ta thời Lý

Thời Lý, phần lớn ruộng đất là ruộng công của làng xã. Ruộng của làng xã nào do làng xã ấy

quản lý và phân phối cho các thành viên cày cấy. Nhưng trên danh nghĩa thì tất cả ruộng đất trong nước đều của vua, nên nông dân các làng xã cày cấy ruộng đất công phải nộp tô thuế, phải lao dịch và đi lính cho nhà nước.

Vì « đất của vua, chùa của làng » nên vua có quyền lấy một phần ruộng đất công của làng xã để ban cấp cho quý tộc và quan lại có công, lập thành các thái ấp. Những người nông dân cày cấy ruộng thái ấp này phải nộp tô thuế và có khi phải lao dịch, đi lính cho chủ thái ấp. Nhưng họ vẫn là nông dân các làng xã. Chủ thái ấp không có quyền mua bán, bóc lột họ như nô tỳ. Chủ thái ấp cũng không có quyền mua bán ruộng đất do vua phong mà chỉ có quyền sử dụng.

Như thế là xã hội thời Lý có hai giai cấp chính. Vua, quan và địa chủ là giai cấp phong kiến chiếm hữu ruộng đất và thống trị, bóc lột nông dân; nông dân các làng xã là giai cấp bị trị và bị bóc lột. Họ phải nộp tô thuế và lao dịch cho nhà nước hoặc cho chủ thái ấp. Họ là lực lượng sản xuất chủ yếu trong xã hội thời bình và là lực lượng chính tham gia chiến đấu bảo vệ xóm làng, quê hương khi có chiến tranh.

Ngoài hai giai cấp chính trên đây, trong xã hội còn có những người buôn bán và thợ thủ công. Họ cũng phải nộp thuế và nộp một phần sản phẩm làm ra cho nhà nước.

Cuối cùng, nô tỳ là những người nghèo khổ nhất trong xã hội. Đó là những người bị tội hoặc là tù binh bị bắt trong chiến tranh. Một số nông dân nghèo khổ cùng quá phải bán vợ, con, hoặc bán mình làm nô tỳ. Nô tỳ chủ yếu phải phục dịch trong nhà quý tộc, quan lại, một số phải cày cấy ruộng công cho nhà nước.

CÂU HỎI

1. Nhà Lý đã làm những việc gì để củng cố độc lập và xây dựng đất nước?

2. Bộ máy chánh quyền thời Lý được tổ chức như thế nào ?
3. Quân đội thời Lý được xây dựng như thế nào ?
4. Sự đoàn kết giữa các dân tộc thời Lý được thắt chặt thêm bằng cách nào ?
5. Sản xuất nông nghiệp thời Lý phát triển như thế nào ? Do đâu mà có sự phát triển ấy ?
6. Thủ công nghiệp có những tiền bộ gì ? Việc buôn bán ở trong nước và với nước ngoài phát đạt như thế nào ?
7. Xã hội nước ta thời Lý có mấy giai cấp chính ? Tại sao nói nông dân các làng xã là lực lượng sản xuất chủ yếu trong xã hội thời Lý ?

BÀI 2

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG (1075 — 1077)

1. Tích cực chuẩn bị kháng chiến

Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến năm 981, trong một thời gian, nhà Tống, không dám xâm phạm nước ta, song vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược. Khoảng giữa thế kỷ XI, vua Tống lại chủ trương đem quân đánh Đại Việt. Nhà Tống chuẩn bị chiến tranh xâm lược khá chu đáo, chúng đã ngăn cấm việc buôn bán ở vùng biên giới và mua chuộc một số tù trưởng miền núi chông lại nhà Lý. Quân Tống được lệnh tập trung ở gần biên giới, nhất là ở thành Ung châu, (Nam ninh, Quảng tây.)

Nhà Lý theo dõi chặt chẽ âm mưu xâm lược của nhà Tống và tích cực chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến với một tinh thần kiên quyết, một tư thế chủ động.

Một mặt, nhà Lý ra sức xây dựng lực lượng quốc phòng, tăng cường phòng thủ vùng biên giới. Mặt khác, nhà Lý cũng cổ động đoàn kết dân tộc, tranh thủ kết thân với các tù trưởng miền núi để làm thất bại âm mưu chia rẽ của kẻ thù.

2. Chủ động tiến công để tự vệ

Năm 1072, nhân lúc triều Lý có khó khăn⁽¹⁾ quân Tống càng ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta. Trước sự đe dọa của nạn ngoại xâm, Lý Thường Kiệt, người nắm binh quyền trong triều lúc bấy giờ, chủ trương « *ngồi im đợi giặc, không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của chúng* ». Lý Thường Kiệt, vốn con nhà võ, từ trẻ đã tỏ ra là người có chí hướng, ham đọc binh thư và luyện tập võ nghệ. Sau khi đã cân nhắc kỹ tình hình địch ta, ông chủ trương tiến công trước, nhằm giáng đòn phủ đầu bất ngờ vào quân Tống đang chuẩn bị xâm lược, giành quyền chủ động ngay từ đầu cho quân dân ta. Mục tiêu tiến công là những kho binh lương, những căn cứ xâm lược của quân Tống, chủ yếu là thành Ung châu.

Cuối năm 1075, Lý Thường Kiệt huy động khoảng mười vạn quân chia làm hai đường tập kích vào đất Tống. Đạo quân bộ gồm dân binh miền núi do các thủ lĩnh của họ chỉ huy, vượt biên giới kéo sang. Đạo quân thủy do chính Lý Thường Kiệt chỉ huy, vượt biển đổ bộ lên đất Tống rồi tiến lên vây hãm thành Ung châu. Để cô lập kẻ thù và tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Trung quốc

(1) Vua Lý chết, con trai lên nối ngôi mới có 7 tuổi.

khi tiền quân vào đất Tống, Lý Thường Kiệt đã cho yết bảng khắp nơi nói rõ mục đích tiến công để tự vệ của quân ta. Hai đạo quân Lý từ hai hướng tấn công hết sức bất ngờ và mãnh liệt. Quân Tống thất bại liên tiếp. Thành Ung châu bị vây hãm, địch phải cò thủ chờ tiếp viện. Sau 42 ngày công phá rất dũng cảm và mưu trí, quân Lý chiếm được thành. Lý Thường Kiệt ra lệnh san phẳng thành trì, tiêu hủy các kho lương thực, rồi nhanh chóng rút quân về nước.

3. Đánh tan 30 vạn quân xâm lược Tống trước phòng tuyến sông Cầu

Bị thất bại nặng nề ở thành Ung châu vua quan nhà Tống càng dốc sức gấp rút mở cuộc xâm lược. Nhà Tống điều động một đạo quân lớn gồm 10 vạn bộ binh, 1 vạn con ngựa và 20 vạn dân phu do tướng Quách Quỳ chỉ huy, tập trung ở gần biên giới để tiến đánh Đại Việt.

Về phía ta, sau trận tấn công thành Ung châu thắng lợi, Lý Thường Kiệt càng tích cực chuẩn bị kháng chiến. Trên các nẻo đường quân địch có thể tiến sang, ông cho bố trí các đội dân binh cản bước tiến và tiêu hao địch. Ông cho lập nhiều phòng tuyến để chặn đánh địch. Phòng tuyến chủ yếu xây dựng ở bờ nam sông Cầu vì mọi con đường từ phía đông bắc về Thăng long đều phải qua dòng sông này. Phòng tuyến này là một chiến lũy đắp bằng đất, dọc theo bờ phía nam sông Cầu, dài gần 100km. Mặt ngoài chiến lũy, phía giáp sông còn đóng mấy lần cọc tre làm giậu rất kiên cố. Quân chủ lực của ta do Lý Thường

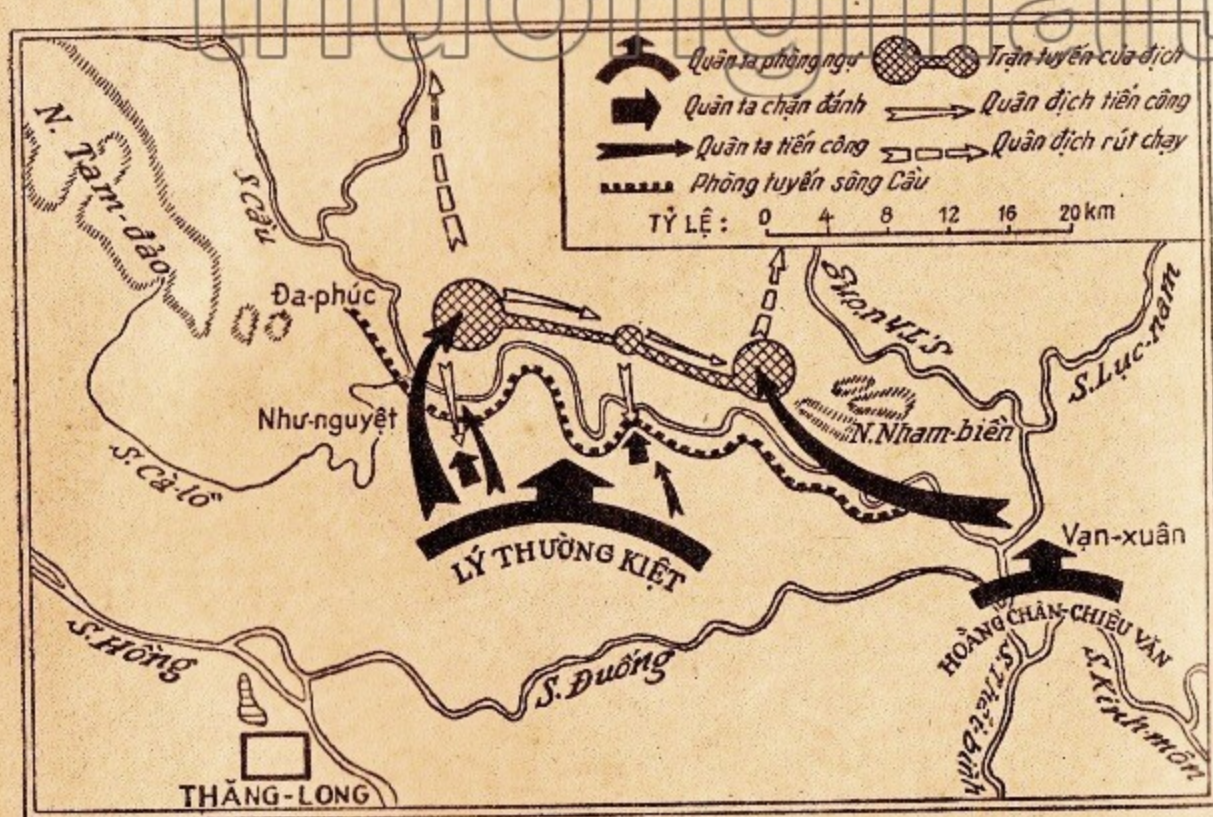
Kiệt chỉ huy, tập trung ở gần biên giới để tiến đánh Đại Việt.



Hình 2 — Kháng chiến chống quân xâm lược Tống

Kiệt chỉ huy, bảo vệ phòng tuyến trọng yếu này. Thủy quân cũng được bố trí ở những nơi hiểm yếu, cơ động tiếp ứng cho bộ binh.

Cuối năm 1076, quân Tống vượt biên giới tiến đánh nước ta. Quân dân ta chặn đánh địch ở nhiều nơi nhưng không cản được bước tiến ào ạt của địch. Quân Tống tràn xuống bờ bắc sông Cầu. Đền đây, chúng bị chặn đứng lại. Trên sông Cầu đã diễn ra nhiều trận đánh rất ác liệt. Quân địch hai lần tập trung lực lượng vượt sông Cầu và có lần đã chọc thủng được phòng tuyến của ta. Nhưng cả hai lần, quân ta đều kịp thời phản công mãnh liệt, đập tan cuộc tiến công của địch. Quân xâm lược hùng hổ lúc đầu buộc phải rút về thềm phòng ngự. Tướng Quách Quỳ không dám nghĩ đến việc vượt sông tiến công nữa và ra lệnh « ai bàn đến sẽ chém ».



Hình 3 — Những trận chiến đầu trên sông Cầu

Trong vùng địch chiếm đóng, quân dân ta đẩy mạnh các hoạt động tiêu hao, ngăn chặn đường tiếp tế làm cho quân địch càng ngày càng mệt mỏi, khốn quẫn. Thời cơ phản công đã đến, một đêm, đại quân ta do Lý Thường Kiệt chỉ huy vượt sông Cầu, bất ngờ đánh úp doanh trại chính của địch. Quân Tống đại bại, bị tiêu diệt đến 5, 6 phần mười. Tinh thần quân tướng hoang mang, tan rã.

Trước tình hình đó, Lý Thường Kiệt chủ động đề nghị « giảng hòa » để sớm chấm dứt chiến tranh. Quách Quỳ thấy rõ nguy cơ thất bại, vội nhận « giảng hòa » để rút quân về nước. Quân Tống rút đến đâu, quân ta tiến theo lấy lại những miền vừa bị quân Tống xâm chiếm.

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống đã kết thúc thắng lợi hoàn toàn. Từ đó nhà Tống phải chịu từ bỏ mộng tưởng xâm lược nước ta và phải công nhận nước ta là một nước độc lập. Bốn câu thơ bất hủ của Lý Thường Kiệt, đã được ghi vào lịch sử như bản Tuyên ngôn độc lập thứ nhất của dân tộc :

*Sông núi nước Nam, vua Nam ở,
Rành rành định phận ở sách trời,
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.*

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thắng lợi trước hết là do ý chí độc lập tự chủ mạnh mẽ và tinh thần đoàn kết quyết tâm chống xâm lược của quân và dân ta, của các dân tộc miền núi cũng như miền xuôi. Trong thắng lợi vẻ vang của dân tộc, Lý Thường Kiệt

đã có công lao rất to lớn, xứng đáng là một anh hùng dân tộc của một dân tộc anh hùng.

CÂU HỎI

1. Nhà Lý đã làm gì để chống âm mưu xâm lược của nhà Tống?
2. Lý Thường Kiệt là người như thế nào? Ông chủ trương tích cực chống xâm lược như thế nào? Kết quả bước đầu thực hiện ra sao?
3. Em biết gì về phòng tuyến sông Cầu và việc chuẩn bị đón đánh địch của ta?
4. Vì sao cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống đã thắng lợi? Thắng lợi đó có ý nghĩa gì?

BÀI 3

NHÀ TRẦN TIẾP TỤC CỐ NỀN ĐỘC LẬP VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

1. Nhà Lý đồ, nhà Trần lên thay

Sau khi đánh thắng quân xâm lược Tống nhà Lý còn tích cực xây dựng đất nước một thời gian nữa. Nhưng từ khoảng giữa thế kỷ XII, vua quan nhà Lý chỉ lo ăn chơi xa xỉ, không còn quan tâm gì đến công việc triều chính. Hạn hán, lụt lội, mất mùa, đói kém, xảy ra luôn luôn. Đời sống của nhân dân ngày càng sa sút cơ cực: quanh năm phải lao dịch vất vả, hết xây cung điện này, lại dựng chùa tháp khác, phải nộp tô đóng thuế nặng nề, lại bị bọn quan lại ức hiếp, đục khoét.

Ở nhiều nơi, miền xuôi cũng như miền núi, nhân dân đã nổi dậy đấu tranh. Sử cũ chép: « giặc cướp nổi dậy như ong ». « Giặc cướp » đây là hành động chống đối của những người dân nghèo khổ. Những cuộc đấu tranh của nhân dân đã làm cho chánh quyền nhà Lý lung lay. Nhân cơ hội đó, các thế lực phong kiến địa phương nổi dậy, tranh giành nhau kịch liệt. Vua Lý không đủ sức đàn áp những cuộc tranh chấp đó, nên phải dựa vào họ Trần là thế lực phong kiến mạnh nhất lúc bấy giờ. Dần dần họ Trần nắm giữ hết các chức vụ trọng yếu trong triều và đến năm 1226, công chúa Lý Chiêu Hoàng mới 7 tuổi lên nối ngôi bị ép nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh mới 8 tuổi. Triều Lý đổ, triều Trần thành lập từ đó.

2. Nhà Trần cũng cố chánh quyền và xây dựng quân đội

Nhà Trần thay thế nhà Lý, tiếp tục củng cố nền độc lập và xây dựng đất nước, đưa nước Đại Việt lên thành một quốc gia phong kiến độc lập, hùng cường.

Bộ máy chánh quyền thời Trần được tổ chức có quy củ, tập trung hơn. Cả nước chia làm 12 lộ hay phủ. Dưới lộ, phủ có châu, huyện, xã. Đứng đầu triều đình là nhà vua có quyền hành rất to lớn. Vua có quyền tịch thu tài sản, cấp ruộng đất, ban chức tước cho quan lại. Vua có quyền bãi chức các quan, quyền xét xử và quyết định tất cả mọi việc. Nhà Trần đặt thêm nhiều chức quan và cơ quan chuyên trách để lo liệu công việc về

THƯ VIỆN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP 2 TÂY BÀ

mọi mặt⁽¹⁾. Những chức vụ chủ chốt trong triều đều do các quý tộc, bà con của vua nắm giữ. Bộ máy chánh quyền địa phương cũng được tăng cường, mỗi xã có 3, 4 chức quan trông coi mọi việc. Nhà Trần cũng ra sức chăm lo tổ chức quân đội vững mạnh. Quân đội thời Trần được tuyển lựa và huấn luyện rất chu đáo, theo phương châm « binh lính cốt tinh nhuệ, không cốt nhiều ». Quân lính cũng được thay phiên nhau về làm ruộng nhưng lúc có chiến tranh thì « toàn dân là lính ». Nhà Trần đã lập ra giảng võ đường để đào tạo võ quan cao cấp.

3. Phục hồi và phát triển kinh tế

Nền kinh tế nước ta trong những năm cuối thời Lý có phần sa sút, sang thời Trần đã được

phục hồi và phát triển nhanh chóng.

Để tăng diện tích canh tác, nhà Trần rất chú trọng công cuộc khẩn hoang, nhất là ở miền đất bồi ven biển. Nhà Trần đã đặt ra những chức quan để đôn đốc việc khẩn hoang và quản lý các đồn điền được khai khẩn⁽²⁾. Công việc đắp đê, khơi ngòi để phòng lụt, chống úng cũng được coi trọng đặc biệt. Từ đầu nguồn đến bờ biển, dọc các sông lớn ở đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ ngày nay, đều có hệ thống đê để bảo vệ đồng ruộng. Đê điều được bồi đắp và sửa chữa hàng năm. Đắp đê là nhiệm vụ của tất cả mọi người không phân biệt sang hèn, già

(1) Quốc sử viện coi việc học hành và thi cử, Thái y viện coi việc chữa bệnh, Thám hình viện, Tam ty viện coi việc xét xử tội phạm, v.v. . .

(2) Gọi là đồn điền chánh sứ và đồn điền phó sứ,

trẻ, gái trai. Nhà Trần đặt ra những chức quan chuyên chăm sóc, bảo vệ đê điều⁽¹⁾. Vua Trần nhiều khi tự đi xem xét việc sửa chữa và đắp đê.

Những biện pháp tích cực trên đây đã tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh mẽ. Nhân dân ta đã trồng lúa được nhiều vụ. Ngoài lúa còn trồng nhiều thứ hoa màu như bắp, đậu, đậu phụng, trồng dâu tằm và trồng nhiều thứ cây ăn quả.

Thủ công nghiệp cũng có nhiều tiến bộ đáng kể. Nhiều làng thủ công chuyên làm một mặt hàng đã xuất hiện. Kinh thành Thăng long bây giờ đã có tới 61 phường chuyên sản xuất thủ công và buôn bán. Ở kinh thành cũng như ở các địa phương đều có chợ búa, buôn bán tập nập. Việc lưu thông hàng hóa giữa các vùng trong nước được mở mang hơn trước. Nhà nước đã thống nhất các đơn vị tiền tệ và đo lường để tiện việc trao đổi mua bán. Việc buôn bán với người ngoại quốc cũng phát đạt. Vân đồn vẫn là một trong những thương cảng lớn nhất của nước ta lúc bấy giờ.

CÂU HỎI

1. Nhà Trần đã thay thế nhà Lý trong hoàn cảnh nào ?
2. Nhà Trần đã làm những việc gì để củng cố nền độc lập và xây dựng đất nước.
3. Tình hình kinh tế nước ta thời Trần so với thời Lý phát triển như thế nào ?

(1) Gọi là hà đê chánh sứ và hà đê phó sứ.

BA LẦN CHIẾN THẮNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG — NGUYÊN (THẾ KỶ XIII)

KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ NHẤT (1258)
CHỐNG QUÂN MÔNG CỔ

1. Kiên quyết kháng chiến giữ nước

Vào đầu thế kỷ XII, những bộ lạc chăn nuôi người Mông cổ sống du mục trên vùng thảo nguyên

châu Á, bắt đầu tập hợp lại thành quốc gia. Sau đó vua chúa Mông cổ liên tiếp mở những cuộc xâm lược lớn, thông trị nhiều nước ở châu Á, châu Âu. Đến giữa thế kỷ XIII, đế quốc Mông cổ rộng lớn được thành lập bao gồm một phần châu Á và phần Đông Âu, từ bờ Thái bình dương đến bờ Hắc hải. Những cuộc chiến tranh xâm lược của vua chúa Mông cổ đã gây ra không biết bao nhiêu thảm họa cho nhân dân các nước và đe dọa nghiêm trọng nền độc lập của các dân tộc.

Năm 1257 vua Mông cổ tập trung lực lượng xâm chiếm nốt miền Nam Trung quốc. Một đạo quân Mông cổ đã chiếm được Vân nam và được lệnh tràn xuống đánh chiếm nước ta rồi mở một gọng kìm đánh thọc lên phía nam Trung quốc. Vua Mông cổ phái sứ sang dụ vua Trần đầu hàng. Nhà Trần không ngần ngại sai trói, giam sứ giả của kẻ thù lại và hạ lệnh cho toàn dân gấp rút chuẩn bị chiến đấu. Cả nước bừng bừng khí thế giết giặc cứu

nước. Trần Quốc Tuấn được cử đem quân lên phòng thủ biên giới. Nhân dân các làng xã nô nức sắm sửa vũ khí, thành lập các đội dân binh sẵn sàng chống giặc giữ làng, giữ nước.

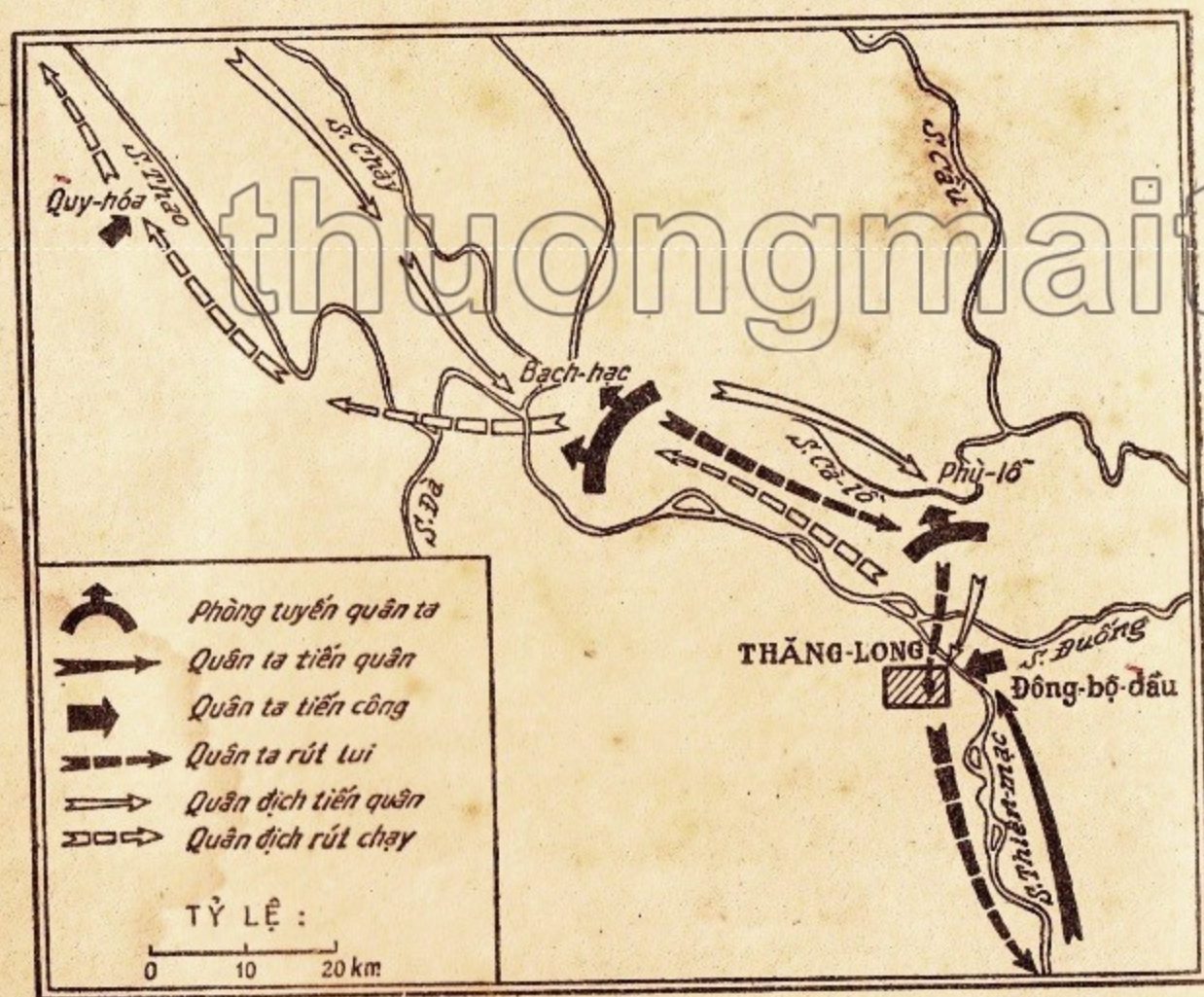
2. Đánh tan quân xâm lược

Đầu năm 1258, chớ mãi không thấy sứ giả trở về, hơn 3 vạn quân Mông cổ do tướng Ngột Lương

Hợp Thai chỉ huy, theo dọc sông Hồng, tiến vào xâm lược nước ta. Vua Trần đích thân chỉ huy quân đội, lập phòng tuyến chặn đánh địch. Quân Mông cổ tấn công rất ồ ạt. Quân ta chiến đấu hết sức gan dạ, dũng cảm. Nhưng thế giặc lúc đó còn mạnh. Quân ta phải lùi dần từng bước để bảo toàn lực lượng. Triều đình quyết định tạm rời kinh thành, theo dòng sông Hồng về đóng ở vùng Thiên mục (Khoái châu, Hải Hưng). Quân giặc tràn vào thành Thăng long. Nhưng 61 phố phường Thăng long vắng lặng không một bóng người. Nhân dân kinh thành theo lệnh triều đình đã quyết tâm đi kháng chiến. Quân giặc chỉ còn tìm thấy trong nhà ngục những tên sứ giả bị chôn chặt bằng thừng tre. Khi cởi trói ra, một tên đã chết. Giặc điên cuồng tàn phá Thăng long để « trả thù ».

Giặc đã chiếm được Thăng long nhưng tình thế của chúng ngày càng nguy ngập. Lương thực hao cạn dần, quân lính mệt mỏi và ốm đau ngày càng nhiều. Chủ trương đánh nhanh thắng nhanh và cướp lương thực để nuôi quân của địch bị phá sản hoàn toàn. Giữa lúc đó, quân ta mở cuộc tấn công quyết liệt vào Đông bộ đầu (bên sông Hồng quãng đầu dốc hàng Than, Hà nội).

Quân địch bị đánh bật ra khỏi Thăng long. Chúng phải chạy ngược sông Hồng về phía tây bắc, hòng mong thoát chết. Nhưng đến Quy hóa, chúng đã bị đạo quân do tướng *Hà Bổng* (dân tộc ít người) chỉ huy bắt ngờ chặn đánh. Địch bị tổn thất rất nặng. Người, ngựa trúng tên tẩm thuốc độc nằm chết ngổn ngang. Vô cùng hoảng sợ, quân địch cầm đầu, thúc ngựa chạy thục mạng, không còn dám nghĩ đến chuyện cướp bóc đột phá nữa. Nhân dân ta mỉa mai gọi chúng là «giặc Phật». Trong một thời gian rất ngắn (không đầy một tháng trời) đội quân xâm lược nhà nghề dưới quyền chỉ huy của một tên tướng Mông



Hình 4 — Kháng chiến lần thứ nhất (1258)
chống quân Nguyên

cổ lão luyện, đã bị đánh tan không còn một mảnh giáp. Âm mưu xâm lược nước ta của đế quốc Mông cổ đã bị chặn đứng. Nhân dân ta vô cùng phấn khởi càng thêm vững tin ở sức mạnh đoàn kết chống ngoại xâm của mình.

CÂU HỎI

1. Mông cổ lập nước vào lúc nào và mở rộng bờ cõi như thế nào? Việc mở rộng bờ cõi của Mông cổ là một nguy cơ đe dọa Đại Việt như thế nào?
2. Vua tôi nhà Trần đã kiên quyết chuẩn bị kháng chiến chống quân xâm lược Mông cổ như thế nào?
3. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất của quân dân Đại Việt đã diễn ra và thắng lợi như thế nào?

KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ HAI (1285) CHỐNG QUÂN NGUYÊN

1. Ra sức củng cố lực lượng chuẩn bị kháng chiến

Cuối thế kỷ XIII, chiếm xong toàn bộ Trung quốc, vua Mông cổ đổi hiệu nước là *Nguyên* và tiếp tục mở rộng xâm lược

các nước Đông Nam Á.

Lần này, nhà Nguyên đem quân đánh Cham-pa trước, định dùng Cham-pa làm bàn đạp tấn công Đại Việt từ phía Nam để phối hợp với đại quân của chúng sẽ đánh từ phía bắc xuống. Nhà Nguyên bắt vua Trần phải cho mượn đường và phải cung cấp lương thực cho đội quân viễn chinh đi đánh Cham-pa. Vua Trần không những

bác bỏ những yêu sách đó mà còn đem quân và thuyền chiến giúp Cham-pa chống kẻ thù chung.

Âm mưu xâm lược của nhà Nguyên đã quá rõ ràng, nhà Trần càng xúc tiến mọi việc chuẩn bị kháng chiến. *Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn*⁽¹⁾ được cử làm tổng chỉ huy quân đội thủy bộ. Ông là một người văn võ toàn tài, có uy tín rộng lớn. Trần Hưng Đạo ra sức luyện tập quân lính, cùng với các vương hầu tổ chức những cuộc tập trận và duyệt binh để rèn tướng sĩ và khích lệ tinh thần chiến đấu của toàn dân. Ông đã soạn ra bài *Hịch tướng sĩ* kêu gọi và động viên tướng sĩ xông lên diệt giặc cứu nước. Bài hịch có đoạn viết : « *Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, nước mắt đầm đìa, ruột gan đau như cắt, chỉ giận không được ăn thịt năm da, nuốt gan, uống máu quân thù, tuy trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thầy ta bọc trong da ngựa cũng nguyện xin làm* ». Bằng lời lẽ thông thiết, bài hịch đã quạt bùng lên ngọn lửa yêu nước và căm thù trong lòng quân dân ta. Nhà Trần còn mở nhiều hội nghị để bàn cách đánh giặc và tạo ra sự đoàn kết nhất trí của cả dân tộc. Các vương hầu và tướng soái cao cấp họp *hội nghị Bình than* (Hải hưng) thống nhất kế hoạch kháng chiến và sau đó chia quân giữ nơi hiểm yếu. Tại *điện Diên Hồng*, các phụ lão được vua Trần mời về hỏi ý kiến nên đánh hay hòa, đã đồng thanh hô « đánh ». Mọi tầng lớp nhân dân đều quyết tâm và sẵn sàng đánh giặc. Quân sĩ tự thích vào cánh tay hai chữ « Sát Thát » (nghĩa là giết giặc

(1) Thường gọi là *Trần Hưng Đạo*.



Hình 5 — Kháng chiến lần thứ hai (1285) chống quân Nguyên

Mông cổ). *Trần Quốc Toàn* mới 16 tuổi không được dự hội nghị Bình than đã uất ức bóp nát quả cam cầm trong tay lúc nào không biết. Người thiếu niên anh hùng đó tự lập ra một đội quân với lá cờ thêu sáu chữ vàng « Phá giặc mạnh, báo ơn vua » và ngày đêm luyện tập quyết cùng toàn dân tiêu diệt địch.

2. Trên dưới một lòng giết giặc cứu nước

Cuối năm 1284, 50 vạn quân Nguyên do *Thoát Hoan*, con trai vua Nguyên, trực tiếp chỉ

huy hùng hổ tràn qua biên giới. *Trần Hưng Đạo* đã bố trí quân ở những nơi hiểm yếu. Theo kế hoạch của ông, quân ta vừa chặn đánh để tiêu hao sinh lực địch, vừa rút lui để giữ gìn lực lượng. Sau một số trận giao chiến quyết liệt, quân ta tạm lui về giữ miền hạ lưu sông Hồng. Quân địch chiếm được Thăng long, nhưng cũng như lần trước, Thăng long chỉ còn là một tòa thành trống rỗng. Phò phường vắng ngắt không có lấy một bóng người, một hạt lương thực.

Cùng một lúc với *Thoát Hoan*, đạo quân Nguyên đóng ở Cham-pa do *Toa Đô* chỉ huy được lệnh đánh ra miền Nghệ an. Quân ta đã chiến đấu rất dũng cảm nhưng không cản được bước tiến của địch. Quân địch đã chiếm được Thăng long và nhiều nơi khác. Nhưng chúng luôn luôn vấp phải ý chí chiến đấu ngoan cường của nhân dân ta. Giặc đi đến đâu, nhân dân ta làm vườn không nhà trống đến đó, không cho chúng cướp lương thực để nuôi quân. Nhân dân khắp nơi đã nổi dậy, liên tiếp đánh phá quấy rối địch. Địch bắt được chiến sĩ nào trên tay có

hai chữ « Sát thát » chúng đều đem giết nhưng không ai chịu khuất phục. Tướng *Trần Bình Trọng* bị giặc bắt, trước lúc chết còn lớn tiếng quát vào mặt kẻ thù : « *Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc* ».

Địch còn đang ở thế tấn công, từ Thanh hóa, *Toa Đô* thúc quân tiến ra bắc (vùng Ninh bình) ; từ Thăng long *Thoát Hoan* cũng huy động quân đánh xuống (vùng Nam hà) tạo thành hai gọng kìm hòng tiêu diệt quân chủ lực của ta và vây bắt vua Trần.

Trước tình thế hiểm nghèo đó, *Trần Hưng Đạo* đã tổ chức một cuộc hành quân đầy mưu trí để đánh lạc hướng kẻ thù. Ông đưa vua Trần sang miền đông bắc (Hải phòng, Quảng ninh) để đánh lừa quân địch. Khi quân *Toa Đô* đã tiến ra Bắc, ông lại cùng vua quay vào chiếm lại Thanh hóa để củng cố lực lượng, chuẩn bị phản công.

3. Phản công, quét sạch nửa triệu quân xâm lược

Địch càng đóng quân lâu trên đất nước ta, càng gặp nhiều khó khăn. Lương thực, vũ khí hao cạn, quân lính mệt mỏi

ôm đau, tinh thần hoang mang suy sụp trước những đòn tập kích mãnh liệt của quân dân ta ở khắp nơi.

Nắm được tình hình đó, tháng 5 năm 1285 *Trần Hưng Đạo* hạ lệnh phản công. Từ Thanh hóa *Trần Hưng Đạo* điều quân đánh ra Bắc.

Trần Quốc Toàn và *Nguyễn Khoái* đem quân đánh địch ở *Tây kết* (Khoái châu, Hải hưng) thắng một trận

lớn. Sau đó, quân ta tiến công mãnh liệt vào các cứ điểm phòng thủ của địch ở phía nam Thăng long. Trần Nhật Duật, chỉ huy đánh trận Hàm tử. Trần Quang Khải chỉ huy đánh trận *Chương dương* (Thường tín, Hà tây). Địch thua tan tác... Quân dân ta thừa thắng tiến lên vây hãm Thăng long. Thoát Hoan phải rút quân khỏi Thăng long, rồi tìm đường tháo chạy về nước. Quân ta phục kích, đánh địch tơi bời trên đường rút chạy của chúng. Thoát Hoan phải chui vào ống đồng cho quân lính khiêng để tránh tên tầm thuốc độc của quân dân ta mới thoát chết.

Toa Đô định theo sông Hồng kéo về Thăng long. Nhưng đèn *Tây kết* bị vua Trần trực tiếp đem quân đón đánh. Thuyền địch tan vỡ từng mảng, hàng vạn quân giặc bị giết chết và bắt sống. Toa Đô bị chém đầu.

Thế là sau hai tháng phản công quyết liệt, nửa triệu quân xâm lược của một đế quốc hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ đã bị quét sạch ra khỏi bờ cõi nước ta.

CÂU HỎI

1. Nhà Trần đã chuẩn bị và quyết tâm chống nguy cơ xâm lược lần thứ hai của quân Nguyên như thế nào?
2. Quân dân Đại Việt đã kháng chiến chống xâm lược như thế nào? Hãy nêu những sự việc nói lên tinh thần đoàn kết giết giặc cứu nước của quân dân ta.
3. Thuật lại trên bản đồ cuộc phản công tháng 5-1285 của quân dân Đại Việt.

KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ BA (1287 — 1288) CHỐNG QUÂN NGUYÊN

1. Chủ động chặn đánh địch. Chiến thắng Vạn đồn mở đầu thắng lợi

Hai lần hùng hổ đem quân xâm lược nước ta bị thất bại, Hốt Tất Liệt, tên bạo chúa Nguyên hết sức tức giận. Y tức tốc ra lệnh chuẩn bị xâm lược nước

ta lần nữa để rửa nhục và để « trả thù ». Vua Nguyên huy động một lực lượng to lớn mấy chục vạn quân gồm cả lính bộ, lính ngựa, lính thủy với hơn 600 thuyền chiến và một đoàn thuyền chở lương.

Tháng 12 năm 1287 địch chia quân bộ làm hai mũi từ Quảng tây và Vân nam đánh sang nước ta. Đạo quân chủ lực do Thoát Hoan trực tiếp chỉ huy ào ạt tiến vào Lạng sơn. Theo kế hoạch của Trần Hưng Đạo, quân ta vừa chặn đánh địch để tiêu hao sinh lực của chúng, vừa tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng.

Cùng một lúc với quân bộ, đoàn thuyền chiến của địch do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp chỉ huy, hùng hổ kéo vào cửa sông Bạch đằng. Theo sau đoàn thuyền chiến là đoàn thuyền tải lương do Trương Văn Hồ phụ trách. Trần Khánh Dư, bấy giờ là phó tướng trấn giữ Vân đồn, đem quân chặn đánh nhưng không cản được thuyền chiến địch, Ô Mã Nhi theo sông Bạch đằng tiến về Vạn kiếp hội quân với Thoát Hoan. Trần Khánh Dư bèn nhanh chóng bỏ trí quân mai phục đón đánh đoàn thuyền tải lương. Bị đánh bất ngờ lại không có thuyền chiến yểm hộ, đoàn thuyền tải lương bị tan vỡ hoàn toàn. Trương

Văn Hồ phải chèo một chiếc thuyền con chạy thoát thân. Bao nhiêu lương thực, quân trang, vũ khí của địch đều chìm ngấm dưới đáy biển hoặc lọt vào tay quân ta.

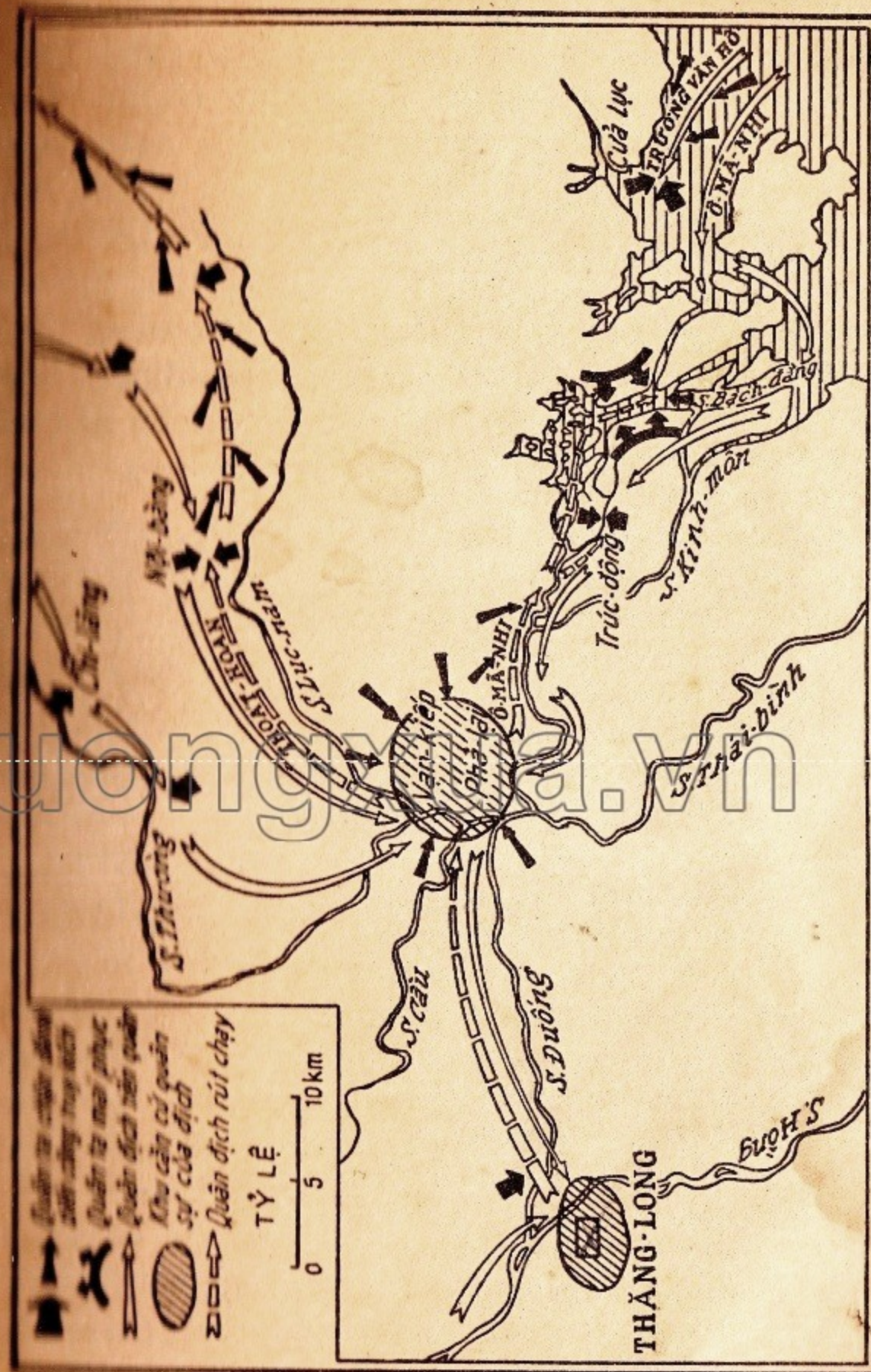
Chiến thắng Vân đồn đã giáng một đòn chí tử vào kế hoạch xâm lược của quân Nguyên. Lương thực là một trong những khó khăn lớn mà chúng đã vấp phải khi xâm lược nước ta những lần trước, thì lần này lại càng làm cho chúng lúng túng hơn.

Sau một thời gian dừng lại ở Vạn kiếp bổ trí lực lượng chia nhau đóng giữ những nơi tạm chiếm được, tháng 2 năm 1288 Thoát Hoan đem quân vượt sông Hồng đánh vào Thăng long. Cũng như hai lần trước, triều đình và nhân dân 61 phủ phường đã tạm rời kinh thành đi kháng chiến. Thoát Hoan thúc quân ráo riết đuổi bắt vua Trần nhưng không được. Chúng điên cuồng đốt làng mạc, tàn sát nhân dân cướp bóc của cải. Nhân dân ta càng sôi sục căm thù, càng ra sức cất giấu lương thực, thực hiện « vườn không nhà trống » và đánh tía địch ở khắp nơi làm cho chúng càng ngày càng khốn đốn.

2. Chiến thắng Bạch đằng kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến

Đóng quân ở Thăng long một thời gian ngắn, Thoát Hoan thấy như ngồi trên đồng lửa. Lương thực cạn, quân lính đói mệt, hoang mang đến cực độ. Không rút khỏi Thăng long thì không tránh khỏi bị bao vây và tiêu diệt. Vì thế hắn ra lệnh đốt phá Thăng long rồi rút quân về Vạn kiếp. Song ở Vạn kiếp cũng không yên, quân dân ta luôn tập kích, đánh tía. Cuối cùng Thoát Hoan thấy chỉ

Đóng quân ở Thăng long một thời gian ngắn, Thoát Hoan thấy như ngồi trên đồng lửa. Lương thực cạn, quân lính đói mệt,



Hình 6 — Kháng chiến lần thứ ba (1287 — 1288) chống quân Nguyên

còn một đường thoát là rút quân về nước. Hãn quyết định chia quân làm 2 đạo rút theo hai đường : lính thủy rút theo đường sông Bạch đằng, lính bộ rút theo đường Lạng sơn. Nằm vững tình hình và đoán đúng đường rút của địch, Trần Quốc Tuấn bố trí lực lượng chặn đánh địch không cho chúng thoát chạy. Trên sông Bạch đằng, theo kế của Ngô Quyền thuở trước, Trần Quốc Tuấn cho quân dân dẫn gỗ đẽo nhọn đầu, cắm xuống lòng sông để chặn đánh thuyền địch. Thủy quân của ta mai phục trong các nhánh sông. Bộ binh ta ẩn sẵn trong núi đá và trong rừng rậm ven sông.



Hình 7 — Cọc gỗ sông Bạch đằng thời Trần

Đầu tháng 4-1288 đoàn thuyền địch do Ô Mã Nhi cầm đầu bắt đầu rút, trên bờ có lính ngựa hộ tống. Quân dân ta phá cầu đường chặn đánh ác liệt, buộc lính ngựa phải quay trở lại. Đoàn thuyền địch nối đuôi nhau vào sông Bạch đằng. Quân ta cho một số thuyền nhẹ tiến lên khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy, Ô Mã Nhi hăm hở thúc quân đuổi theo. Bấy giờ nước triều đang xuống, đoàn thuyền địch lọt vào trận địa mai phục của ta. Quân

ta bắt ngờ tấn công, dồn thuyền địch về phía bãi cọc. Thuyền địch vừa to vừa nặng xô nhau, vấp phải cọc bị vỡ và đắm rất nhiều. Cùng lúc, quân mai phục hai bên bờ

đổ ra tiêu diệt địch. Đại quân do Trần Quốc Tuấn và vua Trần chỉ huy cũng đến tiếp chiến. Một cuộc chiến đấu ác liệt đã diễn ra trên sông Bạch đằng :

*« Muốn dăm thuyền bè tinh kỳ phấp phới,
Sáu quân oai hùng, gươm giáo sáng chói ».*

(Thơ TRƯỞNG HÁN SIÊU)

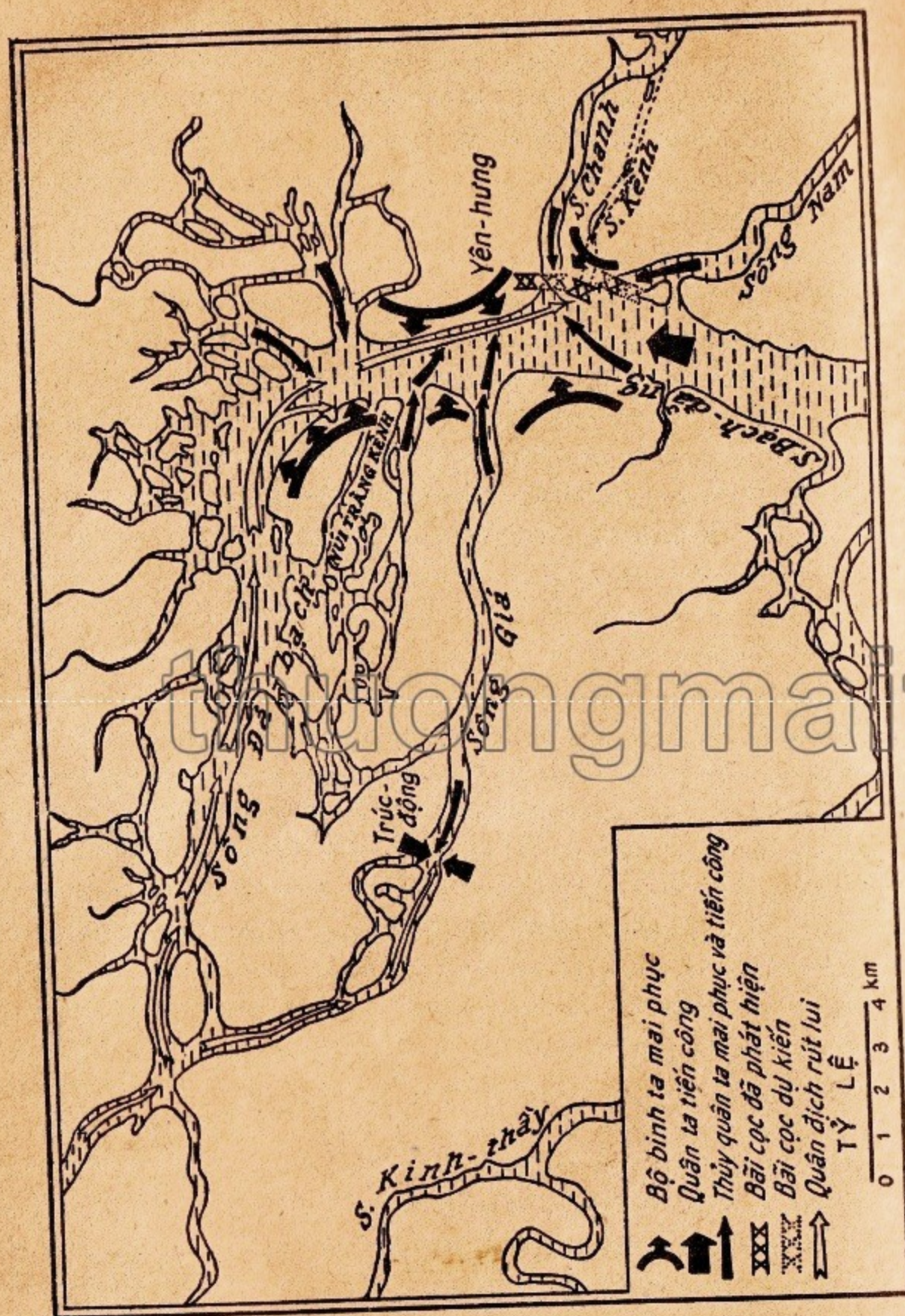
Toàn bộ đạo quân thủy của địch bị tiêu diệt ; Ô Mã Nhi và các tướng khác bị bắt sống, quân ta thu được hơn 400 chiến thuyền.

Đạo quân bộ do Thoát Hoan cầm đầu rút qua đường Lạng sơn cũng bị chặn đánh liên tục. Quân giặc liêu chết vừa đánh, vừa chạy. Xác giặc chét ngổn ngang, Thoát Hoan phải lần theo đường tắt mới chạy thoát được về nước.

Cuộc kháng chiến lần thứ ba của nhân dân ta chống quân xâm lược Nguyên đã thắng lợi hoàn toàn.

Trong vòng 30 năm (1258 — 1288) quân dân Đại Việt đã ba lần đánh tan những đội quân xâm lược khổng lồ của đế quốc Mông Nguyên hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ. Nguyên nhân quyết định thắng lợi đó là tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm chống giặc giữ nước của toàn thể quân dân. Từ vua đến dân, từ già đến trẻ, từ miền xuôi đến miền núi, nhân dân Đại Việt đồng lòng nhất trí đã đánh cho quân thù thất điên bát đảo quét sạch chúng ra khỏi bờ cõi. Trần Quốc Tuấn, nhà quân sự thiên tài đã góp phần to lớn vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta hồi đó.

Ba lần chiến thắng quân xâm lược Nguyên trong thế kỷ XIII nhân dân ta chẳng những đã giữ vững



Hình 8 — Chiến thắng Bạch đằng (1288)

nền độc lập của đất nước mình mà còn ngăn chặn âm mưu xâm lược các nước Đông Nam Á của phong kiến nhà Nguyên. Cuộc kháng chiến thắng lợi chứng tỏ rằng một dân tộc dù nhỏ bé nhưng một khi đã đoàn kết lại và kiên quyết chống giặc thì không một lực lượng ngoại xâm to lớn nào có thể đè bẹp được.

CÂU HỎI

1. Nhà Nguyên đã chuẩn bị và tiến hành xâm lược Đại Việt lần thứ ba như thế nào? Ngay từ đầu quân dân Đại Việt đã chiến thắng lớn ở đâu? Vì đâu mà chiến thắng? Chiến thắng này có ý nghĩa gì?
2. Thuật lại chiến thắng Bạch đằng năm 1288, nói rõ kết quả ý nghĩa của chiến thắng đó đối với cuộc kháng chiến lần thứ ba của quân dân Đại Việt.
3. Ba lần kháng chiến chống xâm lược Nguyên thế kỷ XIII của quân dân Đại Việt đã thắng lợi vì sao? Ý nghĩa và bài học của ba lần kháng chiến thắng lợi.
4. Làm bảng tóm tắt ba lần kháng chiến chống xâm lược Nguyên (với các mục: thời gian, lực lượng ta, lực lượng địch, những chiến thắng lớn, kết quả, nguyên nhân thắng lợi của ta và nguyên nhân thất bại của địch).

BÀI 5

SỰ PHÁT TRIỂN RỰC RỠ CỦA NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC THỜI LÝ — TRẦN

Thời Lý — Trần, độc lập dân tộc được giữ vững và củng cố, sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được đảm bảo đã tạo điều kiện thuận lợi cho nền văn hóa

nước ta phát triển đặc biệt mạnh mẽ, đậm đà tính chất dân tộc.

1. Sinh hoạt văn hóa của nhân dân

Thời Lý — Trần nhân dân ta rất thích ca hát nhảy múa : hát ả đào, hát chèo, múa rối, múa khiên... Dân nhạc có trống, đàn, sáo, nhị...

Trong triều ngoài nội có nhiều đội ca múa chuyên môn. Các môn thể thao dân tộc như đánh phết⁽¹⁾, đá cầu, đua thuyền, đấu vật... rất được ham chuộng. Triều đình đã tổ chức nhiều đội đấu thủ chuyên môn nhằm khuyến khích việc rèn luyện thân thể và để giải trí cho vua quan. Bà Liệt, con trai vua Trần đã sung vào đội đánh vật của triều đình. Vua Lý Thánh Tông đã múa khiên và đánh phết trong buổi đãi yến các quan trong triều. Nhà Lý xây một cung điện nguy nga bên bờ sông Hồng để vua và quý tộc ngự xem đua thuyền. Vào những ngày tết như Nguyên đán⁽²⁾, Trung thu⁽³⁾... hoặc những ngày hội khác hằng năm ở kinh thành Thăng long và các nơi khác thường tổ chức ca hát, đua thuyền, múa rối nước... Cảnh đua thuyền, múa rối nước tại kinh thành Thăng long đã được người thời đó kể lại như sau : « Hàng nghìn chiếc thuyền bơi giữa dòng nhanh như chớp, muôn tiếng trống khua hòa nhịp với tiếng nước như sấm động... Sông nước rập rờn, rùa vàng nổi lên đội ba quả

(1) Quả phết làm bằng da, hình tròn trong nén đầy lông cho nhẹ, sơn son.

(2) Ngày 1 tháng một âm lịch.

(3) Ngày 15 tháng tám âm lịch.

núi, nước chảy nhịp nhàng, lộ vân trên vỏ và xòe bốn chân như răng trợn mắt, phun nước biểu diễn, hướng tới ngai vua mà cúi đầu chào ».

Những ngày hội mùa hằng năm là những dịp nhân dân ta tạm thời nghỉ ngơi, tổ chức vui chơi giải trí sau những ngày lao động vất vả. Hội mùa xuân thì trồng cây đu, đá cầu, đánh phết, tung còn⁽¹⁾. Nơi thi nấu cơm, nơi thi làm cỗ, nơi thi dệt vải, thi cày, thi cấy. Mùa thu thì tổ chức đua thuyền, bơi chải, múa rối, leo dây...

2. Những thành tựu về văn học, sử học...

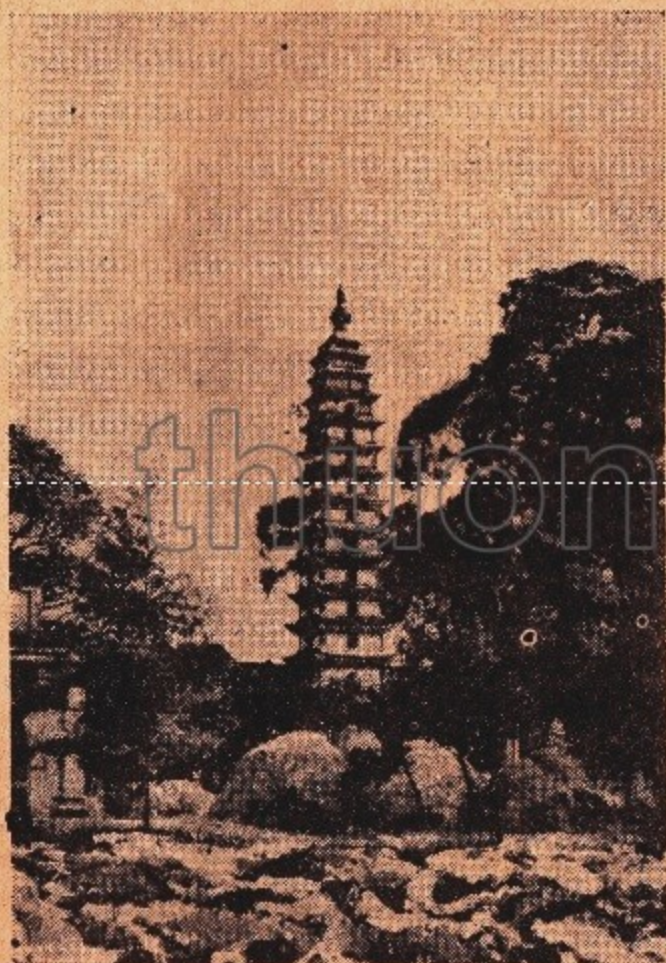
Nền văn học dân tộc của ta với những câu ca dao, truyện cổ tích, thần thoại đã có từ lâu đó là *văn học dân gian* được truyền miệng từ đời này qua đời khác và càng ngày càng phát triển. Thời Lý — Trần, kho tàng thần thoại và truyện dân gian phong phú đó cùng với những sự tích phi thường của những anh hùng dựng nước và giữ nước bắt đầu được sưu tầm, tổng hợp và ghi chép lại thành sách⁽²⁾.

Thơ văn viết bằng chữ Hán thời này cũng phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt có giá trị là những tác phẩm

(1) Quả còn làm bằng bông hoặc bằng lụa, to bằng nắm tay trẻ con, trên đính 20 dải lụa năm màu.

(2) Đó là những bộ *Lĩnh nam chích quái*, *Việt điện u linh*. Lĩnh nam chích quái gồm những truyền thuyết dân gian do Kiều Phú và Vũ Quỳnh thời Lê biên soạn, nhưng việc sưu tầm tập hợp các truyền thuyết này lại do các học giả thời Trần làm. Việt điện u linh do Lý Tế Xuyên tập hợp và biên soạn ghi sự tích của một số vị thần trong thần thoại cổ và một số anh hùng dân tộc.

văn học yêu nước phản ánh những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm rất anh hùng của dân tộc. Đó là những bài thơ đầy khí phách dân tộc của *Lý Thường Kiệt*, *Trần Quang Khải*, *Phạm Ngũ Lão*, *Trương Hán Siêu*... là *Hịch tướng sĩ* của *Trần Quốc Tuấn*. Hịch tướng sĩ là tác phẩm văn học tiêu biểu, thể hiện một ý chí bất khuất và lòng tự hào của dân tộc ta thời đó.



Hình 9 — Tháp Phổ minh
(Nam định, Nam hà)

nhà sử học lỗi lạc thời bấy giờ đã biên soạn bộ « *Đại Việt sử ký* » gồm 30 quyển là bộ sử lớn đầu tiên.

(1) Vận dụng chữ Hán để ghi lại nghĩa và âm Việt.

Cùng với văn học, sử học, nhiều ngành khoa học khác như kỹ thuật, quân sự, y học... cũng có những thành tựu quan trọng. Cuối thời Trần, quân dân ta đã biết dùng thuốc súng trong chiến tranh, chế tạo ra hỏa pháo.



Hình 10 — Chùa Một cột (Hà nội)

Thời Trần coi trọng việc dùng cây thuốc trong nước (gọi là cây thuốc Nam) để chữa bệnh. *Tuệ Tĩnh*, nhà y học nổi tiếng của thế kỷ XIV đã nghiên cứu thuốc Nam chữa được hàng trăm loại bệnh.

3. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc

Thời Lý — Trần, Phật giáo rất thịnh hành. Bên cạnh việc xây dựng lâu đài, cung điện, thành

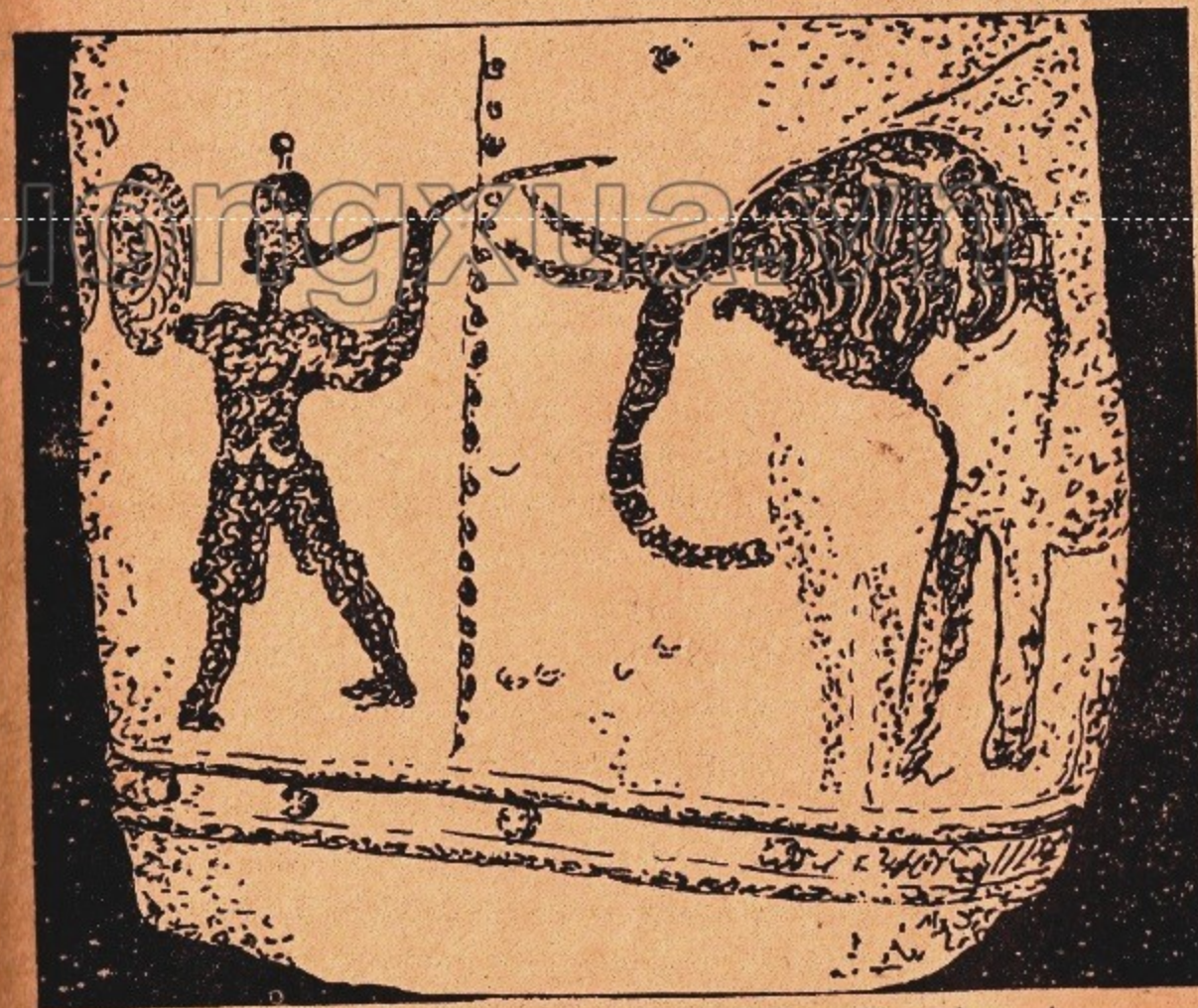
lũy, đến thờ các anh hùng dân tộc, việc xây dựng và tu bổ các chùa tháp cũng là công việc thường xuyên. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc vì thế phát triển mạnh mẽ. Đặc điểm nổi bật của các công trình kiến trúc, điêu khắc thời kỳ này là quy mô to lớn và tính cách chắc chắn. Thành Thăng long xây dựng từ thời Lý có hai vòng, dài khoảng 25km. Trong thành có nhiều cung điện cao đến 4 tầng. Tháp Báo thiên (Hà nội) 12 tầng cao chót vót (trên 60m). Tượng Phật Di lặc chùa Quỳnh lâm (Đông triều) cao tới 20m.



Hình 11 — Mặt đá tròn chạm rồng.
(Tháp Chương sơn, Nam hà)



Hình 12 — Hình rồng đời Lý. Chạm gỗ



Hình 13 — Hình chiến sĩ đầu võ và voi trên thông gòm

Chùa Một cột Hà nội là một công trình kiến trúc đặc sắc ⁽¹⁾. Toàn bộ ngôi chùa dựng trên một cột đá lớn nổi lên giữa hồ tượng trưng cho một bông sen nở trên mặt nước. Tháp Phổ minh (Nam hà), tháp Bình sơn (Vĩnh phú) là những công trình kiến trúc có giá trị. Hình tháp vừa cao vừa khỏe, bố cục chặt chẽ, đường nét cân đối, màu sắc hài hòa, tươi tắn.



Hình 14 — Nhạc công. Chạm gỗ.
(chùa Thái lạc, Văn lâm — Hải hưng)

Những công trình điêu khắc trên đá, trên gốm và trên gỗ thời Lý — Trần cũng đạt tới một trình độ nghệ thuật cao. Đường nét chạm trở tỉ mỉ nhưng thanh thoát sinh động. Để tài chạm khắc thường mô tả cảnh thiên nhiên hoặc sinh hoạt của con người như rồng bay, phượng múa, sóng nước, hoa sen, nhạc công, vũ nữ. Đặc biệt con

rồng là một hình tượng nghệ thuật độc đáo và phổ biến. Con vật mình dài, uốn khúc uyển chuyển này tượng trưng cho nguồn nước và mây mưa là niềm mơ ước của những người làm ruộng trồng lúa nước.

(1) Ngôi chùa Một cột còn lại hiện nay đã qua nhiều lần sửa sang, xây dựng lại, qui mô thu nhỏ lại so với thời Lý.

Hơn một thế kỷ sau khi đã đánh đổ được ách đô hộ của phong kiến nước ngoài, thời Lý — Trần là lúc dân tộc ta vươn lên mạnh mẽ mọi mặt. Nền văn hóa nước ta lúc này cũng bước vào một giai đoạn phát triển rực rỡ, thể hiện một cách sâu sắc cuộc sống và tâm hồn dân tộc. Đó là nền văn hóa Lý — Trần, còn gọi là văn hóa Thăng long.

CÂU HỎI

1. Hãy kể một vài hình thức sinh hoạt văn hóa của nhân dân ta thời Lý — Trần mà em biết.
2. Lấy những ví dụ chứng minh sự phát triển của văn học thời Lý — Trần. Ngoài văn học, thời Lý — Trần còn có những thành tựu văn hóa gì khác.
3. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Lý — Trần phát triển như thế nào. Hãy nêu những công trình nghệ thuật đặc sắc của thời kỳ này mà em biết.

BÀI 6

PHONG TRÀO NÔNG DÂN KHỞI NGHĨA THẾ KỶ XIV. NHÀ TRẦN SỤP ĐỔ, NHÀ HỒ LÊN THAY

1. Sản xuất đình đốn nhân dân khổ cực bất bình

Sau kháng chiến chống xâm lược Mông Nguyên thắng lợi, trong một thời gian, nhà Trần còn quan tâm khôi phục và phát triển kinh tế. Nhưng nhà Trần lại lấy nhiều ruộng đất

công của làng xã, ban thưởng cho những tướng sĩ có công. Các quý tộc quan lại, nhân đó, lại chiếm đoạt thêm ruộng đất của nhân dân. Nông dân không những bị mất ruộng đất mà còn phải nộp tô thuế nặng nề, lao dịch vất vả. Nhiều người phải bỏ cả làng mạc,飄泊 khắp nơi hoặc phải bán mình làm nô tỳ. Nền kinh tế vì thế bị đình đốn, đời sống nhân dân khổ cực. Nhà Trần ngày càng mất lòng dân. Nhân dân hằng năm phải đi phu, đi lính, lại càng oán giận nhà Trần. Trong khi đó vua Trần và quý tộc quan lại chỉ lo ăn chơi xa xỉ, đục khoét nhân dân. Trần Dụ Tông bắt dân đi phu đào sông, làm hồ, chắt đá làm núi để làm chỗ vui chơi. Lại còn bắt dân chở nước mặn từ biển Đông về đổ vào hồ để nuôi hải sản. Quan lại trong triều chia bè, kéo phái, giết hại lẫn nhau để tranh giành quyền vị. Đê điều, mùa màng bỏ trống không ai chăm sóc. Lụt lội hạn hán, mất mùa đói kém xảy ra thường xuyên. Đời sống của nhân dân, nhất là của nông dân nghèo và nô tỳ rất cơ cực. Nhiều người bị chết thê thảm trong những nạn đói. Mâu thuẫn trong xã hội vì thế ngày càng trở nên gay gắt.

2. Khởi nghĩa của nông dân và nô tỳ bùng nổ khắp nơi

Bị áp bức bóc lột tàn tệ, nông dân, nô tỳ không còn con đường nào khác là nổi dậy đấu tranh. Từ giữa thế kỷ XIV, nhiều cuộc khởi nghĩa của nô tỳ và nông dân nghèo đã bùng nổ ở nhiều nơi. Tiêu biểu nhất trong các cuộc khởi nghĩa đó là cuộc khởi nghĩa của Ngô Bệ, Tể, Phạm Sư Ôn...

Ngô Bệ nêu cao khẩu hiệu «cứu giúp dân nghèo» đã tập hợp được lực lượng đông đảo. Những người bị áp bức bóc lột chiếm núi Yên phụ (Kinh môn, Hải Hưng) làm căn cứ. Nghĩa quân hoạt động trong một vùng rộng lớn và chiến đấu bền bỉ suốt 16 năm (1344 — 1360).



Hình 15 — Cuộc khởi nghĩa của Ngô Bệ và Tể

Cuộc khởi nghĩa do Tể lãnh đạo bùng nổ năm 1354. Tể tự xưng là cháu ngoại Hưng Đạo Vương, chiêu tập

nô tỳ và dân nghèo nổi dậy. Nghĩa quân hoạt động mạnh mẽ khắp vùng Lạng giang (Lạng sơn, Hà bắc) và Nam sách (Hải hưng). Năm 1389 một cuộc khởi nghĩa lớn do *Phạm Sư Ôn* cầm đầu bùng nổ ở Quốc oai (Hà tây). Nghĩa quân tiên công Thăng long và chiếm được kinh thành trong ba ngày.

Nhà Trần đã tập trung lực lượng thẳng tay đàn áp những cuộc đấu tranh của nông dân và nô tỳ. Tuy thất bại, các cuộc khởi nghĩa nói trên đã giáng những đòn mãnh liệt làm cho nhà Trần mau sụp đổ.

3. Hồ Quý Ly và triều Hồ

Hồ Quý Ly là một quý tộc có thế lực trong triều đình nhà Trần⁽¹⁾. Nhân lúc nhà Trần suy yếu. *Hồ Quý Ly* thâm tóm dần mọi quyền hành trong triều và xây dựng vây cánh của mình. Sau một thời gian chuẩn bị, năm 1400 *Hồ Quý Ly* ép vua Trần phải nhường ngôi cho mình và chính thức lập ra *triều Hồ*.

Là một người táo bạo và có nhiều tham vọng, *Hồ Quý Ly* đã thi hành một loạt cải cách về mọi mặt. Ông đề ra chánh sách hạn điền, hạn nô nhằm quy định số lượng ruộng đất và nô tỳ mà quý tộc quan lại được quyền chiếm hữu tùy theo phẩm tước. Chế độ thi cử được chấn chỉnh theo hướng thiết thực, chữ nôm được coi trọng hơn.

(1) *Hồ Quý Ly* có 2 người cô lấy vua Trần, bản thân *Hồ Quý Ly* cũng là phò mã nhà Trần, con gái ông lại lấy vua Trần.

Những cải cách của *Hồ Quý Ly* tuy có mặt tích cực nhưng nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội. Những đòi hỏi cấp thiết của nhân dân chưa được giải quyết, nô tỳ vẫn chưa được giải phóng, nông dân vẫn còn bị bóc lột nặng nề. Vì thế nhà *Hồ* không được nhân dân ủng hộ, không đứng vững được lâu dài.

CÂU HỎI

1. Cuối thế kỷ XIII nhà Trần suy yếu như thế nào?
2. Hãy kể những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nông dân và nô tỳ trong thế kỷ XIV.
3. *Hồ Quý Ly* đã tiến hành những cải cách gì?

BÀI 7

CUỘC XÂM LƯỢC CỦA NHÀ MINH VÀ PHONG TRẢO ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA NHÂN DÂN TA

1. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh dưới triều Hồ

Nhân dịp nhà Trần sụp đổ và nhà *Hồ* đang gặp nhiều khó khăn, nhà *Minh*⁽¹⁾ ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta.

Bây giờ có *Trần Thiêm Bình* tự xưng dòng dõi họ Trần, trốn sang cầu cứu nhà Minh. Năm lầy cơ hội đó, năm 1406, nhà Minh sai quân đưa *Thiêm Bình* về nước,

(1) Một triều đại phong kiến cường thịnh ở Trung quốc lúc bấy giờ.

Thâm độc hơn nữa, bọn đô hộ còn bắt dân ta phải bỏ những phong tục tập quán lâu đời của mình, phải thay đổi cả cách ăn mặc nhằm đồng hóa nhân dân ta. Chúng thiêu hủy và tịch thu không biết bao nhiêu sách vở của ta đem về nước hòng thủ tiêu kho tàng văn học quý giá của dân tộc ta⁽¹⁾. Chúng trọng dụng thầy chùa, thầy cúng, thầy bói, cho dạy học ở các trường để mê hoặc nhân dân ta.

Dưới ách đô hộ tàn bạo và thâm độc của nhà Minh, đời sống của nhân dân ta vô cùng điêu đứng. Tội ác của quân Minh ngày càng chồng chất :

*Tát cạn nước Đông hải, không rửa sạch tanh hôi
Chặt hết trúc Nam sơn, khó ghi đầy tội ác.*

(*Bình Ngô đại cáo*)

Nhân dân ta càng sôi sục căm thù địch, càng đấu tranh ngoan cường để giải phóng đất nước.

3. Phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta (1407—1417)

Cuộc kháng chiến do nhà Hồ lãnh đạo bị thất bại nhanh chóng. Nhưng, ngay từ khi nhà Minh vừa mới đặt ách đô hộ lên đất nước ta, một phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân ta đã bùng nổ khắp nơi. Nghĩa quân đã tập kích doanh trại địch, tấn công phủ thành đô hộ, trừng trị bọn quan lại nhà Minh và bọn Việt gian theo giặc... Nghĩa quân còn đánh phá

(1) Trong sổ sách quý này đặc biệt có bộ *Vạn kiếp tông bí truyền thư*, *Bình thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn.

cầu đường, chặn đánh các cuộc hành quân cướp bóc của địch, bảo vệ quê hương xóm làng.

Từ cuối năm 1407 đã xuất hiện nhiều cuộc khởi nghĩa lớn có tổ chức chặt chẽ với phạm vi hoạt động khá rộng rãi. Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa do *Trần Ngỗi* và *Trần Quý Khoáng* lãnh đạo.

Là những quý tộc yêu nước thuộc dòng họ nhà Trần, *Trần Ngỗi* và *Trần Quý Khoáng* đã tập hợp được một số quý tộc quan lại yêu nước và được nhân dân một số vùng ủng hộ. Nghĩa quân hoạt động mạnh mẽ, có lúc đã giải phóng được cả một vùng rộng lớn từ Thanh hóa trở vào. Từ đó, nghĩa quân mở nhiều cuộc tấn công ra Bắc, gây cho quân Minh những thiệt hại to lớn. Nhưng về sau cuộc khởi nghĩa không phát triển được và cuối cùng bị thất bại. Cùng với đồng bào miền xuôi, nhân dân các dân tộc ở miền núi cũng nổi dậy đấu tranh rất quyết liệt và bền bỉ. Tiêu biểu nhất cho phong trào đấu tranh ở miền núi là hoạt động của nghĩa quân «áo đỏ». Dựa vào địa thế núi rừng hiểm yếu, với tài cung nỏ lợi hại, nghĩa



Hình 17 — Cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng

quân «áo đỏ», đã chiến đấu rất linh hoạt dẻo dai, bất ngờ tập kích, lúc ẩn lúc hiện, làm cho địch hết sức lúng túng. Phong trào «áo đỏ» lan rộng nhanh chóng khắp miền Việt bắc, Tây bắc và miền núi Thanh — Nghệ, kéo dài hàng chục năm ròng.

Dưới ách đô hộ của phong kiến nhà Minh, cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta đã diễn ra liên tục và rộng khắp, gây cho địch nhiều thiệt hại, tạo điều kiện đưa cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

CÂU HỎI

1. Nhà Minh đã chuẩn bị và đem quân xâm lược nước ta như thế nào? Tại sao cuộc kháng chiến chống xâm lược Minh dưới triều Hồ đã thất bại nhanh chóng?
2. Chính sách đô hộ của phong kiến nhà Minh làm cho đời sống của nhân dân ta khổ cực như thế nào?
3. Hãy kể những cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trong những năm 1407 — 1417.

BÀI 8

CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 — 1427)

1. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam sơn

Lê Lợi quê ở Lam sơn (Thọ xuân, Thanh hóa) là người yêu nước, thông minh, hào hiệp và có uy tín rộng rãi trong vùng. «Tinh thần và dáng người

tinh anh mạnh mẽ; mắt sáng, miệng rộng, mũi cao, tiếng nói như chuông, đi như rồng, bước như hổ» sử sách cũ đã mô tả ông như vậy. Gặp cảnh nước mất, nhân dân lâm than, Lê Lợi rất đau lòng và quyết chí mưu đồ khởi nghĩa cứu nước, cứu dân. Quân Minh định dùng chức tước để dụ dỗ, dùng tiền của để mua chuộc ông, nhưng đã thất bại. Lê Lợi thường nói với mọi người: «Kẻ trượng phu ở đời nên cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời chứ đâu lại chịu bo bo làm đầy tớ muôn người» và tuyên bố rằng: «ta đây lên đánh giặc, không phải vì tham phú quý, mà vì muôn cho ngàn đời sau biết rằng ta không chịu thần phục quân giặc tàn ngược».

Nghe tin Lê Lợi chuẩn bị khởi nghĩa ở Lam sơn, nhân dân và anh hùng hào kiệt các nơi tìm đến ngày một đông. Nguyễn Trãi là một trong những người đầu tiên đến với Lê Lợi và trở thành một lãnh tụ quan trọng của cuộc khởi nghĩa. Nguyễn Trãi là người học rộng, tài cao có lòng yêu nước nồng nàn, thương dân hết mực. Khi cuộc kháng chiến của nhà Hồ bị thất bại,



Hình 18 — Nguyễn Trãi

quân Minh giam lỏng ông ở thành Đông quan⁽¹⁾ hòng dụ dỗ mua chuộc ông. Nguyễn Trãi phải nhẫn nhục chịu đựng để che mắt quân thù rồi tìm cách trốn về Lam sơn.

Mùa xuân năm 1418 (mùng 2 Tết âm lịch) Lê Lợi và toàn thể nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa ở Lam sơn. Lê Lợi tự xưng là *Bình Định Vương*, truyền hịch đi các nơi kêu gọi mọi người hợp sức giết giặc cứu nước.

2. Hoạt động ở vùng núi Thanh hóa (1418—1423)

Lúc mới nổi dậy, lực lượng nghĩa quân không quá 2 000 người. Nhưng với tinh thần ngoan cường và dựa vào địa thế hiểm

trở của núi rừng Thanh hóa, nghĩa quân đã đương đầu với đội quân xâm lược đông gấp bội.

Chỉ mới mười ngày sau khi dựng cờ khởi nghĩa, nghĩa quân đã giáp chiến trận đầu với địch và thắng lớn, tiêu diệt hàng ngàn tên địch, thu nhiều vũ khí. Ba ngày sau, bị địch đánh úp nghĩa quân phải rút lên núi Chí linh. Hết lương thực, nghĩa quân phải ăn măng tre, rễ củ, rất gian khổ.

Hai tháng sau, khi quân Minh đã rút lui, nghĩa quân lại trở về Lam sơn. Được nhân dân hết lòng ủng hộ, nghĩa quân đã nhanh chóng xây dựng lại lực lượng. Giặc Minh liên tiếp tấn công, nghĩa quân lại rút lên núi Chí

(1) Thành Thăng long.

linh lần thứ hai. Giặc đuổi theo bao vây ráo riết, hòng bắt chủ tướng Lê Lợi. Tình thế hết sức hiểm nghèo, Lê Lai liền mặc giả làm Lê Lợi, tự xưng là chúa Lam sơn, cưỡi voi đem quân ra tập kích địch. Quân Minh tập trung lực lượng bao vây, bắt được Lê Lai đem giết tưởng rằng đã giết được Lê Lợi và đánh tan nghĩa quân, giặc liền rút quân. Lê Lợi và nghĩa quân lại kéo về căn cứ Lam sơn xây dựng lực lượng và mở rộng hoạt động ra khắp vùng. Thanh thế nghĩa quân ngày càng lớn.

Đầu năm 1423 quân Minh huy động tới 10 vạn quân mở những cuộc tấn công vây quét lớn. Lê Lợi và các chiến sĩ kiên quyết phá vòng vây, nhưng lương sức khó đương đầu ngay với địch, nghĩa quân lại rút lên núi Chí linh lần thứ ba. Những ngày gian khổ thiếu lương ăn lại đến với nghĩa quân Lam sơn. Lê Lợi phải cho giết cả voi, ngựa và cả con ngựa của mình cưỡi để nuôi quân. Trước tình hình đó, bộ chỉ huy nghĩa quân quyết định « tạm hòa với địch » để củng cố lực lượng chiến đấu lâu dài. Nhà Minh đánh mãi không thắng muốn lợi dụng việc giảng hòa để tìm cách mua chuộc dụ dỗ những người chỉ huy, làm tan rã ý chí chiến đấu của nghĩa quân. Ngược lại, tranh thủ thời gian hòa hoãn, nghĩa quân ra sức phát triển lực lượng, tích trữ lương thực. Cuối năm 1424 sau nhiều lần dụ dỗ mua chuộc không có kết quả, quân Minh giờ mặt, chuẩn bị cho quân đàn áp. Nghĩa quân lập tức chủ động tiến công địch trước, tiếp tục cuộc đấu tranh vũ trang cho đến thắng lợi hoàn toàn.



Hình 19 — Khởi nghĩa Lam sơn (1418 — 1427)

3. Tiến vào Nghệ an xây dựng căn cứ và phát triển lực lượng

Trước tình hình mới, Nguyễn Chích⁽¹⁾ đề nghị tạm rời bỏ căn cứ ở núi rừng Thanh hóa, tiến vào đánh lấy Nghệ an là «nơi hiểm yếu, đất rộng, người đông» làm chỗ dựa, sau này ra Bắc và vào Nam đều dễ dàng.

Theo kế hoạch của Nguyễn Chích, nghĩa quân theo đường núi tiến vào Nghệ an. Nghĩa quân đã nhanh chóng hạ thành Trà lân, một căn cứ trọng yếu của địch trên đường từ Bắc vào Nam và trên đường từ Nghệ an lên miền Tây. Sau đó nghĩa quân tiến lên vây hãm thành Nghệ an. Nhân dân Nghệ an, từ miền xuôi đến miền núi, nô nức theo nghĩa quân trời dậy đánh đổ chánh quyền đô hộ. Chỉ trong một thời gian ngắn, toàn bộ đất Nghệ an đã được giải phóng, địch phải cò giữ thành Nghệ an chờ quân tiếp viện.

Lê Lợi cho quân tiếp tục xiết chặt vòng vây quanh thành Nghệ an và ra sức khiêu khích dữ địch ra khỏi thành để tiêu diệt⁽²⁾. Mặt khác Lê Lợi cho quân tiến ra giải phóng Diễn châu (bắc Nghệ an). Nghĩa quân mai phục đánh thắng địch một trận lớn ở thành Diễn châu rồi thừa thắng tiến công ra Thanh hóa. Nhân dân Thanh

(1) Nguyễn Chích vốn là một nông dân nghèo, quê ở Vạn lộc (Đông sơn, Thanh hóa), ông đã lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa chống quân Minh, sau đem quân gia nhập khởi nghĩa Lam sơn và trở thành một võ quan cao cấp trong bộ chỉ huy nghĩa quân.

(2) Nguyễn Trãi nhiều lần đã thay mặt Lê Lợi viết thư cho bọn tướng Minh thách thức chúng đem quân ra đánh nhau. Dù bị khiêu khích và sỉ nhục, địch vẫn không dám ló đầu ra khỏi thành sợ bị tiêu diệt.

hóa vô cùng phần khởi ủng hộ nghĩa quân góp phần giết giặc cứu nước. Trong vòng không đầy một tháng, cả vùng Diễn châu, Thanh hóa đã được giải phóng. Quân địch phải rút vào thành cô thủ.

Trên đà thắng lớn, Lê Lợi lại phái quân theo 2 đường thủy bộ tiến vào giải phóng Tân bình (bắc Quảng trị), Thuận hóa (nam Quảng trị, Thừa thiên). Sau vài trận đánh, quân địch tan rã nhanh chóng. Cả một vùng rộng lớn được giải phóng. Hàng vạn thanh niên ở đây lại nô nức gia nhập nghĩa quân.

Thế là trong vòng một năm (10-1421 đến 10-1425) nghĩa quân đã làm chủ được một vùng rộng lớn của đất nước. Từ Thanh hóa trở vào, quân địch đóng trong mấy thành bị hãm chặt như mấy hòn đảo chơ vơ trên biển cả. Lực lượng ngày càng hùng mạnh, nghĩa quân tiếp tục tiến lên giải phóng toàn bộ đất nước.

4. Tiến ra Bắc mở rộng vùng giải phóng. Chiến thắng Tốt động, Chúc động

Sau khi đã căn bản giải phóng miền đất từ Thanh hóa trở vào, tháng 9-1426 bộ chỉ huy nghĩa quân quyết định mở cuộc tấn công ra Bắc. Nghĩa quân chia làm ba đạo tiến sâu vào vùng địch tạm chiếm. Nghĩa quân đi đến đâu, nhân dân nô nức đem gạo, thịt, rượu đến khao quân và cùng nghĩa quân nổi dậy đánh địch giải phóng quê hương. Bà hàng nước họ Lương ở Cổ lộng (Nam hà), cô hát họ Đào ở Tiên lữ (Hải hưng) đã dùng mưu diệt từng toán quân

Minh⁽¹⁾. Hai mẹ con người dân chài lưới ở sông Đáy không quản gian lao nguy hiểm ngày đêm chờ đò cho nghĩa quân qua sông đánh giặc. Và còn không biết bao nhiêu tấm gương yêu nước khác nữa.

Được sự đồng tình, giúp đỡ hết lòng của nhân dân, nghĩa quân đã đánh thắng nhiều trận lớn, tiêu diệt hàng ngàn tên địch. Quân Minh phải chuyển sang thế phòng ngự, cô tập trung quân giữ thành Đông quan.

Cuối năm 1426 địch tập trung ở Đông quan hơn 10 vạn quân⁽²⁾. Tướng giặc là Vương Thông

quyết định mở cuộc phản công lớn, hòng xoay chuyển lại tình hình. Năm được mưu đồ và kế hoạch của địch, nghĩa quân chủ động tiến công, bẻ gãy các mũi hành quân của



Hình 20 — Chiến thắng Tốt động

(1) Bà Lương bán rượu thịt dụ quân Minh đến cho chúng ăn uống say bí tỉ và chui vào túi ngủ rồi khiêng các túi đó trôi sông. Cô Đào dùng lời ca tiếng hát của mình làm cho giặc say mê chui vào túi ngủ rồi cũng khiêng cái túi đó đi thù tiêu.

(2) Trong số đó có 5 vạn viện binh mới sang do Vương Thông cầm đầu.

địch rồi dử chúng vào trận địa mai phục ở *Tốt động* — *Chúc động* (Chương mỹ, Hà tây) đánh thắng một trận lớn. Hơn 5 vạn địch bị giết tại trận, hơn 1 vạn tên bị bắt sống. Tổng chỉ huy Vương Thông bị thương, quân ta còn thu được rất nhiều ngựa và vũ khí, quân trang.

Sau chiến thắng *Tốt động* — *Chúc động*, địch ngày càng lún sâu vào thế bị động, tinh thần quân lính hoang mang tan rã. Trước tình thế đó, Vương Thông một mặt bí mật phái người về nước xin quân tiếp viện, mặt khác giả xin hòa với nghĩa quân để làm kẻ hoãn binh. Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi đã vạch trần tính chất phi nghĩa của cuộc xâm lược và sự thất bại không thể tránh khỏi của quân xâm lược cùng những mưu gian dối của Vương Thông trong việc giảng hòa. Kết hợp vây hãm các thành, Nguyễn Trãi hết sức kêu gọi vận động quân địch ra hàng.

5. Chiến thắng Chi lăng, Xương giang kết thúc thắng lợi mười năm kháng chiến

Tháng 10 năm 1427, 15 vạn viện binh địch chia làm hai đạo ồ ạt tiến vào biên giới nước ta. Đạo quân chủ lực do Liễu Thăng chỉ huy gồm 10 vạn

tên từ Quảng tây sang. Đạo quân thứ hai do Mộc Thạnh chỉ huy từ Vân nam sang. Bộ chỉ huy nghĩa quân quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt gọn đạo quân chủ lực của địch.

Ngày 8 tháng 10 Liễu Thăng kiêu căng đem quân vượt biên giới. Quân ta vừa đánh vừa lui để dử địch vào trận địa mai phục ở ải *Chi lăng* (Lạng sơn) rồi tiêu diệt gọn đội lính ngựa tiên phong và chém chết Liễu Thăng.



Hình 21 — Chiến thắng Chi lăng — Xương giang (1427)

Quân địch hoảng hốt, đội hình rối loạn. Quân ta thừa thắng tiến công tiêu diệt trên 1 vạn địch.

Sau khi chặn chính đội ngũ, quân Minh cồ sức tiến về thành *Xương giang* (Bắc giang, Hà bắc) rồi tìm cách liên lạc với Đông quan. Nhưng trên đường đi, quân địch bị truy kích và phục kích liên tiếp. Hàng vạn địch bị tiêu diệt, tướng giặc bị giết, có tên khiếp sợ quá phải thắt cổ tự tử. Bộ phận địch còn lại khi đến gần thành *Xương giang* mới biết rằng thành này đã bị quân ta hạ. Quân địch vô cùng hoảng sợ, phải đóng quân giữa đồng không mông quạnh, tiến không được mà lùi cũng không xong. Thời cơ tiêu diệt địch đã đến. Quân ta khép chặt vòng vây và ngày 3-11-1427 được lệnh tổng công kích. Quân ta đã tiêu diệt toàn bộ quân địch, bắt sống tất cả bọn tướng chỉ huy, thu được vô số vũ khí quân trang và lương thực.

Với chiến thắng Chi lăng — *Xương giang* quân ta đã tiêu diệt gọn đạo quân chủ lực tiếp viện của nhà Minh. Đúng là :

*Đánh trận đầu, sạch sanh kinh ngạc,
Đánh trận nữa, tan tác chim muông.*

(*Bình Ngô đại cáo*)

Nghe tin đạo quân Liễu Thăng đã bị tiêu diệt gọn. Mộc Thạnh vội vàng cho quân tháo chạy về nước. Quân ta truy kích giết trên hai vạn, bắt sống một nghìn tên. Được tin quân tiếp viện đã bị đánh tan, địch ở Đông quan và các thành khác càng hoang mang khiếp sợ. Vương Thông phải đầu hàng và xin rút quân về nước.

Bộ chỉ huy nghĩa quân, đứng đầu là Lê Lợi và Nguyễn Trãi, không những cho quân địch rút lui an toàn về nước, mà còn cấp cho chúng lương thực với hàng trăm chiếc thuyền, hàng nghìn con ngựa để đi đường.

Đất nước không còn bóng dáng một tên xâm lược. Nguyễn Trãi thảo bài *Bình Ngô đại cáo* báo tin thắng lợi cho toàn dân.

*Xã tắc từ đây bền vững
Giang sơn từ đây đổi mới.*

Sau mười năm chiến đấu gian khổ và ngoan cường, khởi nghĩa Lam sơn đã thắng lợi hoàn toàn. Cuộc khởi nghĩa đã đánh đổ ách thống trị của phong kiến nước ngoài, đập tan ý chí xâm lược của nhà Minh, giành lại độc lập lâu dài cho đất nước.

Khởi nghĩa Lam sơn được toàn thể nhân dân nhiệt liệt ủng hộ và tích cực tham gia. Từ già đến trẻ, từ gái đến trai, từ miền ngược đến miền xuôi, khắp nơi mọi người đều đồng lòng nổi dậy giết giặc cứu nước. Nghĩa quân chiến đấu với tinh thần dũng cảm tuyệt vời, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn, gian khổ nào. Đó là nguyên nhân cơ bản quyết định thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.

Thêm vào đó, bộ chỉ huy nghĩa quân bao gồm những người tài giỏi có lòng yêu nước nồng nàn, dũng cảm kiên cường, thông minh mưu trí, đặc biệt là Lê Lợi và Nguyễn Trãi. Lê Lợi, đứng đầu cuộc khởi nghĩa là người có đức có tài, có uy tín rộng rãi nên đã tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung. Nguyễn Trãi là một người văn võ song toàn, tài năng lỗi lạc. Nguyễn Trãi đã công hiến cả tâm trí tài

năng và sức lực của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Vai trò lãnh đạo sáng suốt của Lê Lợi — Nguyễn Trãi và bộ chỉ huy là một nguyên nhân thắng lợi quan trọng của cuộc khởi nghĩa.

CÂU HỎI

1. Lê Lợi là người như thế nào ? Ông đã chuẩn bị khởi nghĩa ở đâu ? Nguyễn Trãi là ai ? Ông đã cùng Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa như thế nào ?
2. Trong những năm hoạt động ở vùng núi Thanh hóa, nghĩa quân đã chiến đấu gian nan như thế nào ?
3. Tại sao nghĩa quân chuyển hướng hoạt động vào Nghệ an ? Nghĩa quân đã giải phóng Nghệ an rồi giải phóng các nơi khác như thế nào ?
4. Chiến thắng Tốt động — Chúc động diễn ra trong hoàn cảnh nào ? Chiến thắng này có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta ?
5. Hãy dùng bản đồ thuật lại chiến thắng Chi Lăng — Xương giang, nói rõ kết quả và ý nghĩa của chiến thắng này.
6. Kết quả và nguyên nhân thắng lợi của khởi nghĩa Lam sơn. Khởi nghĩa Lam sơn thắng lợi có ý nghĩa lịch sử như thế nào ?

CHƯƠNG THỨ HAI

CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TẬP QUYỀN TỪ THỊNH ĐẠT CHUYỂN SANG SUY YẾU (thế kỷ XV — XVII)

BÀI 9

CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TẬP QUYỀN THỊNH ĐẠT ĐẦU THỜI LÊ (đầu thế kỷ XV — đầu thế kỷ XVI)

1. Phục hồi và phát triển kinh tế

Năm 1428 Lê Lợi chính thức lên ngôi vua, lập ra nhà Lê. Nhà Lê đóng đô ở Thăng long.

Sau 20 năm bị giặc Minh thống trị, đất nước thật là tiêu điều : đồng ruộng hoang vu, đê điều hư hỏng, làng xóm điêu tàn, nhân dân đói khổ . . . Lê Lợi cũng nhận thấy : Người ra trận đánh giặc trở về nghèo xơ xác . . . không có ruộng cày.

Để giải quyết tình trạng trên, nhà Lê lấy một phần ruộng đất tịch thu của giặc Minh và tay sai, của quý tộc đã chết và ruộng hoang để chia cho nông dân. Sô ruộng

này nhập vào ruộng công của làng xã, cứ 6 năm chia lại một lần. Nông dân cày cấy ruộng công phải nộp tô, thuế, đi phu, đi lính cho triều đình nhưng mức độ bóc lột không nặng lắm. Nhờ đó nhà Lê đã giải quyết được một phần tình trạng nông dân nghèo đói, phiêu tán vì thiếu ruộng cày.

Nhà Lê cũng đặt ra các chức quan chuyên lo về đề điều và nông nghiệp gọi là hà đề sứ, khuyển nông sứ. Khi có bão lụt, đề võ thì toàn dân, kể cả học sinh Quốc tử giám⁽¹⁾ đều phải tham gia chống giữ. Với tinh thần lao động cần cù, bền bỉ, sáng tạo sẵn có, nhân dân ta đã nhanh chóng khôi phục kinh tế và khẩn hoang mở rộng thêm ruộng đất, xây dựng được nhiều công trình thủy lợi lớn. Cho đến ngày nay, trải qua gần 500 năm rồi mà những công trình ấy vẫn còn dấu vết và vẫn được nhân dân ta nhắc nhở. «Đê Hồng đức»⁽²⁾ ngăn nước biển ở vùng cửa sông Hồng, sông Đáy. «Sông nhà Lê» ở Thanh hóa. Nhiều làng ở ven biển Thanh — Nghệ, ở Bắc bộ ngày nay được thành lập từ thời Lê...

Nhà Lê còn cầm giết trâu bò bừa bãi, cầm bắt phu quá nhiều vào lúc mùa màng... Những chánh sách đó cũng có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

Nhờ vậy, nạn mất mùa, đói kém ít xảy ra.

Nhiều năm trong nước được mùa to.

(1) Trường học ở Thăng long, học sinh phần lớn là con em quý tộc quan lại.

(2) Hồng đức là một niên hiệu của vua Lê Thánh Tông (1460 — 1497).

Công thương nghiệp thời Lê cũng có những bước phát triển đáng kể. Việc buôn bán trong nước khá phát đạt. Kinh đô Thăng long 36 phố phường sầm uất. Nhà cửa, hàng quán, xe ngựa chen chúc quanh hoàng thành. Phường Yên thái làm giấy. Phường Nghi tam dệt vải lụa. Phường Hà tân nung vôi. Hàng Đào nhuộm điều... hàng hóa lưu thông trên các con đường từ kinh đô đi các địa phương, lên ngược về xuôi. Ở nông thôn xuất hiện nhiều làng thủ công và chợ. Nhà nước lại khai mỏ, mở xưởng đúc tiền, ban bố luật pháp, mở chợ, thông nhất cân, đo... Riêng việc buôn bán với nước ngoài thì có phần sa sút, vì nhà Lê hạn chế, sợ người nước ngoài lợi dụng dòm ngó nước ta.

**2. Ủy quyền nhà vua
và chánh quyền phong
kiến tập quyền,
chuyên chế**

Trong vòng gần một thế kỷ đầu thời Lê, nạn ngoại xâm bị đẩy lùi, nền kinh tế được phục hồi và phát triển khá mạnh, đời sống nhân dân tạm đủ.

Nhà Lê đã góp phần củng cố nền độc lập thống nhất, xây dựng quốc gia hùng mạnh. Nhờ đó, địa vị của nhà Lê cũng được vững vàng.

Nhà Lê xây dựng một chánh quyền phong kiến tập quyền chuyên chế. Đứng đầu triều đình là vua Lê. Vua Lê có quyền «vô thượng» (không ai hơn nữa). Vua tự xưng là con trời (thiên tử), thay trời trị nước. Dưới vua là các quan thượng thư coi các bộ. Bên cạnh các bộ có các cơ

quan khác như các khoa⁽¹⁾, Hàn lâm viện⁽²⁾, Tư thiên giám⁽³⁾, Quốc tử giám⁽⁴⁾, v.v... Để tập trung quyền hành vào tay vua, giám bớt thế lực của quan lại, nhà Lê



Hình 22 — Cảnh triều đình vua Lê hồi thế kỷ XVI

bỏ chức tể tướng, cầm các quan lập quân đội riêng. Lê Thánh Tông chia nước thành 13 đạo, dưới đạo là trấn, lộ, phủ, huyện, xã. Bộ máy hành chính từ trung ương đến tận xã được xây dựng thành hệ thống chặt chẽ.

Lê Thánh Tông cho ban hành một bộ luật mới gọi là bộ luật *Hồng đức*. Nội dung của bộ luật nhằm bảo vệ

(1) Cơ quan kiểm soát.

(2) Cơ quan viết các văn kiện, tài liệu.

(3) Cơ quan xem thiên văn, làm lịch pháp.

(4) Cơ quan trông nom việc giáo dục.

quyền lợi của giai cấp phong kiến, như cầm xâm phạm ruộng đất của vua quan; nhưng cũng có mặt tích cực, như bảo vệ sản xuất, tôn trọng địa vị của người phụ nữ.

Quân đội cũng được xây dựng hùng hậu. Nhà Lê có 10 vạn quân thường trực, khá tinh nhuệ. Cũng như trước, quân đội được luân phiên nhau về làm ruộng. Trong quân có vũ khí mới như hỏa pháo, hỏa đồng (một thứ ống phun lửa).

3. Đoàn kết dân tộc, bảo vệ lãnh thổ

Nhờ truyền thống đoàn kết dân tộc sẵn có từ lâu đời, nhà Lê tiếp tục cõ kết các dân tộc thiểu số trong một quốc gia thống nhất. Nhà Lê ban chức tước cho các tù trưởng và tôn trọng địa vị của họ. Đó là một bước tiến phù hợp với yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước lúc bấy giờ.

Đối với nước ngoài, nhà Lê vừa mềm mỏng vừa cương quyết. Lê Thánh Tông thường căn dặn các tướng: «Kẻ nào dám đem một thước núi, một tấc đất của vua Thái Tổ (Lê Lợi) để làm mối cho giặc thì kẻ đó phải bị trừng trị nặng». Do đó cõi bờ không bị xâm phạm. Chủ quyền quốc gia được tôn trọng. Từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVI, chế độ phong kiến tập quyền ở nước ta đạt tới mức cường thịnh mà đỉnh cao là thời Lê Thánh Tông (1460 — 1497).

4. Xã hội thời Lê

Giống như nhiều xã hội phong kiến khác, xã hội thời Lê có hai giai cấp chính: giai cấp phong kiến, gồm vua, quan, địa chủ

chiếm nhiều ruộng đất và *giai cấp nông dân*, có rất ít hoặc không có ruộng đất. Quý tộc có diện trang thái áp và nô tỳ ở thời Lý — Trần đến thời Lê, coi như không còn nữa.

Xã hội chia thành nhiều cấp bậc. Nông dân chiếm đại đa số và ở bậc thấp nhất, nghèo khổ nhất. Họ phải nộp một phần thu hoạch của mình cho vua quan, cho địa chủ. Đàn ông, từ 18 đến 60 tuổi, mỗi năm phải đóng 8 tiền, gọi là thuế đinh. Triều đình còn bắt họ đi lính, đi phu, riêng đi phu hàng năm tới 40 ngày. Những ngày giáp hạt, đói kém, nhiều nông dân phải bán vợ đợ con cho nhà giàu. Nhà nước không cho họ mặc áo màu vàng, không cho đi giày, đi hài. Nhà cửa phải làm thấp và không được vẽ rồng, vẽ phượng.

Thương nhân và thợ thủ công bấy giờ chưa nhiều lắm, họ phải đóng tiền, nộp sản phẩm cho nhà nước, gọi là thuế. Họ cũng bị khinh miệt như nông dân.

Tuy vậy, trong thời thịnh đạt của nhà Lê, nhờ kinh tế phát triển, xã hội ổn định, nên đời sống của nhân dân được dễ chịu đôi chút. Nhân dân ta sau này có một câu ca dao vui nói về cảnh thái bình thời Lê như sau :

*Đời vua Thái Tổ, Thái Tông
Thóc lúa đầy đồng trâu chẳng buồn ăn.*

5. Mở mang giáo dục

Đạo Nho được truyền bá vào nước ta từ lâu. Đạo Nho quy định chặt chẽ các cấp bậc trong xã hội, lấy điều phục tùng tuyệt đối nhà vua làm trọng, rất phù hợp với quyền lợi của

giai cấp phong kiến lúc bấy giờ. Vì vậy ở thời Lê, *đạo Nho được coi là quốc giáo*, là khuôn vàng thước ngọc để xây dựng chế độ, đào tạo nhân tài.

Việc học hành, thi cử ở thời Lê khá quy củ và nhộn nhịp. Ở kinh đô có Quốc tử giám là trường học lớn nhất, học sinh phần lớn là con em quan lại. Ở các đạo vùng đồng bằng có các trường công, trường tư. Nhà trường từ trước đến nay dạy đạo Khổng, dạy các sách, sử phương Bắc rất hình thức, xa rời thực tế đất nước. Con đường học để ra làm quan được nhà nước rất khích lệ. Những kỳ thi hương ở địa phương, thi hội ở kinh đô thật là náo nhiệt ! Đó là những ngày hội lớn của các sĩ tử. Thi hội mà đậu được gọi là tiền sĩ. Người đậu cao nhất được gọi là trạng nguyên. Những người đỗ đạt được vua cho ăn yến, ban áo, ban ngựa và được ghi tên vào bia đá (bia tiền sĩ dựng ở trước Quốc tử giám).

Lối học hành và thi cử như vậy đã đào tạo cho nhà Lê một số lớn quan lại, nho sĩ, trong số đó có những người xuất sắc, vượt ra khỏi khuôn khổ, mục đích giáo dục của triều đình. Họ trở thành những nhà thơ, nhà văn, nhà sử học nổi tiếng, có ích cho nước, cho dân.

6. Văn học nghệ thuật

Thời Lê cũng là thời thịnh đạt của nền văn học dân tộc. Những tác phẩm

ở thời đó rất phong phú, viết bằng chữ Hán, chữ nôm. Nội dung nêu lên được *tinh thần yêu nước, quật cường của dân tộc và đậm đà tính nhân dân*, *Bình Ngô đại cáo*, *Quân trung từ mệnh tập*, *Quốc âm thi tập* là những tác phẩm lớn của Nguyễn Trãi. *Đại Việt sử ký toàn thư*

gồm 15 quyển của nhà sử học nổi tiếng *Ngô Sĩ Liên*, *Bản thảo thực vật toát yếu về y dược* của Phan Phu Tiên. *Đại thành toán học* của Lương Thế Vinh. *Lê Thánh Tông* cũng là nhà thơ. Thơ của ông và của hội *Tao đàn* do ông lập ra, tuy là để giải trí và để ca tụng địa vị cao sang của mình, nhưng cũng đượm tinh thần tự lập, tự cường.



Hình 23 — Bia Vĩnh lăng (Lam sơn — Thanh hóa)

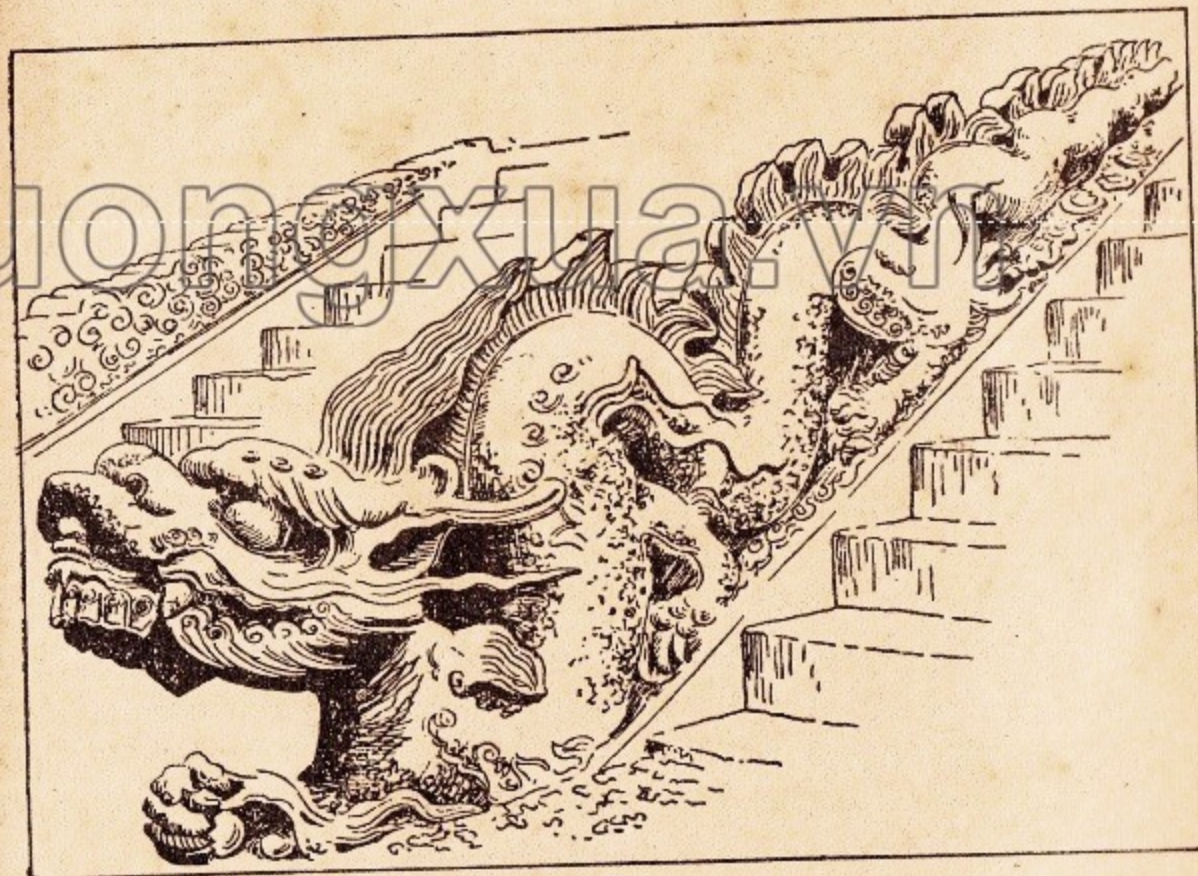
Người có tư tưởng tiên bộ nhất đương thời là Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi có công rất lớn đối với nhà Lê và đối với dân tộc. Ông nêu cao tư tưởng *nhân nghĩa*, mà nội dung chủ yếu là lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. Ông đã dùng nó như một vũ khí sắc bén nhất để

chiến thắng quân Minh, «lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, đem chí nhân để thay cường bạo». Đối với dân, ông rất mực yêu quý, ông chỉ mơ ước sao cho «nơi thôn cùng xóm vắng không có một tiếng hòen giận, oán sầu». Ông nhận thức được sức mạnh vô song của nhân dân :

Ăn lộc đều ơn kẻ cấy cày ...

Làm lật thuyền mới thấy dân như nước ...

Lê Thánh Tông nói, ông «có tâm lòng sáng như sao Khuê». Vậy mà đến cuối đời, ông bị chế độ phong kiến hãm hại một cách vô cùng bi thảm⁽¹⁾.



Hình 24 — Rồng đá ở điện Kính thiên (Hà nội)

(1) Nguyễn Trãi bị bọn gian thần ghen ghét vu oan nên cả nhà bị giết.

Nghệ thuật ca, múa, nhạc, thời Lê vẫn tiếp tục những truyền thống tốt đẹp thời Lý — Trần. Hát tuồng, hát chèo dần dần trở thành hình thức sinh hoạt văn nghệ phổ biến trong dân gian. *Lương Thê Vinh* đã dày công nghiên cứu nghệ thuật kịch hát cổ truyền, nêu lên những nguyên tắc về nghệ thuật diễn viên, biểu diễn múa hát và đánh trống.

Thời Lê, đạo Phật không còn thịnh hành như trước, nên các công trình kiến trúc lớn hầu hết là cung điện, lăng mộ của vua quan. Trong những kiến trúc này con rồng mềm mại, nhỏ nhắn thời Lý — Trần nay trở thành con rồng uy nghiêm, đồ sộ : đầu to, có sừng và lông gáy tua tủa, chân có 5 móng quặp trông rất dữ. Con rồng đó tượng trưng cho uy quyền phong kiến của nhà vua.

CÂU HỎI

1. Nhà Lê và nhân dân ta đã làm những gì để khôi phục và phát triển kinh tế nông nghiệp ?
2. Tại sao nói chánh quyền phong kiến thời Lê là tập quyền và chuyên chế ?
3. Nhà Lê đoàn kết dân tộc và kiên quyết bảo vệ lãnh thổ như thế nào ?
4. Xã hội thời Lê có những giai cấp, tầng lớp nào ? Đời sống của nông dân như thế nào ?
5. Việc học hành và thi cử ở thời Lê như thế nào ?
6. Nội dung các tác phẩm văn học thời Lê nói lên điều gì ? Em hãy lấy một vài câu thơ, câu văn để dẫn chứng. Nghệ thuật kiến trúc thời Lê có gì khác so với thời Lý — Trần ?

7. Em hãy làm bảng tóm tắt tình hình nước ta trong các thế kỷ XV đầu XVI (với các mục : kinh tế, chánh trị, xã hội, văn hóa) để chứng minh rằng thời kỳ đó là thời kỳ chế độ phong kiến tập quyền thịnh đạt.

BÀI 10

NHÀ LÊ SUY YẾU VÀ KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN ĐẦU THẾ KỶ XVI

1. Sự mục nát của nhà Lê và đời sống xa hoa của bọn vua quan

Vào đầu thế kỷ XVI, nhà Lê bắt đầu suy yếu. Trong triều, vua quan chỉ lo ăn chơi xa hoa, và tranh quyền, giết hại lẫn nhau.

Lê Uy Mục là một bạo chúa, suốt ngày say rượu túy lúy, có khi sai giết người hầu rượu làm trò vui. Một viên quan lúc bấy giờ đã kể tội Uy Mục như sau : « Thuê má thu đèn tơ tóc, mà dùng của như bùn đất, bạo ngược như vua nhà Tấn, đòi đãi với công thần như chó ngựa, coi dân chúng như cỏ rác . . . ».

Uy Mục bị giết, Trương Dực lên thay lại càng trụy lạc hơn nữa. Trương Dực bắt nhân dân xây dựng nhiều cung điện rất tốn kém như Đại điện gồm đến 100 gian và Cửu trùng đài rất to lớn.

Trương Dực lại bị giết. Những việc chém giết, tranh giành lẫn nhau như vậy xảy ra liên tiếp trong triều đình nhà Lê.

Đó là những dấu hiệu chứng tỏ nhà Lê đã suy yếu và mục nát.

2. Đời sống khổ cực của nông dân

làng xã càng mạnh. Mỗi triều vua mới lên là một lần nhà nước cướp đoạt hàng loạt ruộng đất của dân để ban cấp cho những công thần mới. Người nông dân

Cũng từ đầu thế kỷ XVI, quan lại, địa chủ ngày càng đông, và lần chiếm ruộng đất công của vừa bị mất ruộng, vừa bị bóc lột nặng nề nên càng ngày càng bị bán cùng khổ cực.

Trong lúc đó, việc sản xuất và đời sống không được chăm sóc. Từ năm 1512 trở đi, lụt, hạn, mất mùa, đói kém đã xảy ra liên tiếp làm nhiều người bị chết đói.

Chề độ áp bức, bóc lột phong kiến đã làm cho đời sống của nông dân trở nên điêu đứng. Lòng căm thù, oán giận của họ ngày càng bốc cao. Đó là nguyên nhân chính đưa đến những



Hình 25 — Phong trào nông dân đầu thế kỷ XVI

cuộc khởi nghĩa nông dân phát triển mạnh mẽ vào đầu thế kỷ XVI.

3. Những cuộc khởi nghĩa nông dân

Từ năm 1511 những cuộc nổi dậy lẻ tẻ của nông dân đã nổ ra ở nhiều nơi.

Trần Tuấn đã cầm đầu một cuộc khởi nghĩa lớn ở Hà tây. Nghĩa binh của Trần Tuấn có đến hàng vạn người và có lần uy hiếp kinh thành Thăng long, làm vua tôi nhà Lê hoảng sợ, cả kinh thành náo động.

Từ năm 1512 đến năm 1516, phong trào khởi nghĩa lan rộng khắp nơi. Đỉnh cao nhất của phong trào là cuộc khởi nghĩa *Trần Cao*. Đầu năm 1516 Trần Cao bắt đầu nổi dậy ở Đông triều (Quảng ninh). Trần Cao tự xưng là *Đề Thích* giảng sinh và nghĩa quân thường cạo tóc đầu chỉ để ba chòm tóc nhỏ nên người ta quen gọi là « quân ba chòm ». Được nông dân nghèo nhiệt liệt hưởng ứng, quân Trần Cao đã ba lần tiến đánh kinh thành Thăng long và có một lần đã chiếm được kinh thành trong một thời gian ngắn. Từ năm 1517 cuộc khởi nghĩa suy yếu dần nhưng mãi đến năm 1521 mới chấm dứt.

Tuy bị thất bại, phong trào nông dân đầu thế kỷ XVI đã giáng những đòn mãnh liệt vào nền thống trị của nhà Lê, làm cho triều đình mục nát đổ vỡ sụp đổ.

CÂU HỎI

1. Lắng nghe những sự việc cụ thể chứng tỏ sự mục nát của nhà Lê.

2. Vì sao đời sống của nông dân vào đầu thế kỷ XVI bị điêu đứng, khổ sở ?
3. Thuật lại cuộc khởi nghĩa của Trần Cao.

BÀI 11

CUỘC XUNG ĐỘT GIỮA CÁC PHE PHÁI PHONG KIẾN NAM — BẮC TRIỀU VÀ TRỊNH — NGUYỄN (thế kỷ XVI — XVII)

1. Cuộc xung đột Nam — Bắc triều

Trong khi các cuộc khởi nghĩa của nông dân làm cho chế độ phong kiến nhà Lê nghiêng ngả, thì trong triều đình vẫn tiếp tục diễn ra những cảnh chém giết, đoạt quyền của nhau. Cuộc xung đột giữa các phe phái phong kiến trong triều ngày càng gay gắt.

Mạc Đăng Dung vốn là một võ quan bình thường, đã lợi dụng lúc triều đình nhà Lê mục nát, leo lên, và năm 1527 cướp ngôi vua Lê, lập ra *nhà Mạc*.

Nguyễn Kim, cũng là một quan võ của nhà Lê, không chịu theo nhà Mạc, bỏ chạy vào miền núi Thanh hóa, tập hợp lực lượng chống lại. Thế là trên đất nước được thống nhất từ lâu đã xuất hiện hai thế lực phong kiến chia nhau thống trị hai khu vực và mưu toan thôn tính lẫn nhau. *Bắc triều* do nhà Mạc nắm và *Nam triều* từ Thanh hóa trở vào do *Nguyễn Kim* nắm.

Bắc triều và Nam triều đánh nhau liên miên. Hơn 50 năm ròng hai bên đều ra sức vét người, vét của đồc vào chiến tranh. Năm 1592, quân Nam triều chiếm được Thăng long. Họ Mạc phải rút chạy lên Cao bằng. Bắc triều chầm dứt.

Nhưng nạn binh đao chưa hết.

2. Cuộc xung đột Trịnh — Nguyễn

Khi Bắc triều còn đang đánh nhau với Nam triều thì *Nguyễn Kim* bị chết. Con còn nhỏ nên

Trịnh Kiểm là rể lên nắm binh quyền. Nhưng *Trịnh Kiểm* sợ mất địa vị, đã giết con cả của *Nguyễn Kim*. *Nguyễn Hoàng*, con thứ của *Nguyễn Kim*, làm mưu cơ, kín đáo, và tham vọng thì cũng không kém gì anh rể, đã ngầm xây dựng cơ sở cát cứ ở Thuận hóa, Quảng nam (từ Quảng bình đến Bình định) để chống lại. Thế là lại hình thành hai lực lượng phong kiến mới chống đối nhau.

Cả hai bên lẫn này cùng mưu đồ lớn hơn và lực lượng cũng lớn hơn, nên cuộc xung đột tàn khốc hơn. *Trịnh*, *Nguyễn* đánh nhau to cả thấy 7 lần, từ năm 1627 đến năm 1672, nhưng không bên nào thắng bên nào. Cuối cùng, cả hai bên đều mệt mỏi, phải lấy sông Gianh làm giới tuyến chia đôi đất nước : từ sông Gianh trở ra Bắc thuộc họ *Trịnh* gọi là *Đàng ngoài*, từ sông Gianh trở vào Nam thuộc họ *Nguyễn* gọi là *Đàng trong*. Cả hai đều xưng vương, tục gọi là chúa, và đều lấy danh nghĩa tôn phù nhà Lê để dễ nắm quyền bính.

3. Nỗi thống khổ của nhân dân

Chề độ phong kiến suy yếu. Chiến tranh giữa các phe phái phong kiến kéo dài hàng thế kỷ. Đất

nước bị chia cắt hơn 200 năm. Chưa bao giờ trong lịch sử nước ta, giai cấp cầm quyền lại chia rẽ, chém giết nhau đến như thế!

Cả vùng Nghệ an, Bồ chính (Quảng bình, Hà tĩnh) luôn năm là chiến trường. Sử cũ ghi: «máu chảy đầy đồng, thân chết thành núi», kinh đô Thăng long bị «phóng hỏa đốt nhà cửa, khói lửa mù trời...». Hai bên bờ sông Gianh cỏ cây mọc lên như rừng, người không qua lại được. Việc đi lại thăm hỏi, làm ăn của nhân dân bị ngăn cấm. Tình đoàn kết dân tộc bị thương tổn.

Các phe phái phong kiến gây ra cảnh đau thương ấy hoàn toàn vì lợi ích riêng của dòng họ mình. Nhân dân là nạn nhân phải chịu đựng mọi thiệt hại, đau khổ, mất người, mất của, chia ly...

Cái cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non.

Nàng về nuôi cái cùng con,

Đề anh đi trẩy nước non Cao bằng.

Câu ca dao quen thuộc trên đây phản ánh tâm trạng của nhân dân lúc bấy giờ.

CÂU HỎI

1. Kể tóm tắt cuộc xung đột Nam — Bắc triều và Trịnh — Nguyễn. Tại sao lại có những cuộc xung đột ấy?
2. Những cuộc xung đột ấy đã gây tác hại gì cho đất nước cho nhân dân? Thái độ của nhân dân như thế nào?

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ KỶ XVI — XVII

1. Kinh tế nông nghiệp

Cuộc nội chiến Nam — Bắc triều và Trịnh — Nguyễn trong hai thế kỷ XVI — XVII đã gây ra

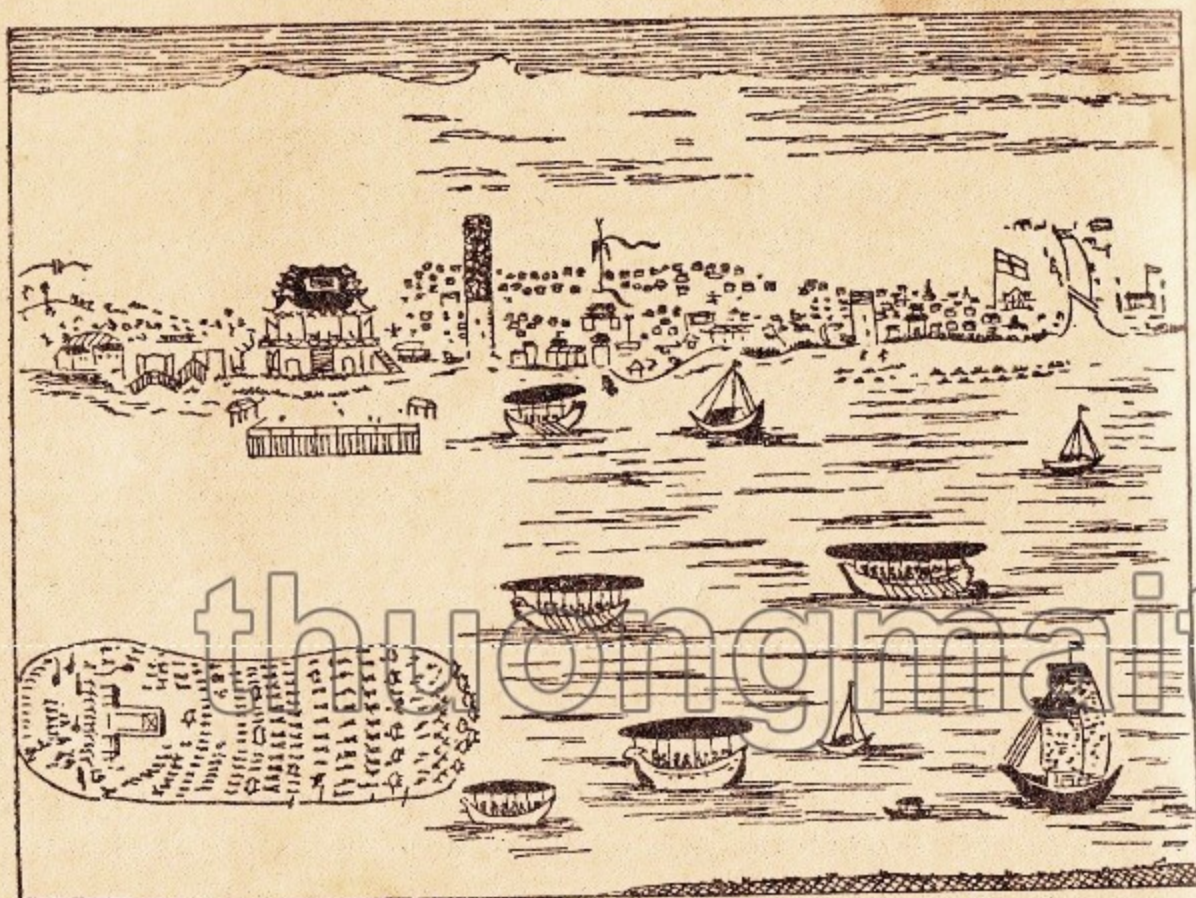
nhiều thiệt hại cho nền sản xuất nông nghiệp.

Ở *Đàng ngoài*, nơi chề độ phong kiến đã suy yếu, lại là nơi diễn ra nhiều cuộc xung đột hơn cả, nền sản xuất nông nghiệp có lúc bị phá hoại nghiêm trọng. Chánh quyền họ Trịnh chỉ nghĩ đến việc vơ vét sức người sức của để đánh nhau với họ Nguyễn, không chịu chăm lo phát triển kinh tế.

Đàng trong là vùng đất mới khai phá, đất đai rộng rãi, dân cư còn thưa thớt, nên nền kinh tế nông nghiệp có điều kiện phát triển thuận lợi hơn.

Từ rất lâu, nông dân nghèo đói miền Bắc đã di cư vào làm ăn ở đất Thuận — Quảng. Ở đây họ Nguyễn thi hành chánh sách *khẩn hoang lập làng*. Nông dân di cư và tù binh bắt được trong những cuộc xung đột với họ Trịnh được chánh quyền cấp cho nông cụ và lương ăn trong nửa năm. Khi được làng mới, đất mới thì sung làm của công. Người cày phải nộp tô thuê cho chánh quyền. Nhờ chánh sách này, tình hình nông nghiệp ở Thuận — Quảng có nhiều thay đổi. Từ đầu thế kỷ XV đến năm 1776, diện tích trồng trọt ở Thuận hóa tăng lên khoảng 40%, số đình tăng lên khoảng 20%. Đất đai cực tốt, nên thóc lúa thu hoạch được khá nhiều.

Phía Nam Thuận — Quảng cũng được khai phá, mở mang. Họ Nguyễn đã lợi dụng những thành quả lao động của nhân dân để xây dựng lực lượng cát cứ lâu dài.



Hình 26 — Một cảnh của Thăng long thế kỷ XVII

Ở Đàng trong dần dần xuất hiện giai cấp địa chủ mới, ngày càng tập trung nhiều ruộng đất trong tay. Nông dân bị tước đoạt ruộng đất, trở thành tay trắng. Cảnh bán cùng lại diễn ra. Nông dân khởi nghĩa càng nhiều từ cuối thế kỷ XVII, đẩy chánh quyền Đàng trong đi vào con đường suy yếu chung của chế độ phong kiến trên phạm vi cả nước.

2. Thủ công nghiệp thương nghiệp thành thị

Thế kỷ XVI — XVII, các làng, các phường chuyên làm hàng thủ công ngày càng có nhiều ở nông thôn và thành thị.

Nghề dệt, nghề gốm, nghề tơ tằm, nghề làm đồ trang sức, v.v . . . là các nghề đặc biệt phát triển thời bấy giờ.



Hình 27 — Đỉnh tròn, gồm tráng men (sành, đất trắng)

Riêng nghề gốm đã có những trung tâm nổi tiếng như Bát tràng (Hà nội), Thổ hà (Hà bắc), Hương canh (Vĩnh phú), Hàm rồng (Thanh hóa), Thuận hóa.

Nghề thủ công phát triển, hàng hóa bán ra càng nhiều, khắp nông thôn, thành thị, miền xuôi, miền núi. Thành thị thời này cũng khá phồn thịnh. Thăng long, Phồ hiên (Hải hưng), Hội an (Quảng nam), Thanh hà



Hình 28 — Bát gốm, hoa lam

(Thừa thiên), Gia định là những thành thị có tiếng thời bấy giờ. « Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì Phồ hiên », người bấy giờ ca ngợi như vậy. Kinh kỳ tức Thăng long, còn có tên là Kẻ chợ. Theo nhận xét của những người phương Tây

đến nước ta hồi đó, thì Thăng long là một thành thị lớn ở châu Á. Họ nói, ở đó có các phố chuyên sản xuất và bán từng loại hàng, lại có cả cửa hàng của người Hà lan, người Anh... Đường phố rộng rãi, có phần lát đá dành cho người đi bộ và phần không lát đá cho ngựa, voi đi. Những ngày mồng một và ngày rằm, là ngày phiên chợ, người đầy ắp, len chân đi được trăm bước là đã cảm thấy sung sướng lắm rồi. Bến sông Hồng và sông Tô lịch thuyền bè nhiều đến nỗi khó mà lội được xuống sông.

Từ thế kỷ XVI, XVII nước ta bắt đầu buôn bán với một số nước phương Tây. Người Bồ đào nha đến trước, sau đến người Hà lan, người Anh, người Pháp. Họ mở cửa hàng ở các thành thị Đàng trong và Đàng ngoài, bán len, dạ, súng đại bác, đồ pha lê... và mua tơ tằm, đường, hàng dệt, đồ mỹ nghệ, què, trầm hương, ngà voi,

v. v... Lúc đầu, chúa Trịnh và chúa Nguyễn cho phép họ ra vào buôn bán dễ dàng vì họ bán cho súng để đánh nhau. Nhưng sau các chúa thấy họ nham hiểm, có ý chiếm nước ta, nên các chúa rất ghét.

CÂU HỎI

1. Tình hình kinh tế nông nghiệp ở Đàng trong và Đàng ngoài ở thời này khác nhau như thế nào ?
2. Tại sao chánh sách khản hoang lập làng của chúa Nguyễn sớm mất tác dụng ?
3. Tại sao ở thời này thành thị lại phồn thịnh ? Hãy nhận xét những lời kể lại của những người phương Tây về Kinh kỳ lúc bấy giờ.

BÀI 13

TÌNH HÌNH VĂN HÓA THẾ KỶ XVI — XVII

1. Đời sống tinh thần

Ở nước ta, đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão là những đạo quan trọng, đã có từ lâu. Đến thời này

lại có thêm đạo Thiên chúa.

Đạo Thiên chúa thờ Giê-su, ra đời ở La mã, khoảng thế kỷ I — II. Các giáo sĩ phương Tây đã lợi dụng danh nghĩa truyền đạo, để thực hiện âm mưu của bọn thực dân Châu Âu. Ta hãy xem lời của một giáo sĩ có tiếng, sau khi đã truyền đạo ở nước ta gần 30 năm : « Đây (tức nước ta) là một vị trí cần phải chiếm lấy và chiếm được vị trí này thì thương gia châu Âu sẽ tìm được một nguồn lợi

nhuận và tài nguyên phong phú». Vì mục đích xấu như vậy nên các giáo sĩ bị chúa Trịnh và chúa Nguyễn cấm hoạt động, nhưng họ vẫn cứ lén lút truyền đạo, do thám trên đất nước ta⁽¹⁾.

Mặc dầu ở nước ta có những tôn giáo trên, trong nhân dân ta vẫn duy trì một đời sống tinh thần riêng của mình. Đó là những đạo lý làm người của mỗi người dân Việt nam, bắt nguồn từ cuộc sống và con người Việt nam : yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu lao động, yêu cha mẹ, yêu anh em, họ hàng . . . trong đó nổi bật nhất là yêu Tổ quốc và yêu đồng bào :

Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh.

Nhiều điều phải lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

2. Văn học

Cảnh độ nát của triều đình, cảnh chém giết tương tàn do các phe phái

gây ra, «thời thế đảo điên», đã có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến tình hình tư tưởng, văn học đương thời. Một số nhà nho có phẩm giá đã có tư tưởng chán đời như Nguyễn Bình Khiêm chẳng hạn.

Nguyễn Bình Khiêm là nhà thơ và nhà triết học của thế kỷ XVI. Ông có ước mơ cao đẹp là đem tài đức ra phục vụ đời, nhưng bị giai cấp phong kiến lúc

(1) Trong thời gian này các giáo sĩ phương Tây đặt ra chữ quốc ngữ, bằng cách dùng chữ cái la-tinh (a, b, c...) để viết tiếng nói nước ta. Về sau nhân dân ta đã sửa đổi đi, làm cho chữ quốc ngữ trở thành một thứ chữ viết chính thức của dân tộc.

bây giờ hắt hủi, ông lui về ở ẩn, viết sách ca ngợi phẩm chất trong sạch của mình.

Ở Đàng trong, Đào Duy Từ là một nhà thơ, nhà văn, nhà quân sự và nhà kiến trúc có tài. Ông là cánh tay đắc lực của chúa Nguyễn.

Đặc điểm của nền văn học thế kỷ XVI — XVII là nó đã bắt đầu phản ánh được nỗi khổ cực của nhân dân và tố cáo sự thối nát, tàn bạo của bọn vua quan. Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ là một tác phẩm có giá trị về mặt này.

Tác phẩm viết bằng chữ nôm ngày càng nhiều. Thơ nôm, văn nôm, đặc biệt có cả truyện nôm dài (khuyết danh) như *truyện Vương Tường, Tô công phụng sứ* . . . Bộ *Thiên nam ngữ lục* là bộ lịch sử diễn ca đầu tiên của ta, cũng viết bằng chữ nôm, dài hơn 8000 câu thơ lục bát. Thơ lục bát, thể thơ đặc biệt dân tộc, được dùng phổ biến.

3. Nghệ thuật

Từ rất lâu đời, trong nhân dân ta đã có một nền nghệ thuật dân gian rất phong phú, lành mạnh, vui khỏe : ca, múa, nhạc, đua thuyền, đánh cầu, đánh đu, đánh vật, đấu võ, v.v . . . Nhiều người phương Tây đến nước ta thế kỷ XVII đã kể lại một cách vui thích, thán phục, là đã được xem múa trên dây, múa đèn (đội mâm, trên thắp đèn dầu sáng, múa khoảng nửa giờ) và các trò ảo thuật. Nhân dân ta rất thích hát, hát tuồng, hát chèo, hát ả đào . . . tỏ rõ là một dân tộc rất yêu đời.



Hình 29 — Đánh vật. Chạm gỗ đình Hoàng xá (Hà tây)

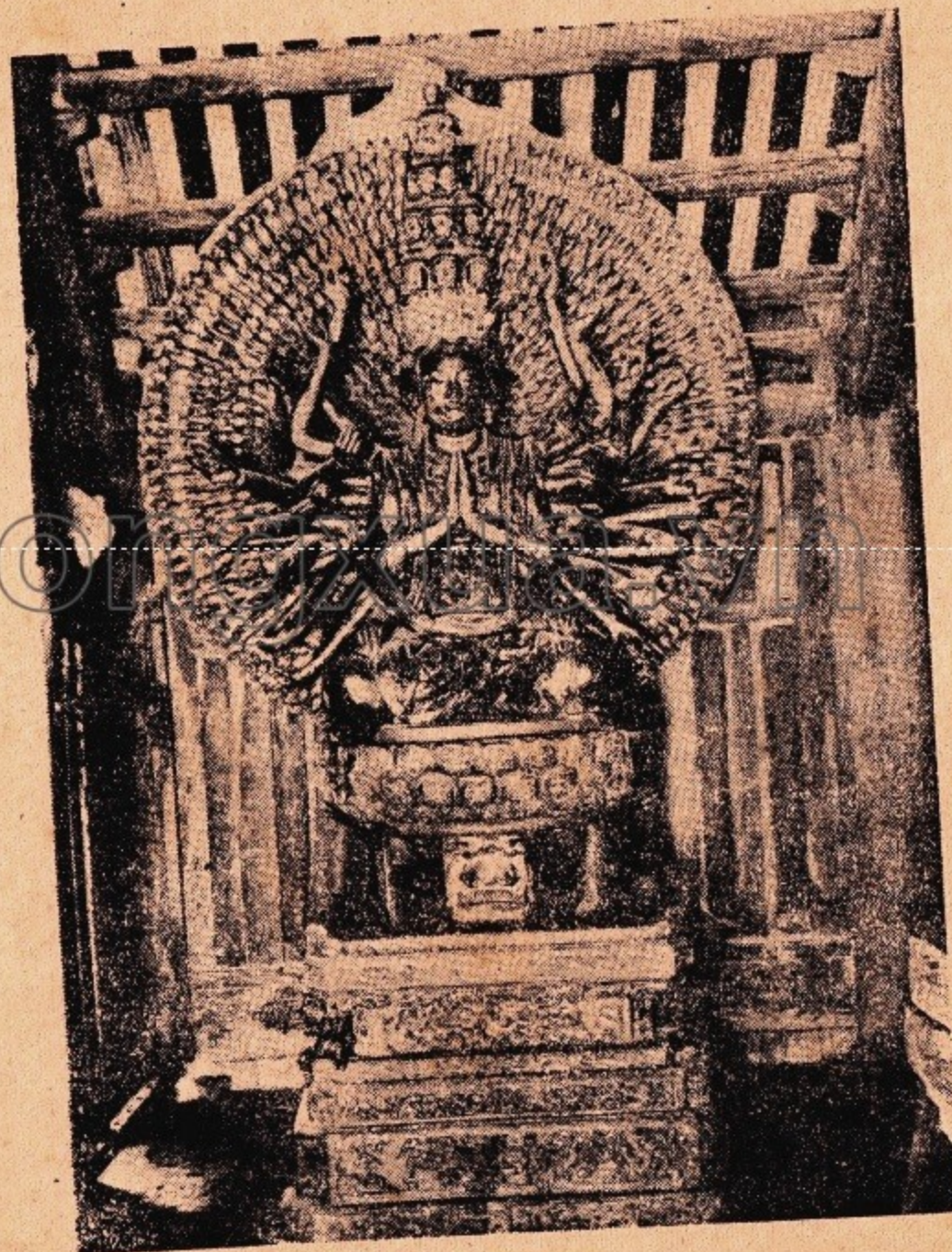


Hình 30 — Nghệ thuật điêu khắc trong tượng gỗ Phật bà nghìn mắt nghìn tay

Về điêu khắc, nhiều tác phẩm khắc gỗ ở đình chùa đã lấy đề tài trong sinh hoạt bình thường của nhân dân : cảnh cò ép nhau uồng rươi, cảnh hai chàng lực sĩ đóng khờ ra sức vật nhau nhưng nét mặt vẫn vui tươi hòa thuận, cảnh đá cầu trên gan bàn chân rất độc đáo . . . Tác phẩm điêu khắc nổi tiếng thời bấy giờ là tượng Phật bà nghìn tay nghìn mắt ở chùa Bút tháp (Hà bắc). Các nhà



Hình 31 — Gà chọi. Chạm gỗ đình Hoàng xá (Hà tây)



Hình 32 — Phật bà nghìn mắt nghìn tay
Tượng gỗ, chùa Bút tháp (Hà bắc)

nghệ thuật ca ngợi bức tượng này như sau : Bức tượng có vẻ đẹp tự nhiên, mềm mại của người phụ nữ Việt nam, các cánh tay xòe ra uyển chuyển như động tác múa và những bàn tay nhỏ sắp xếp như ánh hào quang tỏa ra xung quanh.

CÂU HỎI

1. Thê XVI — XVII ở nước ta có những đạo gì ? Các giáo sĩ phương Tây truyền bá đạo Thiên chúa vào nước ta để làm gì ? Đời sống tinh thần của nhân dân ta như thế nào ?
2. Nền văn học thê kỷ XVI — XVII có đặc điểm gì ? Hãy kể một số hình thức nghệ thuật dân gian thời bấy giờ. Tại sao nghệ thuật dân gian lại rất phong phú ?
3. Em hãy làm bảng tóm tắt tình hình nước ta trong thê kỷ XVI — XVII (với các mục kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội) để chứng minh rằng thời kỳ đó là thời kỳ chế độ phong kiến tập quyền suy yếu.

CHƯƠNG THỨ BA

CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TẬP QUYỀN SUY YẾU CỰC ĐỘ. KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN (thế kỷ XVIII).

BÀI 14

CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN ĐÀNG NGOÀI SUY YẾU CỰC ĐỘ, KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN BÙNG NỔ

1. Chế độ phong kiến ở Đàng ngoài ngày càng suy yếu

Sang thế kỷ XVIII, chế độ họ Trịnh ở Đàng ngoài trở nên mục nát và phản động.

Vua Lê bấy giờ chỉ là bù nhìn, quyền hành do họ Trịnh nắm. Trịnh Sâm, là một chúa khét tiếng tham tàn sa đọa. Y bày ra hội hè quanh năm, yến tiệc rất phung phí và cho tay chân cướp đoạt của quý, vật lạ trong dân gian về bày trong phủ chúa.

Chính quyền phong kiến từ trung ương đến làng xã trở nên cực kỳ phản động. Trong triều đình và phủ chúa, các bè phái phong kiến tranh giành, giết hại nhau. Ở

các địa phương, bọn quan lại, cường hào mặc sức hoành hành, đục khoét nhân dân.

Kinh tế bị đình trệ nghiêm trọng. Hạn, lụt, mất mùa . . . xảy ra dồn dập. Sông Hồng, sông Mã có năm vỡ, làm hàng chục vạn nhà cửa trôi dạt, hàng chục huyện ngập nước và mùa màng mất trắng. Nền kinh tế công thương nghiệp cũng sa sút dần. Thuê má nặng nề làm cho một số thương nhân phải bỏ nghề, một số thợ thủ công phải phá cả công cụ sản xuất.

2. Đời sống của nhân dân vô cùng lầm than cơ cực

Do bị áp bức bóc lột quá nặng nề, đời sống của nhân dân, kể cả nhân dân các dân tộc thiểu số

trở nên vô cùng điều

đứng. Nông dân là những người khổ cực nhất, họ bị bọn cường hào cướp mất ruộng đất, lại phải nai lưng góp đủ các thứ thuế cho nhà nước và quanh năm đi phu, đi lính vất vả. Thêm vào đó nạn đói vỡ, lụt lội, mất mùa xảy ra luôn. Tình hình đó dẫn đến những nạn đói khủng khiếp làm cho hàng loạt người bị chết một cách thảm khốc. Ví dụ nạn đói năm 1741 ở vùng Hải dương (Hải hưng), Kiến an (Hải phòng) «người chết đói ngổn ngang, người sống sót không còn một phần mười, làng nào có tiếng là trù mật cũng chỉ còn độ năm, ba hộ mà thôi».

Sau những nạn đói như vậy, số người còn sống sót cũng phải rời bỏ nhà cửa, quê hương đi kiếm ăn các nơi. Hàng ngàn làng xã tiêu điều, hầu như không còn bóng người. Ở đó đồng ruộng bỏ hoang, cây cối mọc như rừng

và «những giồng heo rừng, chó sói sinh tụ đầy cả ngoài đồng».

Những nỗi lầm than, thống khổ trên đây đã khơi sâu lòng căm thù, oán giận của quần chúng và thúc đẩy họ vùng dậy đấu tranh giành quyền sống.

3. Phong trào nông dân bùng nổ khắp nơi

Từ cuối thế kỷ XVII, một vài cuộc khởi nghĩa nông dân đã bùng nổ, sang thế kỷ XVIII thì phong trào trở nên rầm rộ, lan

rộng khắp đồng bằng và miền núi.

Năm 1737 nhà sư Nguyễn Dương Hưng cùng nông dân nổi lên ở Sơn tây, chiếm cứ Tam đảo. Cuộc khởi nghĩa này mở đầu cho phong trào đấu tranh của nông dân Đàng ngoài. Phong trào lên cao nhất ở Hải dương (Hải hưng), Hải phòng là nơi nạn đói xảy ra nghiêm trọng nhất. Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Vũ Trác Oánh cầm đầu những cuộc khởi nghĩa lớn nhất ở vùng này. Nông dân nghèo đói vùng lên vác gậy, gộc, thuồng, cuộc làm vũ khí. Nghĩa quân trừng trị bọn quan lại, cường hào, đánh cả các trụ sở của chính quyền phong kiến.

Ở Sơn nam Hoàng Công Chất, Vũ Đình Dung nổi lên.

Ở Sơn tây, sau khi Nguyễn Dương Hưng thất bại, Nguyễn Danh Phương cùng nghĩa quân lại chiếm được vùng Tam đảo.

Ở Thanh hóa, Lê Duy Mật là một quý tộc nhà Lê nhưng bị bạc đãi, được nhân dân ủng hộ, cũng khởi nghĩa chống lại họ Trịnh.

Khắp miền núi đều có khởi nghĩa : cuộc khởi nghĩa do thủ lĩnh *Tương cảm đầu* kéo dài 8 năm ở Sơn tây, cuộc khởi nghĩa người Tày — Nùng do *Toản Cơ* lãnh đạo ở Lạng sơn, v.v . . .

Họ Trịnh cực kỳ hoảng hốt. Chúa Trịnh huy động binh lính canh phòng, tuần tiễu suốt ngày đêm và ra lệnh tịch thu tượng Phật, chuông, khánh để lấy đồng đúc súng đạn. Trên các ngọn núi cao đều có hỏa hiệu để báo tin cấp cứu khi có khởi nghĩa. Không khí khủng bố, đàn áp bao trùm khắp nơi. Chúa Trịnh đã dùng những thủ đoạn tàn bạo để đối phó với phong trào. Có lần nguy cấp, chúa Trịnh ra lệnh phá đê cho nước tràn vào phá hoại mùa màng giết hại nhân dân. Nhưng càng tàn bạo thì đấu tranh càng mạnh, phong trào cứ ngày một lên cao. Dưới đây là hai cuộc khởi nghĩa tiêu biểu ở đồng bằng và ở miền núi lúc bấy giờ.

4. Cuộc khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu (1741 — 1751)

Nguyễn Hữu Cầu còn gọi là Quận He. He là một loài cá biển, bơi rất khỏe và đẹp. *Nguyễn Hữu Cầu* hùng dũng và bơi lội giỏi nên người ta gọi ông như vậy. Năm 1740, miền Hải dương — quê ông — có nạn đói, nhân dân vô cùng cơ cực. Năm sau, ông phát cờ khởi nghĩa, nêu khẩu hiệu «lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo», nông dân trong vùng nổi dậy theo ông.

Có tài tổ chức và chỉ huy, lại được dân mến, *Nguyễn Hữu Cầu* và hàng vạn nghĩa quân tung hoành hầu khắp vùng đồng bằng Đông ngoài. Từ Hải dương, nghĩa quân

đánh lên Kinh bắc (Hà bắc), uy hiếp Thăng long, tiến xuống Sơn nam (Nam định), vào cả Thanh hóa, Nghệ an. Đâu đâu Quận He và nghĩa quân cũng ghi những chiến công oanh liệt. Cuộc khởi nghĩa nhiều lần tưởng tan, nhưng rồi lại hồi phục nhanh chóng. Có lần bị quân triều đình vây vòng trong vòng ngoài. *Nguyễn Hữu Cầu* một mình một ngựa, đi lại như bay, vượt vòng vây ra như chơi, vài hôm sau lại có hàng vạn quân !

Gần 10 năm vây vùng làm cho quân triều đình hoảng sợ, năm 1751, người anh hùng nông dân đó bị bắt. Kẻ thù đã đem ông ra xử tử một cách hèn mạt.

5. Cuộc khởi nghĩa Hoàng Công Chắt (1740 — 1769)

Hoàng Công Chắt cũng là một nông dân kiệt xuất lúc bấy giờ. Năm 1740, ông nổi lên ở Sơn nam. Nghĩa quân xuất hiện như thần, «ra vào nơi cỏ rậm bun lấy không thể biết được tung tích».

Sau một thời gian hoạt động ở đồng bằng, nghĩa quân chuyển lên Tây bắc. Tại đây, *Hoàng Công Chắt* được các dân tộc thiểu số ủng hộ, đã đánh lui được nhiều cuộc xâm lấn của nước ngoài, bảo vệ vùng biên giới phía tây bắc của Tổ quốc. Cả địa bàn rộng lớn Tây bắc nằm dưới quyền kiểm soát của nghĩa quân. *Hoàng Công Chắt* cho xây thành Chiềng lè (thành Bản phủ) ở Nọng hệt, tiếp tục giương cao lá cờ chống phong kiến, và đã đánh tan được nhiều cuộc tiến công của quân Trịnh.

Gần 20 năm hoạt động, *Hoàng Công Chắt* đã thắt chặt thêm tình đoàn kết vốn có giữa các dân tộc, và làm

cho cuộc sống của các dân tộc Tây bắc được yên ổn. Cho đến nay nhân dân Tây bắc vẫn còn hát những bài hát ca ngợi ông, trong đó có những câu như sau:

«*Đây, dưới xuôi có vua,
Trên này có chúa.
... Chúa thật lòng yêu dân,
Chúa xây dựng bản mường,
Mọi người mới được yên ổn làm ăn.
... Nghe chẳng tiếng hát của quân keo Chắt trong phủ
Ngân vang khắp cánh đồng Mường thanh bao la*»...

6. Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của phong trào

Vào khoảng năm 1769, những cuộc khởi nghĩa nông dân lớn ở Đàng ngoài đều bị đàn áp. Sau đó chỉ còn lại những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ kéo dài cho đến cuối thế kỷ XVIII.

Nguyên nhân thất bại chính là vì phong trào tuy rầm rộ, nhưng thiếu sự lãnh đạo thống nhất. Những cuộc khởi nghĩa riêng lẻ trong từng vùng không liên kết lại được thành một lực lượng có tổ chức. Dựa vào nhược điểm đó, quân Trịnh đã đàn áp khốc liệt, tiêu diệt từng cuộc khởi nghĩa một.

Tuy thất bại, phong trào nông dân Đàng ngoài có ý nghĩa lịch sử rất to lớn. Những cuộc đấu tranh quyết liệt đó đã làm cho chánh quyền phong kiến của họ Trịnh bị lay chuyển tận gốc rễ và do đó, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào nông dân sau này thu được thắng lợi rực rỡ.

CÂU HỎI

1. Đời sống của nhân dân dưới chế độ họ Trịnh như thế nào? Tại sao nông dân lại là những người khổ nhất? Em có nhớ nạn đói khủng khiếp nào lúc bấy giờ không?
2. Tại sao sang thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Đàng ngoài lại suy yếu cực độ?
3. Thế kỷ XVIII ở Đàng ngoài có những cuộc khởi nghĩa lớn nào? Em hãy kể một cuộc khởi nghĩa lớn.
4. Vì sao phong trào khởi nghĩa của nông dân Đàng ngoài bị thất bại? Phong trào đó có ý nghĩa lịch sử gì?

BÀI 15

CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN ĐÀNG TRONG SUY YẾU, NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA TRƯỚC KHỞI NGHĨA TÂY SƠN

1. Chế độ phong kiến ở Đàng trong cũng ngày càng suy yếu

Từ khoảng giữa thế kỷ XVIII, sự suy yếu của chế độ phong kiến ở Đàng trong đã bộc lộ rõ ràng.

Chánh quyền họ Nguyễn trở thành một bộ máy ăn bám rất nặng nề, thối nát. Do việc buôn quan bán tước phát triển, sỏ quan lại ở Đàng trong rất đông, thậm chí có khi trong một xã mà có đến 20 xã trưởng. Bọn quan lại kết thành bè cánh đè nén, bóc lột nhân dân thậm tệ. Vào cuối thế kỷ XVIII, tất cả quyền hành ở Đàng trong đều lọt vào tay Trương Phúc Loan. Hắn tự xưng làm Quốc phó, một mình chuyên quyền, đưa tay chân

vào năm những chức quan trọng trong chánh quyền và giết hại những người chồng đòi. Bọn thông trị tranh giành, xâu xé nhau kịch liệt.

Các chúa Nguyễn cũng như bọn quan lại ở Đàng trong sống rất xa hoa trên mồ hôi và xương máu của nhân dân. Chúng bóc lột nhân dân, vơ vét được rất nhiều của cải. Chúng « coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, hoang phí vô cùng ». Riêng Trương Phúc Loan « vàng, bạc, châu ngọc, gấm vóc, của báu chứa đầy nhà; ruộng vườn, nhà cửa, tôi tớ, trâu ngựa không biết bao nhiêu mà kể ».

Trong lúc đó thì đời sống của nhân dân ngày càng cùng khổ. Ruộng đất của nông dân khai phá ra phần nhiều bị bọn địa chủ cướp đoạt. Thuế khóa của họ Nguyễn lại rất nặng, mỗi người dân hàng năm phải nộp hàng chục thứ thuế. Ngoài ra, còn phải đi phu xây dựng các cung điện, thành lũy và nộp tiền làm lương bổng cho quan lại. Nhân dân miền núi còn phải nộp các thứ thổ sản như sừng tê, ngà voi, sáp ong, mật ong... Dưới sự thông trị của họ Nguyễn, mọi tầng lớp nhân dân từ nông dân đến thương nhân, thợ thủ công, nhân dân miền núi, đều bất bình sâu sắc và sẵn sàng nổi dậy.

2. Nhân dân bị áp bức bắt đầu nổi dậy đấu tranh

Bị áp bức, bóc lột nặng nề, nhân dân ở Đàng trong đã vùng dậy đấu tranh. Từ giữa thế kỷ XVIII, những cuộc khởi nghĩa của nông dân miền xuôi đã nổ ra ở nhiều nơi. Quan trọng nhất là cuộc khởi nghĩa do Lía cầm đầu ở Bình định. Lía xuất thân ở một gia đình nông dân nghèo,

lớn lên đã phải đi ăn xin, đi ở cho địa chủ. Lía là người có sức khỏe, giỏi võ nghệ, ngang tàng, khí khái. Bị bọn địa chủ hành hạ, Lía căm tức, bỏ trốn vào rừng. Một hôm Lía quay về giết bọn cường hào ác bá trong làng rồi tập hợp nghĩa quân lập căn cứ ở truông Mây. Nghĩa quân của Lía đánh giết bọn địa chủ, lấy của nhà giàu chia cho người nghèo và nhiều lần đánh bại các quân của họ Nguyễn. Bài về⁽¹⁾ dân gian kể lại một cuộc chiến đấu của nghĩa quân như sau:

Một hôm đang ở trong Sơn trại thì Lía được tin quân triều đình đến đánh. Lía bèn:

... Vào buồng nai nịt quân như ngựa⁽²⁾
Lên yên thẳng xuống trùng trùng rinh⁽³⁾

Lâu la⁽³⁾ kén đủ trăm ngàn,
Thình lình cướp trại đánh ngang quân⁽⁴⁾
Quân binh đang lúc vây bao,
Chợt đâu bị đánh xiết bao hai hùng!

Kéo nhau mà chạy rùng rùng,
Bồn bể hỗn loạn vô cùng rồi ren! ... Lía tuy không
Cuộc khởi nghĩa cuối cùng bị thất bại, mãi mãi ghi
còn nữa nhưng nhân dân miền Trung
nhớ hình ảnh Lía và nghĩa quân của ông:

Chiều chiều én liệng truông Mây,
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.
Cùng với nhân dân ở miền xuôi, nhân dân miền núi
cũng khởi nghĩa chống chế độ hà khắc của họ Nguyễn.

(1) Về chàng Lía.

(2) Khí thế đang hoàng nghênh chiến.

(3) Nghĩa quân.

Người *Khơ-me* nổi dậy ở Thuận thành (Nam Trung bộ). Người *Chăm-rê* nổi dậy ở miền núi Quảng Ngãi. Một số cuộc khởi nghĩa khác còn có cả thương nhân, thợ thủ công tham gia, như cuộc khởi nghĩa do thủ lĩnh *Linh* và *Lý Văn Quang* cầm đầu.

Những cuộc khởi nghĩa trên đều bị đàn áp, nhưng đã nói lên lòng bất bình, oán giận của các tầng lớp nhân dân đối với chính quyền thời nát của họ Nguyễn. Đó là những dấu hiệu báo trước một cơn bão táp cách mạng to lớn của nhân dân sắp giáng vào toàn bộ chế độ phong kiến ở Đàng trong cũng như ở Đàng ngoài.

CÂU HỎI

1. Đời sống của chúa Nguyễn và bọn quan lại ở Đàng trong như thế nào?
2. Nhân dân ở Đàng trong bị áp bức, bóc lột như thế nào?
3. Em biết gì về cuộc khởi nghĩa của Lía?

BÀI 16

KHỞI NGHĨA TÂY SƠN VÀ SỰ SỤP ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC PHONG KIẾN MỤC NÁT

1. Cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở ấp Tây sơn

Mùa xuân năm 1771, ba anh em *Nguyễn Nhạc*, *Nguyễn Lữ*, *Nguyễn Huệ* lãnh đạo nông dân nổi lên ở ấp *Tây sơn* (Bình định). Cơn bão táp cách mạng đã tới.



Hình 33

Gia đình anh em Tây sơn vốn gốc ở Đàng ngoài. Giữa thế kỷ XVII quân Nguyễn đánh nhau với quân Trịnh, vượt qua sông Gianh bắt nhiều nông dân Đàng ngoài vào Đàng trong khai khẩn, trong đó có tổ của gia đình anh em Tây sơn. Trải qua mấy đời làm ăn, gia đình anh em Tây sơn trở nên sung túc, nhờ đó cả ba anh em đều được đi học.

Sống dưới chế độ tàn bạo của họ Nguyễn, hàng ngày mắt trông thấy những nỗi khổ cực của nhân dân, ba anh em quyết định phất cờ, hiệu triệu nông dân nổi dậy. Khẩu hiệu «lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo» được nêu cao, đã cổ vũ mạnh mẽ những người bị áp bức vùng dậy đấu tranh quyết liệt. Ấp Tây sơn mau chóng trở thành căn cứ của cuộc khởi nghĩa. Các đội vũ trang nông dân, có cả



Hình 34 — Nơi xuất phát và khu vực hoạt động đầu tiên của cuộc khởi nghĩa Tây sơn

các dân tộc miền núi, người buôn bán và thợ thủ công tham gia, được thành lập. Người Chăm và người Tây

nguyên hưởng ứng nhiệt liệt. Lá cờ đỏ được chọn làm lá cờ của cuộc khởi nghĩa⁽¹⁾.

Lực lượng của nghĩa quân lớn nhanh như thổi. Từ căn cứ Tây sơn, nghĩa quân đánh rộng ra các nơi, giết bọn địa chủ cường hào, lấy của chia cho dân, tuyên bố bãi bỏ các thứ thuế của họ Nguyễn. Nghĩa quân tiến lên đánh phá các huyện lỵ, giải phóng nhiều vùng rộng lớn. Chánh quyền phong kiến sụp đổ từng mảng, cơ đồ họ Nguyễn lung lay.

2. Tây sơn lật đổ chánh quyền họ Nguyễn

Được nhân dân khắp nơi hưởng ứng, cuộc khởi nghĩa phát triển rất nhanh chóng. Đến giữa năm 1773 quân Tây sơn

đã hạ được thành Quy Nhơn. Trong trận này, Nguyễn Nhạc rất mưu trí và táo bạo. Ông tự nhốt vào cũi, cho quân khiêng cũi vào nộp cho quân Nguyễn. Nửa đêm, ông phá cũi, đánh từ trong ra, phối hợp với nghĩa quân từ ngoài đánh vào.

Quân Tây sơn tiếp tục đánh ra phía Bắc và đánh vào phía Nam. Chỉ trong vòng mấy tháng, nghĩa quân đã chiến thắng liên tiếp, làm chủ được một khu vực rộng lớn từ Quảng Ngãi đến Bình thuận.

Nhân tình hình Đàng trong có nội biến, họ Trịnh liền cử quân vào mưu diệt họ Nguyễn. Quân Trịnh vượt

(1) Có giáo sĩ phương Tây kể lại là đã được trông thấy lá cờ của nghĩa quân Tây sơn lúc bấy giờ, bằng lụa đỏ, dài khoảng 10 mét.

sông Gianh đánh chiếm Phú xuân (cuối năm 1774). Chúa Nguyễn phải bỏ chạy vào Quảng nam rồi vượt biển trốn vào Gia định.

Quân Trịnh vượt đèo Hải vân đánh nhau với quân Tây sơn. Quân Tây sơn bị dồn vào thế bất lợi, phải đồng thời đối phó với quân Trịnh ở mặt Bắc và quân Nguyễn ở mặt nam. Nguyễn Nhạc liền dùng kẻ tạm thời hòa hoãn với họ Trịnh để tập trung lực lượng diệt họ Nguyễn trước.

Tạm yên mặt bắc, quân Tây sơn dốc sức tấn công chúa Nguyễn. Từ năm 1776 đến năm 1783, Tây sơn 5 lần đem quân vào đánh Gia định. Được sự ủng hộ của nông dân Gia định, lần nào nghĩa quân cũng thắng lợi nhanh chóng. Trong lần thứ hai (1777), quân Tây sơn đã bắt, giết được chúa Nguyễn, chỉ còn Nguyễn Ánh sống sót và chạy thoát. Chế độ thống trị của họ Nguyễn xây dựng trên 200 năm đến đây bị đánh đổ.

3. Tây sơn tiêu diệt quân xâm lược Xiêm

Lúc cùng quẫn, Nguyễn Ánh đã chạy sang Xiêm và nhờ vua Xiêm đem quân giúp đỡ. Thế là dựa vào tên phản quốc Nguyễn Ánh, vua Xiêm có cơ hội để xâm lược.

Năm 1784, 5 vạn quân Xiêm tiến đánh nước ta, nhằm chiếm miền Gia định (Nam bộ). Cánh quân thủy gồm 2 vạn quân với 300 chiến thuyền vượt biển đổ bộ lên Rạch giá. Cánh quân bộ gồm 3 vạn quân, đi xuyên qua

Chân Lạp từ phía tây đánh xuống. Nguyễn Ánh cũng đem tàn quân theo sau.

Quân giặc lúc đầu mạnh, quân Tây sơn vừa chống cự vừa tổ chức rút lui để bảo toàn lực lượng. Sau 5 tháng, hơn nửa miền đất đai phía tây Gia định lọt vào tay quân giặc. Quân giặc vô cùng hung bạo, chúng tàn sát nhân dân, cướp bóc của cải chở về nước. Tội ác của chúng làm cho nhân dân ta cực kỳ căm giận.

Đầu năm 1785, Nguyễn Huệ đem quân vào trừng trị bọn cướp nước và lũ bán nước. Lúc bấy giờ Nguyễn Huệ mới có 32 tuổi, nhưng tiếng tăm đã lừng lẫy. Nguyễn Huệ chọn đoạn sông Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Soài Mút làm trận địa quyết chiến với quân địch.

Đoạn sông này dài khoảng 6 ki-lô-mét, rộng chừng vài ki-lô-mét. Nguyễn Huệ giấu kín quân ở các nhánh sông và trên các cù lao, rồi cho quân ra nhử giặc. Giặc chủ quan, lọt vào trận địa. Pháo của Tây sơn nổ giòn giã. Quân Xiêm bị đánh tan : gần 4 vạn quân Xiêm bị chết tại trận, số sống sót phải chạy trốn về nước. Nguyễn Ánh thoát chết nhưng quân lính tan nát.

Trận Rạch Gầm — Soài Mút là chiến công lừng lẫy của quân Tây sơn. Nó đập tan âm mưu can thiệp của phong kiến xâm lược Xiêm và trừng trị đích đáng hành động bán nước của bọn Nguyễn Ánh. Nó cũng nêu lên truyền thống đấu tranh anh dũng, bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân miền Nam nước ta.

Sau khi trao lại Bắc hà cho vua Lê, Tây sơn rút quân về Nam.

Nhưng khi Tây sơn đi rồi, tình hình Bắc hà trở lại hỗn loạn như cũ. *Lê Chiêu Thống* bắt lực phải nhờ *Nguyễn Hữu Chỉnh* là một tướng của họ Trịnh giúp đỡ, *Nguyễn Hữu Chỉnh* quay ra lộng quyền, lấn át vua Lê và chồng Tây sơn.

Bây giờ ba anh em Tây sơn đã chia nhau giữ ba miền. *Nguyễn Nhạc* làm Trung ương hoàng đế đóng ở Quy Nhơn, *Nguyễn Lữ* làm Đông Định vương đóng ở Gia định và *Nguyễn Huệ* làm Bắc Bình vương đóng ở Phú xuân. Năm 1787, *Nguyễn Huệ* sai *Võ Văn Nhậm* ra trị tội *Chỉnh*. Nhưng sau khi giết được *Chỉnh*, *Võ Văn Nhậm* ngày càng kiêu ngạo, mưu đồ xây dựng lực lượng riêng để chống *Nguyễn Huệ*.

Năm 1788, *Nguyễn Huệ* kéo quân ra Thăng long lần thứ hai. Sau khi sai người giết *Nhậm* và chỉnh đốn trật tự ở Bắc hà, *Nguyễn Huệ* lại trở về Phú xuân. *Lê Chiêu Thống* bỏ trốn, và triều *Lê* đến đây kết thúc.

5. Nguyên nhân thắng lợi

Trong vòng 17 năm 1771 — 1788 cuộc khởi nghĩa Tây sơn đã thu được những thắng lợi rực

rỡ, đã tiêu diệt được các thế lực phong kiến thối nát trong nước, đánh tan quân xâm lược Xiêm và xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước hơn 200 năm do họ Trịnh, họ Nguyễn gây ra.

Nguyên nhân của thắng lợi to lớn đó trước hết là do lòng căm thù cao độ của các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là nông dân, đòi với ách thống trị hà khắc, thối nát của họ Nguyễn và họ Trịnh.

Bên cạnh đó, vai trò lãnh đạo của *Nguyễn Nhạc* trong buổi đầu và đặc biệt là của *Nguyễn Huệ* đã góp phần quan trọng vào thắng lợi. Các thủ lĩnh Tây sơn biết để ra đường lối và khẩu hiệu đấu tranh đúng đắn để tập hợp lực lượng quần chúng và cô lập kẻ thù. Việc lấy của nhà giàu chia cho người nghèo và trừng trị đích đáng bọn quan lại, địa chủ gian ác, đã làm cho nông dân đi theo khởi nghĩa. Việc tạm hòa hoãn với Trịnh để dốc sức đánh *Nguyễn* đã giải quyết được một tình thế hiểm nghèo trong buổi đầu khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa Tây sơn là kết tinh của phong trào nông dân khởi nghĩa của cả thế kỷ XVIII. Cuộc khởi nghĩa sẽ trở thành ngọn cờ cổ vũ và đoàn kết toàn thể dân tộc đứng dậy khi nạn ngoại xâm đe dọa Tổ quốc.

CÂU HỎI

1. Cuộc khởi nghĩa Tây sơn bùng nổ và được nhân dân hưởng ứng như thế nào ?
2. Tại sao *Nguyễn Nhạc* phải tạm thời hòa hoãn với quân Trịnh ?
3. Kể lại việc Tây sơn tiêu diệt quân xâm lược Xiêm, ý nghĩa của chiến thắng này.
4. Tây sơn lật đổ chế độ của họ Trịnh như thế nào ?
5. Do những nguyên nhân gì Tây sơn đã lật đổ được những chính quyền mục nát của họ Nguyễn, họ Trịnh và họ Lê ?

TÂY SƠN ĐẠI PHÁ QUÂN THANH BẢO VỆ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1. Bè lũ Lê Chiêu Thông âm mưu bán nước. Quân Thanh kéo sang xâm lược

Sau khi Nguyễn Hữu Chỉnh bị bắt, Lê Chiêu Thông chạy trốn lần lút ở nhiều nơi. Thê cùng lực kiệt, Chiêu Thông sai người sang cầu cứu

nhà Thanh, mưu dựa vào nước ngoài để duy trì quyền lợi của một dòng họ phong kiến đã mục nát đến tột độ. Nhà Thanh là một triều đại phong kiến thống trị ở Trung quốc từ giữa thế kỷ XVII. Đền đời vua Càn Long, nhà Thanh đã xâm lược các vùng phía bắc, phía đông và còn muốn bành trướng thế lực xuống phía nam. Việc cầu cứu của Lê Chiêu Thông là cơ hội tốt để nhà Thanh thực hiện âm mưu xâm lược nước ta.

Cuối năm 1788, nhà Thanh cử Tôn Sĩ Nghị làm tổng chỉ huy, điều động 20 vạn quân chiến đấu và hàng vạn quân phục dịch, chia làm 3 đạo, ồ ạt tiến vào nước ta. Thê là dân tộc ta lại đứng trước họa ngoại xâm, và một nhiệm vụ hết sức to lớn đặt ra là bảo vệ độc lập dân tộc.

Trước thế giặc mạnh, quân ta theo kế hoạch của Ngô Thì Nhậm tạm thời rút lui về núi Tam điệp (giáp giới Ninh bình và Thanh hóa) để bảo toàn lực lượng, rồi phi báo cho Nguyễn Huệ.

Bọn Lê Chiêu Thông sai người lên tận biên giới đón Tôn Sĩ Nghị, sắm sửa trâu bò, lễ vật để khao quân giặc rồi cùng kéo về chiếm Thăng long. Chiêu Thông tuy được nhà Thanh phong cho làm « An nam quốc vương » nhưng thực ra chỉ là một ông vua bù nhìn, làm tay sai cho Tôn Sĩ Nghị. Chiêu Thông vẫn phải dùng niên hiệu vua Càn Long nhà Thanh, hàng ngày phải dâng châu chực ở dinh của Tôn Sĩ Nghị rất nhọc nhãi và chỉ lo trả thù, báo oán hết sức tàn ngược.

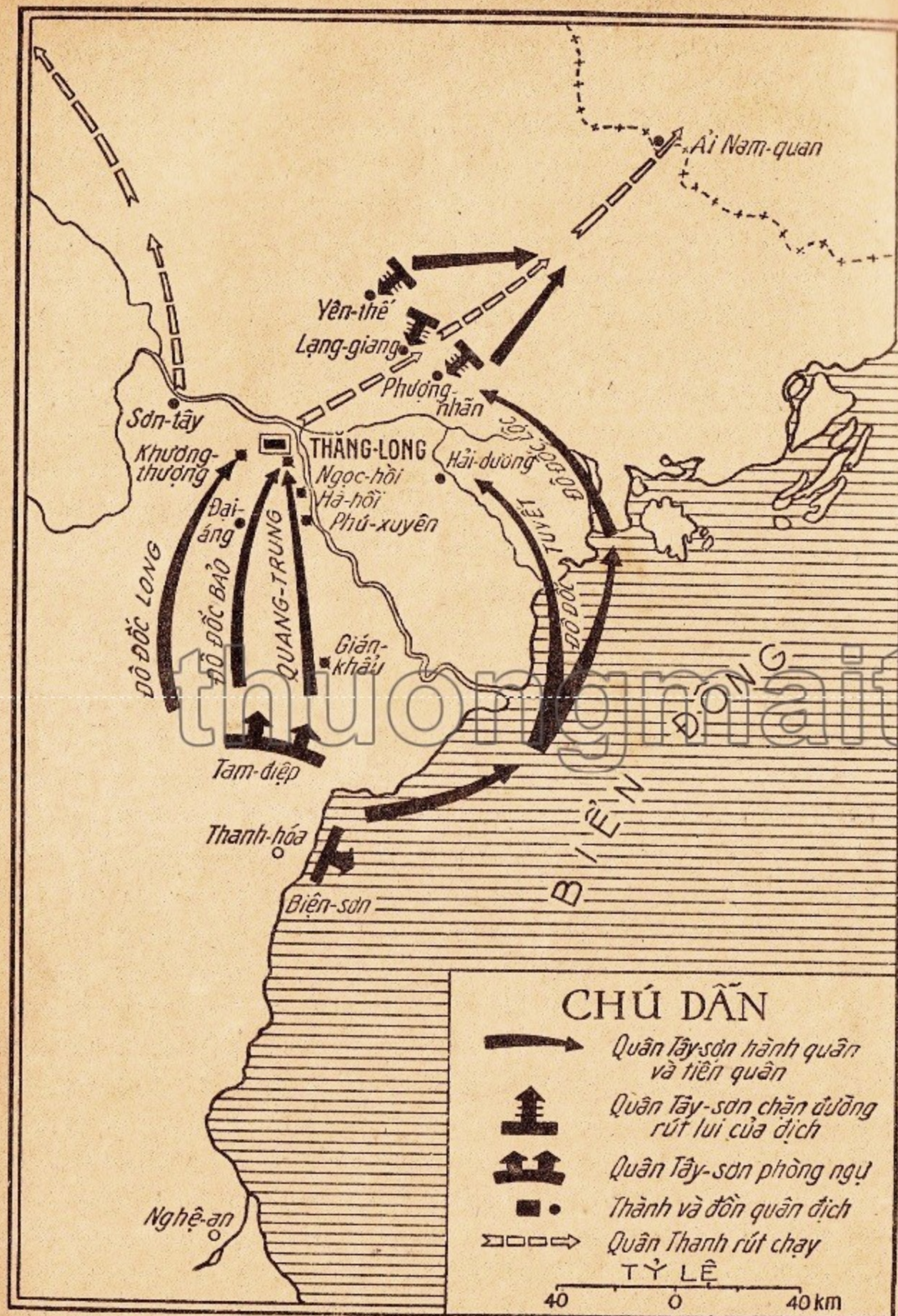
Tôn Sĩ Nghị chiếm được Thăng long một cách dễ dàng nên càng chủ quan kiêu ngạo. Hẳn suốt ngày ăn chơi phè phỡn, thả cho quân lính mặc sức cướp bóc nhân dân. Nhân dân Thăng long và các vùng lân cận phải nộp bò, heo, lúa gạo, rơm cỏ, tre nứa... để chúng ăn uống, nuôi lừa ngựa và dựng đồn lũy. Mỗi năm của nhân dân đòi với quân xâm lược và bè lũ bán nước Chiêu Thông đã lên đến cực độ.

2. Quang Trung tiến quân ra Bắc

Nhận được tin cáo cấp, Nguyễn Huệ liền lên ngôi hoàng đế (đầu năm 1789), lấy niên hiệu là

Quang Trung rồi ra lệnh xuất quân. Quang Trung ra đến Nghệ an, đóng lại mười ngày để tuyển thêm quân. Nhân dân Nghệ an nô nức tòng quân, chỉ trong mấy ngày, số quân cũ và mới lên tới 10 vạn với hàng trăm voi trận.

Sau lễ duyệt binh lớn ở Nghệ an, Quang Trung hạ lệnh cho quân sĩ lên đường kéo ra núi Tam điệp.



Hình 36 — Đại phá quân xâm lược Thanh (1789)

Quang Trung tỏ lời khen kẻ hoặch rút lui để bảo toàn lực lượng và làm kiêu lòng giặc của Ngô Thị Nhậm, rồi quyết định mở một cuộc tấn công nhanh chóng nhằm tiêu diệt toàn bộ quân giặc. Quang Trung nói với tướng sĩ : « Nay ta đến đây tự độc việc quân, đánh hay giữ đã có kẻ cả rồi, chỉ trong 10 ngày nữa thề nào ta cũng quét sạch quân Thanh ». Tiếp đó, Quang Trung truyền lệnh mở tiệc khao quân và tuyên bố : « Nay hãy làm lễ ăn tết Nguyên đán trước, đợi đến sang xuân, ngày mồng 7 vào Thăng long sẽ mở tiệc lớn. Các người hãy ghi nhớ lấy lời ta xem có đúng thề không ? ».

Từ núi Tam điệp, quân Tây sơn chia làm 5 đạo tiến ra Bắc. Đạo quân chủ lực do Quang Trung trực tiếp chỉ huy nhằm thẳng hướng Thăng long. Đạo quân thứ hai, thứ ba theo đường núi đánh vào phía tây Thăng long và yểm hộ cho đạo quân chủ lực. Đạo quân thứ tư, thứ năm vượt biển ra tiếp ứng ở vùng Hải dương (Hải hưng) và chặn đường rút lui của giặc ở Lạng giang (Hà bắc).

Đêm 30 tết (âm lịch) quân Tây sơn vượt bèn đò Gián khẩu (sông Đáy) đánh tan quân đội nhà Lê ở Sơn nam rồi đuổi đến tận Phú xuyên. Toàn bộ quân giặc ở đây bị tiêu diệt và bọn lính do thám của quân Thanh cũng bị bắt hết.

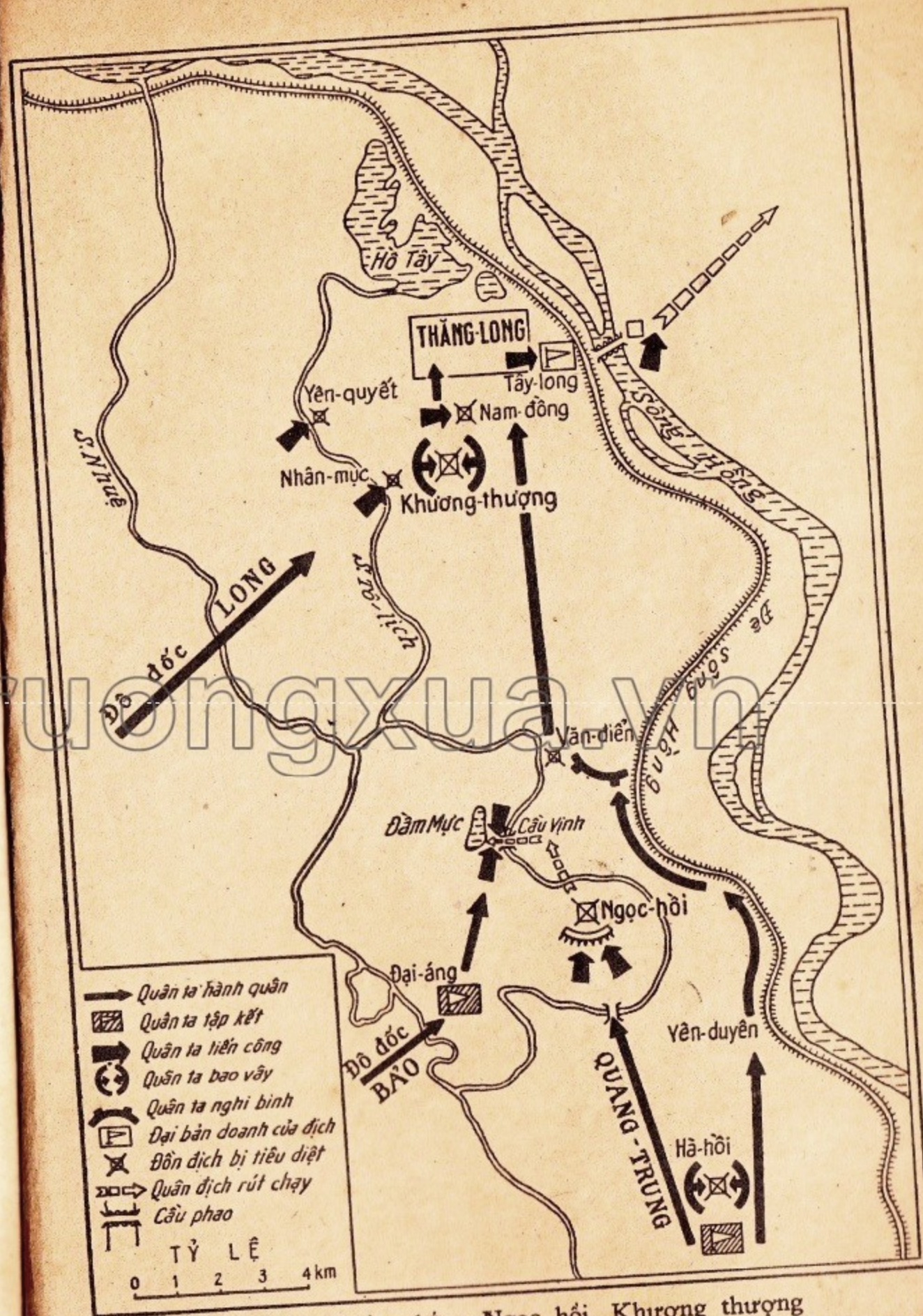
Đêm mồng 3 tết, quân ta bí mật kéo đến vây chặt đồn Hà hồi (Thường tín, Hà tây) rồi bắc loa kêu gọi quân Thanh ra hàng. Giặc bị vây bắt ngờ, hoảng sợ, nộp đồn và khí giới xin đầu hàng.

3. Chiến thắng Ngọc Hồi, Đống Đa

Mở sáng ngày mồng 5, quân Tây sơn tiến sát đồn Ngọc Hồi (cách Thăng long 14km). Đây là vị trí phòng thủ quan trọng nhất của giặc ở phía Nam Thăng long. Xung quanh đồn, giặc cắm nhiều chông sắt và chôn nhiều địa lôi, trên thành đặt nhiều súng đại bác. Mở đầu trận đánh, hơn 100 voi chiến của quân Tây sơn xông vào đồn giặc. Quang Trung lại sai lấy 60 tấm ván gỗ ghép thành 20 lá chắn bên rơm tẩm nước, rồi cử 10 quân sĩ khiêng một lá chắn đi trước bảo vệ cho quân lính tiến theo sau. Đền sát lũy, quân ta bỏ lá chắn, dùng đoản đao xông vào chém giết. Quân Thanh bỏ chạy tán loạn, giẫm lên địa lôi bị chết vô số. Đồn Ngọc Hồi hoàn toàn bị tiêu diệt. Sờ song sót chạy về phía Thăng long, khi đến đầm Mực (Thanh trì, Hà nội) lại bị phục binh của ta đánh cho một đòn khủng khiếp nữa. Hàng vạn quân giặc bị vùi xác dưới cánh đầm lầy. Trong khi đó, một cánh quân Tây sơn kéo đến làng Nhân mục, đánh vào đồn Khương thượng (Đông đa, Hà nội). Quân ta bao vây bốn mặt rồi xông thẳng vào đồn. Giặc không có đường thoát, bị tiêu diệt nhanh chóng. Tướng giặc là Sâm Nghi Đồng liệu thế chông cự không nổi phải thất cổ tự tử ở gò Đông đa.

Thế là cùng trong một lúc các vị trí phòng thủ quan trọng của giặc đều bị tiêu diệt. Quân ta thừa thắng tiêu diệt nốt các đồn Văn điển, Yên quyết rồi rầm rộ tiến thẳng vào Thăng long.

Tôn Sĩ Nghị nghe tin thất bại dồn dập, hốt hoảng không kịp mặc áo giáp, nhảy lên ngựa không kịp đóng



Hình 37 — Chiến thắng Ngọc Hồi, Khương thượng

yên, chạy ra bờ sông Hồng vượt qua cầu phao. Quân Thanh nhón nháo chạy theo chen lẫn nhau qua cầu. Thầy nguy quá, Tôn Sĩ Nghị tàn bạo hạ lệnh cắt cầu phao. Thề là giặc rơi xuống sông chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Bè lũ Lê Chiêu Thống cũng vội vã chạy theo quân xâm lược.

Tôn Sĩ Nghị chạy đến huyện Phụng nhân (Hà bắc) lại bị một cánh quân Tây sơn đón đường chặn đánh. Sĩ Nghị vội vớt hết ần tén và cờ hiệu, trốn chạy lên Lạng sơn rồi vượt biên giới thoát được về nước.

Trưa mồng 5 tết, Quang Trung với chiếc áo bào xạm đen khói súng, dẫn đại binh rầm rộ kéo vào kinh thành Thăng long giữa tiếng reo hò của nhân dân.

*... Ba quân đội ngũ chỉnh tề tiến,
Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh,*

Mây tạnh mù tan trời lại sáng.

Đầy thành già trẻ mặt như hoa,

Chen vai khoác cánh cùng nhau nói :

Kinh đô vẫn thuộc núi sông ta⁽¹⁾.

Thề là chỉ trong vòng 5 ngày đêm kể từ khi vượt bèn đò Gián khẩu (đêm 30 tết), quân Tây sơn dưới sự chỉ huy của Quang Trung đã quét sạch 20 vạn quân Thanh xâm lược và bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống. Đó là chiến công vô cùng oanh liệt trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

(1) Ngô Ngọc Du, một nhà thơ đương thời.

4. Nguyên nhân thắng lợi

Cuộc đại phá quân Thanh thắng lợi rực rỡ và nhanh chóng trước hết là do sự vùng lên và nỗ

lực của tất cả các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là nông dân. Tinh thần yêu nước căm thù giặc của nhân dân ta đã « kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước » (lời Hồ Chủ tịch).

Một nguyên nhân thắng lợi nữa là sự lãnh đạo tài tình của Quang Trung. Quang Trung đã phát huy đến cao độ tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến quyết thắng của quân sĩ và nắm vững thời cơ, lợi dụng triệt để những nhược điểm của giặc, mở một cuộc phản công chớp nhoáng khiến cho giặc không kịp đối phó. Chủ động, chớp nhoáng, bất ngờ, tiêu diệt, áp đảo kẻ thù, đó là đặc điểm chỉ đạo chiến lược của Quang Trung. Quang Trung là một nhà chính trị và quân sự lỗi lạc. Từ một lãnh tụ nông dân kiệt xuất nhất, Quang Trung đã trở thành một vị anh hùng dân tộc vĩ đại.

CÂU HỎI

1. Lê Chiêu Thống cầu cứu nhà Thanh nhằm mục đích gì ?
2. Sau khi chiếm được Thăng long, quân Thanh và bè lũ Lê Chiêu Thống đã hành động như thế nào ?
3. Trước nạn ngoại xâm, Quang Trung và nhân dân ta đã có thái độ như thế nào ? Đã làm gì ?
4. Kể lại trận Ngọc Hồi và Đống Đa.
5. Trước sức tấn công mãnh liệt của quân ta, quân Thanh và bè lũ bán nước đã thất bại và bỏ chạy như thế nào ?

6. Do những nguyên nhân nào cuộc đại phá quân Thanh đã thắng lợi rực rỡ và nhanh chóng như vậy ?

BÀI 18

QUANG TRUNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC, CÙNG CỐ NỀN ĐỘC LẬP, THỐNG NHẤT DÂN TỘC

1. Xây dựng đất nước vững mạnh

Sau chiến thắng tết Kỷ dậu (1789), 20 vạn quân Thanh xâm lược đã bị quét sạch ra khỏi bờ

cõi, nhưng kẻ thù vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta. Phía bắc, Lê Chiêu Thống vẫn cúi đầu lạy van vua Thanh can thiệp lần nữa. Phía nam Nguyễn Ánh hèn mạt cầu cạnh bọn tư bản Pháp. Kẻ thù bên trong thông đồng với kẻ thù bên ngoài âm mưu lật đổ chánh quyền Tây sơn, xóa bỏ thành quả đấu tranh của nông dân và của dân tộc.

Trước tình hình khó khăn ấy, một lần nữa, Quang Trung tỏ ra rất sáng suốt và kiên quyết. Bây giờ Quang Trung đóng đô ở Phú xuân (Huế). Ông nhanh chóng chấn chỉnh lại chánh quyền từ trung ương đến tổng, xã. Chế độ tuyển binh được thực hiện, cứ 3 suất đinh thì lấy một suất lính. *Chiều khuyến nông* được ban hành, nhằm phục hồi dân phiêu tán, khai khẩn ruộng hoang. Chánh sách quân điền (chia ruộng công) cũng được sửa đổi lại cho dân có đủ ruộng cày cấy. Giảm tô thuế. Nhiều thứ thuế công thương nghiệp được bãi bỏ. Việc

buôn bán với nước ngoài được mở rộng. Quang Trung yêu cầu nhà Thanh « mở cửa ải, thông chợ búa, khiến cho hàng hóa không ngưng đọng để làm lợi cho sự tiêu dùng của dân ».

Về văn hóa, Quang Trung ban bố *Chiều lập học*, khuyến khích các xã mở trường học. Chữ nôm được đặc biệt đề cao. Quang Trung muốn coi chữ nôm như chữ viết chính thức của dân tộc. Ông lập viện Sùng chính và cử *Nguyễn Thiệp*, một học giả có tiếng lúc bấy giờ, dịch các sách chữ Hán ra chữ nôm. Bản thân Quang Trung cũng viết sắc lệnh thư từ bằng chữ nôm, làm thơ bằng chữ nôm. Ông có làm bài thơ hứa với dân Thăng long sẽ chữa lại Văn miếu trong đó có câu :

Mai sau dựng lại nước nhà

Bia nghề lại dựng trên tòa muôn gian.

Nhờ sự nỗ lực của dân và nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Quang Trung, xã hội nước ta bị trì trệ từ thế kỷ XVII nay lại bắt đầu phát triển. Nền kinh tế phục hồi nhanh chóng. Xã hội dần dần ổn định. Đời sống nhân dân được cải thiện một phần.

2. Kiên quyết giữ vững nền độc lập, thống nhất dân tộc

Sau khi bị những đòn trời giáng, vua Thanh rất hậm hực nhưng không dám xâm phạm nước ta lần nữa. Năm đúng chỗ

yêu của kẻ địch, Quang Trung đã tiến hành chánh sách ngoại giao mềm dẻo nhưng rất cương quyết. Cuối cùng vua Thanh phải công nhận Quang Trung là

« quốc vương » nghĩa là công nhận nền độc lập của nước ta và không được giúp đỡ bọn Lê Chiêu Thống. Tuy vậy tay chân của Chiêu Thống ở trong nước vẫn tìm cách chống đối chánh quyền mới. Lê Duy Chỉ, em ruột Lê Chiêu Thống, nổi dậy chiếm Cao bằng. Năm 1791 Quang Trung phái một đạo quân tiên thắng lên phía bắc đánh tan sào huyệt của bọn phản động.

Nguy cơ mặt bắc đã tạm yên, nhưng mối đe dọa ở mặt nam còn rất nguy hiểm. Nguyễn Ánh như con rắn độc bị đánh nhiều lần nhưng chưa chết, vẫn cõ nuôi hy vọng chống lại. Năm 1787 hắn đã lần về Gia định. Được bọn địa chủ phản động trong nước ủng hộ và bọn tư bản Pháp giúp đỡ, Nguyễn Ánh ra sức xây dựng lực lượng ở Gia định.

Thấy rõ nguy cơ ấy, Quang Trung quyết định mở một cuộc tiến công lớn tiêu diệt hoàn toàn lực lượng bọn Nguyễn Ánh. Theo dự định, Quang Trung sẽ huy động hai ba chục vạn quân, phối hợp cả với quân của Nguyễn Nhạc, tiến đánh Gia định.

Tháng 8 năm 1792, Quang Trung ban hịch cổ vũ nhân dân : « Nơi đâu ta đã kéo quân đến là kẻ thù bị đánh cho thất bại và tan tác, nơi đâu ta đã mở rộng chinh chiến là bọn quân Xiêm và quân Thanh tàn bạo đều phải quy hàng ». Quang Trung coi Nguyễn Ánh chỉ là « cái thây ma », và tuyên bố sẽ đánh tan tành « dễ như bẻ cành khô củi mục », sẽ lấy lại Gia định « trong nháy mắt ». Đối với bọn can thiệp phương Tây, vẫn tự khoe là có nhiều vũ khí tối tân, Quang Trung cũng căn dặn nhân dân : « Hạng người đó nào có tài cán gì ? Bọn chúng tất cả

đều mắt xanh như mắt rắn và các người chỉ được xem bọn chúng như những xác chết bị sóng biển Bắc đánh giạt vào. Có gì đáng lạ để nói với ta về những chiếc tàu đồng và khinh khí cầu của bọn chúng ».

Nhưng thật đáng tiếc, công việc đang tiến hành khẩn trương thì ngày 16 tháng 9 năm 1792 Quang Trung từ trần. Lúc đó ông mới có 39 tuổi. Lời cuối cùng Quang Trung dặn lại, là phải tiêu diệt cho bằng được mối « quốc thù » ở Gia định.

Cuộc đời của Quang Trung, từ khi 18 tuổi bắt đầu tham gia khởi nghĩa cho đến khi 39 tuổi, lúc từ trần, là một bài ca tuyệt đẹp của người « anh hùng áo vải » đã chiến đấu kiên cường cho quyền lợi của nhân dân và dân tộc, cho độc lập và thống nhất của Tổ quốc.

Một đoạn trong bức thư bằng chữ nôm do tự tay Nguyễn Huệ viết gửi cho Nguyễn Thiệp. Nguyên văn đoạn thư như sau :

« Chiêu truyền La Sơn Phu tử Nguyễn Thiệp khâm tri. Ngày trước ủy cho Phu tử về Nghệ an tướng địa làm đồ cho kịp kỳ này hồi ngự. Sao về tới đó chưa... ».

詔傳羅山夫子阮涉欵知縣畧委朱夫子
又安相地溫都朱及期尼回御牢衛細姬
覽鄧役而職喚駕回富春京休息士率王

Công chúa Lê Ngọc Hân, vợ của Quang Trung, đã ca ngợi sự nghiệp của Quang Trung có câu như sau:

*Mà nay áo vải cờ đào,
Giúp dân dựng nước xiết bao công trình.*

CÂU HỎI

1. Sau khi đánh bại quân Thanh, nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc còn bị đe dọa như thế nào?
2. Quang Trung đã có những chính sách gì để xây dựng đất nước? Kết quả?
3. Quang Trung đã chuẩn bị như thế nào để tiêu diệt Nguyễn Ánh? Ông đã tuyên bố như thế nào khi chuẩn bị tiêu diệt Nguyễn Ánh?
4. Tại sao công chúa Ngọc Hân lại dùng chữ «áo vải» để chỉ Quang Trung.

MỤC LỤC

Chương thứ nhất

CỦNG CỐ NỀN ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ XÂY DỰNG QUỐC GIA PHONG KIẾN THỐNG NHẤT (thế kỷ XI—XV)

		Trang
Bài 1.	Nhà Lý củng cố nền độc lập và xây dựng đất nước (2 tiết)	3
Bài 2.	Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1 tiết)	10
Bài 3.	Nhà Trần tiếp tục củng cố nền độc lập và xây dựng đất nước (1 tiết)	16
Bài 4.	Ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông Nguyên (thế kỷ XIII) (3 tiết)	20
Bài 5.	Sự phát triển rực rỡ của nền văn hóa dân tộc thời Lý—Trần (1 tiết)	35
Bài 6.	Phong trào nông dân khởi nghĩa thế kỷ XIV. Nhà Trần sụp đổ, nhà Hồ lên thay (1 tiết)	43
Bài 7.	Cuộc xâm lược của nhà Minh và phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta (1 tiết)	47
Bài 8.	Cuộc khởi nghĩa Lam sơn (1418—1427) (3 tiết)	52

THÌ HỌC KỲ I

Chương thứ hai

CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TẬP QUYỀN TỪ THỊNH ĐẠT CHUYỂN SANG SUY YẾU (thế kỷ XV—XVII)

Bài 9.	Chế độ phong kiến tập quyền cường thịnh đầu thời Lê. (Đầu thế kỷ XV—đầu thế kỷ XVI) (2 tiết)	65
--------	--	----

Bài 10.	Nhà Lê suy yếu và khởi nghĩa nông dân đầu thế kỷ XVI	(1 tiết)	75
Bài 11.	Cuộc xung đột giữa các phe phái phong kiến Nam — Bắc triều và Trịnh — Nguyễn	(1 tiết)	78
Bài 12.	Tình hình kinh tế thế kỷ XVI — XVII	(1 tiết)	81
Bài 13.	Tình hình văn hóa thế kỷ XVI — XVII	(1 tiết)	85

Chương thứ ba

CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TẬP QUYỀN SUY YẾU CỰC ĐỘ. KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN (thế kỷ XVIII)

Bài 14.	Chế độ phong kiến Đàng ngoài suy yếu cực độ. Khởi nghĩa nông dân bùng nổ	(2 tiết)	91
Bài 15.	Chế độ phong kiến Đàng trong suy yếu, những cuộc khởi nghĩa trước khởi nghĩa Tây sơn	(2 tiết)	97
Bài 16.	Khởi nghĩa Tây sơn và sự sụp đổ của các thế lực phong kiến mục nát	(2 tiết)	100
Bài 17.	Tây sơn đại phá quân Thanh, bảo vệ độc lập dân tộc	(2 tiết)	110
Bài 18.	Quang Trung xây dựng đất nước, củng cố nền độc lập, thống nhất dân tộc.		118

LỊCH SỬ LỚP BÀY

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG
In 50.000 cuốn khổ 14,5 × 20,5 tại nhà in
KHẮC HẠNH số 318, Võ Văn Tần, Thành
phố Hồ Chí Minh — In xong tháng 5-1976.
Nộp lưu chiểu tháng 5-1976

- Cách bắt mồi và xử trí của chúng?
2. Cấu tạo trứng và có liên hệ gì không thực vật?
 3. Sự xâm nhập và phát của trứng từ một con ty máu nư
 4. Kể các cách sinh sản của thủy tức?
 5. Cấu tạo thủy tức
 6. Quan thích gần: ngành ĐU nguyên sinh có cấu tạo như thế nào và có ưu tính chất của sinh vật này?
 7. Sự sinh sản tạo nên sự đa dạng của thủy tức ngành này tiến hóa hơn? tại sao?
 8. Sự nhiệm vụ của tua và cách sống?
 9. Sự phát triển của rêu đây và cách sống?
 10. Đặc điểm của ngành rêu này?

++